VĂN HỌC Nghệ thuật

SÁNG TÁC • NHẬN ĐỊNH

NHƯ CHI □ PHẠM DUY □ NGUYỄN ĐÌNH HÒA □ LÊ MỸ HƯƠNG □ NHẤT LINH □ LÊ HỮU MỤC □ NGUYỄN THỊ NGỌC NHUNG □ THANH NHUNG □ HOÀNG XUÂN SƠN □ NGUYỄN VĂN SÂM □ □ ĐOÀN THÊM □ PHẠM VĂN KỲ THANH □ HỒ CÔNG TÂM □ TƯỞNG NĂNG TIẾN □ NGUYỄN MAI THẠCH □ TRỊNH Y THƯ □ KIỆT TẤN □ NGU.YÊN □ TÔ THÙY YÊN □

BỘ MỚI * SỐ 4 * THÁNG 8 NĂM 1985

tạp chí văn nghệ đầu tiên của người việt hải ngoại

Trong số này :

NHẬN ĐỊNH

V.H.N.T.	397	Thư Tòa soạn
LÊ HỮU MỤC	398	Nhất Linh và tôi
PHẠM DUY	418	Thời kỳ thành lập : Những thử thách và thành quả đầu tiên
TƯỞNG NĂNG TIẾN	428	Đọc truyện Nước Xuống
PHẠM VĂN KỲ THANH	470	Hành trình vào âm nhạc Việt

TRUYỆN NGẮN

NHẤT LINH	413	Con cá vàng
KIỆT TẤN	442	Em điên xõa tóc
LÊ MỸ HƯƠNG	478	Lỡ lầm
NGUYỄN VĂN SÂM	485	Nói với khoảng không
NGUYỄN THỊ NGỌC NHUNG	494	Yêu một người

THƠ

HOÀNG XUÂN SƠN	412	Bỗng dưng một ngày
HỒ CÔNG TÂM	417	Sống trong cõi chết
ĐOÀN THÊM	427	Ra đi - Đến nơi - Lạc đường
NGU YÊN	438	Thơ Ngu Yên
THANH NHUNG	469	Tiêu hao
NGUYỄN MAI THẠCH	476	Trường hận
HOÀNG XUÂN SƠN	484	Điều ghi nhận ở một nơi đến
NHƯ CHI	492	An phận
TRỊNH Y THƯ	503	Thảo vấn

THỜI SỰ SINH HOẠT

VƯỜN THƠ VĂN CỮ	505	Thơ Tô Thùy Yên
NGUYỄN ĐÌNH HÒA	507	Tự điển hay từ điển ?
NGUYỄN VĂN	509	Thời sự Văn học nghệ thuật
V.H.N.T.	516	Điểm sách, sách mới nhận được
V.H.N.T.	519	Hộp thư tòa soạn

Thư Tòa Soạn

Qua ba số Văn-Học Nghệ-Thuật đã phát hành, tòa soạn chúng tôi nhận được rất nhiều khích lệ từ phía các văn hữu xa gần, bạn đọc, cũng như các vị hảo tâm đã giúp đỡ cho Văn-Học Nghệ-Thuật vượt qua các khó khăn ban đầu.

Nhiều bạn đọc của Văn Học Nghệ Thuật bộ cũ đã viết thư về tỏ niềm vui trùng phùng, vừa khích lệ vừa lo âu hộ cho Văn Học Nghệ Thuật bộ mới.

Nhiều vị Mạnh Thường Quân đã giúp đỡ cụ thể cho Văn Học Nghệ Thuật đủ tài chánh trả chi phí ấn loát, đa số quí vị ấy vì tính khiêm nhường đều không muốn chúng tôi tỏ lòng cảm tạ trên mặt báo.

Tại quận Cam, Cali, là nơi Văn Học Nghệ Thuật đặt tòa soạn, các thương gia và một số quí vị bác sĩ đã giúp đỡ chúng tôi bằng cách cho quảng cáo dài hạn.

Nhưng cảm động nhất vẫn là sự đóng góp bài vở của phần lớn các cây bút lưu vong hiện định cư tại khắp nơi trên thế giới. Chúng tôi nhận được những sáng tác mới xuất sắc, những bài khảo cứu công phu từ Úc, Pháp, Tây Đức, Canada... và các tiểu bang khác ở Hoa Kỳ gửi về.

Vì vậy, qua hai số có chủ đề về Hội họa *và* Tưởng niệm Nhất Linh, *số này chúng tôi xin dành nhiều trang để giới thiệu các sáng tác mới tiêu biểu của giới cầm bút hải ngoại. Đặc biệt, ban chủ biên Văn Học Nghệ Thuật trân trọng giới thiệu trong số này truyện ngắn* Em điên xõa tóc *của nhà văn* Kiệt Tấn *ở Pháp, và loạt thơ độc đáo của nhà thơ* Ngu Yên *ở Arkansas Hoa Kỳ.*

Văn Học Nghệ Thuật

Lê Hữu Mục
Nhất Linh và tôi.

Tôi biết Nhất Linh vào khoảng onăm 1939, trong ban nhạc *Tài Tử* dạo ấy mang tên Pháp là *Orchestre Amateur* do anh tôi là Lê Ngọc Huỳnh sáng lập cùng với các bạn của anh là anh Giệp (giáo sư vĩ cầm), Oánh (nhạc sĩ sáng tác), Khánh (ca sĩ giọng tê-no). Ban nhạc gồm khoảng 30 nhạc sĩ có thể nói là tên tuổi nhất thời đó, tỉ dụ ngoài anh Giệp là cây vĩ cầm số một của Việt Nam thời tiền chiến, còn có anh Quy, cây đại hồ cầm hay nhất của Hà Nội, anh Nhường, hồ cầm, và saxophone; tôi dạo ấy còn nhỏ, đang học trung học đệ nhất cấp, nhưng cũng đã bắt đầu được nhiều người biết đến nhờ tiếng đàn banjo, nhất là nhờ bài hát *Chèo đi bơi đi* được phổ biến trong giới hướng đạo. Ban nhạc *tài tử* tập dượt đều đặn vào những buổi chiều thứ bảy tại nhà anh tôi ở số 8 đường Lamblot, sau gọi là phố Lý Quốc Sư, và đã chính thức ra mắt bà con thành phố cuối năm 1939 tại Nhà Hát Lớn thành phố. Ngoài một số bài hòa tấu Tây phương, lịch trình văn nghệ còn gồm một số bài nhạc Việt Nam của Nam Huân (tức Lê Ngọc Huỳnh, tác giả bài *Tiếng Thu*), Thẩm Oánh (tác giả nhiều bài hát nổi tiếng trong đó có bài *Trưng Nữ Vương, Thanh Niên ca v.v...* do các nam ca sĩ hát như các anh Võ Khánh, Đoàn Tòng là những tê-no nổi tiếng thời tiền chiến; các bài nhạc đều do Nam Huân hòa âm và phối trí. Khi Nhất Linh tìm đến với ban nhạc khoảng cuối năm 1939; theo lời anh tôi thì lúc đầu tự xưng tên là Tam, chơi hắc tiêu (clarinette) nên cũng chưa ai biết người nhạc sĩ đó là Nhất Linh, chỉ biết anh ta mới học chơi kèn nên chưa có gì là xuất sắc, nhân tiện

trong ban nhạc đã có anh Hiển, bác sĩ Hiển, giữ chân hắc-ti u chính nên cho anh chơi phần phụ tức là anh chỉ là người mà ban nhạc gọi là 2ème clarinette, chân hắc tiêu thứ 2, theo tôi nghe dạo ấy thì kỹ thuật chơi hắc tiêu của ông nhạc sĩ già này còn non yếu, ông chỉ chơi được những bài ít đi-e (dièze, dấu tăng), ít bê-mon (bémol, dấu giảm), nhịp điệu chậm và ở cung trầm, nghĩa là chỉ lên cao nhất là nốt *đô* (do) và xuống thấp đến nốt *mi*; mỗi lần phải thổi ở cung trên, phải bấm vào cái clavier si bê mon (si bémol) thì ông lại thổi sai, hoặc chậm, hoặc có trúng được thì cũng rất nặng nhọc. Dạo ấy, ban nhạc chỉ chơi toàn bài dễ, như bài *Valse des yeux noirs* (Luân khúc mắt nhung), bài *Flots du Danube* (Sóng Đa-giang), khó hơn một chút là bài *Le calife de Badag* (Thánh đế thành Bát-đa), khó hơn hết là bài *Poète et paysan* (thi sĩ và nông dân, bài này thường phải có anh Giệp vừa chơi vĩ cầm vừa điều khiển ban nhạc mới dám chơi. Tôi nhớ có hôm ban nhạc đang dượt bài *Sóng Đa giang* của Ivanovici, ông nhạc sĩ già cứ chơi trật nhịp làm cho ban nhạc phải dừng lại quá nhiều lần đâm ra cáu kỉnh mới yêu cầu ông nhạc sĩ già ấy tạm ngừng chơi để cho ban nhạc dượt hết bài thì anh Giệp không biết ở đâu xuất hiện; nhác thấy ông nhạc sĩ già ngồi chơi xơi nước bên cạnh anh Hiển, anh Giệp reo lên:

— Anh Nhất Linh, trời ơi, cơn gió nào đưa nhà văn đến đây vậy?

Nghe đến tên Nhất Linh, bạn nhạc khựng lại và tất cả chúng tôi bỏ đàn ngồi quây quần chung quanh anh Giệp và anh Nhất Linh để nghe hai người nói chuyện và tuy rằng ngày hòa nhạc cho công chúng Hà Nội nghe đã rất gần mà chúng tôi vẫn không thấy cần thiết phải tập nữa, chỉ muốn ngồi nghe anh Nhất Linh nói chuyện vì vào thời đó, Nhất Linh đã nổi tiếng là một nhà văn lớn; câu chuyện càng đậm đà sôi nổi hơn khi có anh Đinh Gia Trinh và anh Nguyễn Văn Thuận, hai giáo sư khá nổi tiếng thời bấy giờ vác vĩ cầm đến tham gia vào ban nhạc; anh Thuận là một giáo sư cử nhân toán ít để ý đến văn học nên cũng chưa được biết Nhất Linh, nhưng anh Trinh, cử nhân luật, giám đốc báo *Le Monône* của sinh viên trường luật đã quen Nhất Linh từ trước cho nên câu chuyện giữa các anh ngả hẳn về văn học, văn hóa và chính trị. Anh Hiển có lẽ vì hối hận đã nổi cáu với Nhất Linh nên tự động vào nhà trong lấy nước trà ra mời nhà văn uống. Anh nói:

— Không ngờ chơi nhạc với anh mấy lần rồi mà không biết anh là nhà văn Nhất Linh. Tôi đã đọc anh từ mười năm nay, có lần tôi đã đến 80 Quan Thánh để xin gặp anh, nhưng không được gặp, gặp anh ở đây thật là bất ngờ, có ai ngờ được ông nhạc sĩ hắc tiêu này lại là anh và ngồi ngay bên cạnh tôi mà tôi không biết.

Nhất Linh cười:

— Anh gọi tôi là nhạc sĩ làm cho tôi ngượng quá. Ở quê tôi, họ

gọi tôi là nhạc sĩ, anh ạ, sĩ là sĩ nhục ấy mà.

Trước kia ai cũng tưởng Nhất Linh là người Bắc, nhưng sau đó, nhờ Nhất Linh nói chuyện mới được biết anh là người gốc miền Trung, quê ở Quảng Nam mà về sau này, khi nghiên cứu về thân thế Nhất Linh, tôi có đến thăm ngôi nhà thờ ở Cẩm Phổ. Qua câu chuyện hôm ấy, tôi được biết Nhất Linh đang bị cảnh sát công an Pháp truy nã; đến chơi với chúng tôi, anh phải để râu và ngụy trang thành một ông già, có lẽ vì thế mà tôi hay gọi anh là ông nhạc sĩ già vì tưởng rằng ít ra anh cũng đã ngoài 50 tuổi; có lẽ đoán biết được ý tôi nên anh Nhất Linh nhẹ nhàng gỡ chiếc râu giả ra, và anh Hiển reo lên:

— Đúng là tôi đã thoáng thấy anh ở trên tòa báo *Ngày Nay*, thế mà hôm ấy họ không cho tôi gặp, họ bảo anh đi vắng.

Nhất Linh cười:

— Tôi là Nhất Linh mà anh, có mặt cũng như vắng mặt, mà vắng mặt cũng như là có mặt.

Mọi người cười rộ vì câu nói ngộ nghĩnh; tôi không hiểu gì nhưng cũng cười theo, mãi về sau tôi mới hiểu câu nói ý nhị của Nhất Linh hôm đó. Giọng anh nói rất trầm, rất ấm, y như tiếng kèn hắc tiêu của anh vậy; nói cho đúng Nhất Linh thổi hắc tiêu chưa giỏi, nhưng tiếng kèn của anh rất hay, rất êm và rất ngọt, nhất là ở cung trầm. Tôi để cho người lớn nói chuyện với nhau về chính trị vì tôi chưa hiểu rõ những từ như phong kiến, thực dân, cách mạng nó quan trọng đến mức độ nào, chỉ thấy các anh đứng vòng quanh bên Nhất Linh nghe anh nói như một nhà truyền giáo đang rao giảng kinh thánh vậy; thỉnh thoảng lại thấy đầu các anh gật gật, hoặc giơ tay tán thưởng, có khi lại reo lên, hoặc cười phá lên một cách thích thú. Phải công nhận Nhất Linh thời đó là một thần tượng của giới trẻ, ảnh hưởng của anh rất lớn đối với các giáo sư trung học, các sinh viên đại học là giới trí thức cao cấp thời đó. Anh Huỳnh không thấy tôi đâu liền lên tiếng gọi; tôi chạy ra, anh bảo:

— Xin giới thiệu với anh Nhất Linh, đây là em tôi, thích đọc sách và làm thơ viết văn lắm, chẳng chịu học hành gì cả, suốt ngày chỉ lo trau giồi văn chương thôi, anh bảo em nó phải làm gì để vừa đỗ được cử nhân khoa học vừa giỏi văn chương như anh.

Nhất Linh bắt tay tôi:

— Có được cái cử nhân khoa học thì có gì là giỏi đâu, còn muốn thành công về văn chương thì điều cốt yếu là phải có tài, mà có tài là biết thích, biết yêu văn chương, đêm ngày không lúc nào không tận tụy với nó.

Anh tôi hỏi:

— Nhưng thực tế thì phải làm thế nào?

— Phải đọc nhiều và viết nhiều, không ngày nào không có một dòng như người la tinh nói vậy đó: sine die sine linea.

Anh Giệp nói:

— Vào phòng của anh Nhất Linh, tôi thấy toàn là sách với báo thôi, mà hình như anh yêu tiểu thuyết của André Gide lắm thì phải?

Nhất Linh xua tay:

— Nguyễn Du thứ nhất, thứ hai là Dostoievky, còn thứ ba là các nhà văn khác mà đại diện là Gide.

Thế là câu chuyện lại xoay quanh Nguyễn Du và Dostoievky nên tôi lại chẳng hiểu gì nữa. Anh Đinh gia Trinh đang nghiên cứu về Dostoievsky nên tranh luận với Nhất Linh rất hăng; các anh nói tới những từ như *đối thoại nội tâm* nghe rất kêu nhưng mãi về sau này tôi mới hiểu nghĩa, nhất là khi đọc những bài báo của anh Đinh Gia Trinh nói về Dostoievky trên báo Thanh Nghị. Kỹ thuật xây dựng tiểu thuyết của Dostoievky được Nhất Linh áp dụng khi viết *Xóm Cầu Mới*, sau này được xuất bản thành tập như *Dòng sông Thanh Thủy* chẳng hạn; vì chưa quen với lối phân tích nội tâm tỉ mỉ của trường phái tiểu thuyết Nga, sau này ảnh hưởng mạnh mẽ trên sự hình thành của trường phái tân tiểu thuyết của Pháp, nên độc giả Việt Nam không chịu đọc Nhất Linh nữa, cho là nhà văn đã về già, đã lỗi thời nên chỉ nói lẩm cẩm. Tôi tin rằng thời gian và kinh nghiệm đọc văn chương quốc tế của quần chúng sẽ hồi phục danh dự cho Nhất Linh, hoặc ít nhất cũng cho họ có hoàn cảnh phát hiện mặt kỹ thuật mới trong cách hành văn của nhà văn hào.

*
* *

Trở lên là tôi gặp Nhất Linh năm 1940. Sự gặp gỡ này đã để lại trong tôi một dấu ấn sâu đậm và một kỷ niệm khó quên về Nhất Linh. Vào Huế dạy học năm 1951, bài giảng thành công nhất của tôi đối với học sinh trường trung học Khải Định là về đề tài Nhất Linh nói riêng và Tự Lực văn đoàn nói chung. Sự thành công của tôi đối với giới trẻ chứng thực rằng các vấn đề mà Nhất Linh đã đặt ra từ 30 năm trước vẫn còn giữ được tính thời sự; cũng nhờ những thành công này mà tôi đã được ăn nhiều bữa cơm ngon tại các tư gia, đáng nhớ nhất là tại tư dinh của ông đại biểu Trung nguyên Trung phần; số là cuối năm 1953, tôi được chọn đọc bài diễn văn thường lệ tại trường trung học Khải Định, đề tài là Nhất Linh, nhà sáng lập và lãnh đạo Tự Lực văn đoàn; một tuần sau, tôi được ông đại biểu mời lên xơi cơm tại tư dinh, và câu chuyện trao đổi giữa ông và tôi đã chỉ xoay chung quanh đề tài

nhà văn Nhất Linh; ông đại biểu cho biết ông coi nhà văn như bậc đàn anh (ông đã học dược khoa tại Hà Nội) và rất thích đọc văn Nhất Linh; bữa cơm đáng nhớ nữa là tại nhà bác sĩ Bùi Kiện Tín sau đó; bác sĩ ngỏ ý muốn đăng bài diễn văn của tôi trên tờ tuần báo của ông, và tôi đã bằng lòng; bác sĩ nói cũng có quen biết Nhất Linh và rất ngưỡng mộ nhà văn kiệt xuất này. Chị Tịnh Nhơn, vợ của giáo sư Văn Đình Hy, cho tôi đến ăn cơm nhiều lần cũng vì lòng mến mộ của chị đối với Nhất Linh; chị đọc cho tôi nghe từng đoạn văn dài trong *Đoạn Tuyệt*, trong *Đôi Bạn*, và không gì thích thú bằng khi được nghe những câu văn hay của Nhất Linh trong một gian phòng có cửa kính sang trọng, nhìn ra bên ngoài là sông Hương và những rặng phượng vĩ như máu. Tôi làm được bài nhạc *Hẹn một ngày về* chính là nhờ đã được sống trong những khung cảnh tương tự. Chỉ có một điều đáng tiếc là cũng vì Nhất Linh mà anh chị Văn Đình Hy phải bỏ nhau.

Câu chuyện rất dài nhưng tôi chỉ xin tóm tắt là khoảng năm 1969, chị Hy, tức nhà văn Tịnh Nhơn có nhờ tôi đến anh Hy giải thích cho anh ấy hiểu câu chuyện đứa con mà chị ấy quả quyết là đã có với anh Hy thực sự chứ không phải với đứa con nuôi; tôi đến tìm anh Hy để nói lại cho anh ấy biết ý của chị Hy là như thế, nhưng anh Hy không nghe và quát lên:

— Anh mà cũng tin cái con đĩ ấy à, nó đi ngủ với đứa con nuôi để có con rồi chắc nó đã ngủ cả với mấy ông sư trên chùa nên ai cũng bênh nó và đổ lỗi cả cho tôi thôi. Đây cho anh xem những bằng chứng này.

Thế là anh hộc tốc chạy vào buồng ngủ, đưa ra cho tôi xem mấy cuốn sách có lời đề tặng: *Tặng em để nhớ một chiều mưa buồn*, rồi: *Tặng em để nhớ chị mãi mãi* v.v... Anh xem, mua sách cho con nuôi mà đề rứa à? Có co. nó là tình nhân mới viết như rứa chứ. Đây anh xem.

Anh đưa cho tôi xem một cuốn nhật ký trong đó có ghi một cách nắn nót những đoạn văn tả đôi tình nhân ngồi thủ thỉ với nhau dưới gốc khế, hoặc cô tình nhân trẻ đưa cho cậu tình nhân một đóa hoa hồng rồi nói: em hôn anh. Rồi anh kết luận:

— Đấy anh xem nó có lãng mạn không? Nó có phải là một con điếm không. Như thế làm gì nó không có con với đứa con nuôi?

Tôi lắc đầu :

— Anh lầm. Những câu văn đó đâu có phải của chị? Đó là của Nhất Linh đó, ông ơi. Chị chỉ có công viết lại — và viết một cách trân trọng bằng những chữ nắn nót — là có ý để học thôi chứ có để làm gì đâu?

Sự can thiệp của tôi chỉ vô ích vì anh Hy cứ đinh ninh đó là những cảm nghĩ của vợ anh, chứ không biết đó là văn của Nhất Linh. Chị Hy qua đời năm 1984, tôi có nói lại câu chuyện cũ cho anh hiểu và khuyên

anh nên đến dự đám tang của chị và "xin lỗi" hương hồn chị. Hình như anh Hy có đến.

Hiểu lầm văn Nhất Linh không phải chỉ có anh Hy, mà còn có nhiều người nữa, trong đó người hung dữ nhất phải kể là linh mục Nguyễn Văn Thích. Vị linh mục này là một nhà nho uyên thâm, thường có tư tưởng đồng hóa công giáo với nho giáo, cho nên quan niệm về đạo đức của ngài rất chặt chẽ và nghiêm khắc. Nhiều lần ngài gọi tôi lên chơi với ngài tại họ đạo Kim Long, và trong một khung cảnh đầy những câu đối chữ hán, ngài khuyên tôi không nên dạy truyện Kiều, Hồ Xuân Hương, và Tự Lực văn đoàn. Ngài đã vận động với bộ quốc gia giáo dục bỏ các tác phẩm và tác giả nói trên ra ngoài chương trình Việt văn, bộ không biết giải quyết thế nào cho ổn đành gửi công văn về các trường trung học yêu cầu các giáo sư Việt văn họp lại để bàn về vấn đề này; dĩ nhiên toàn thể các giáo sư trong đó có tôi nhất loạt đồng ý duy trì truyện Kiều, Hồ Xuân Hương và Tự Lực văn đoàn trong chương trình Việt văn. Ra khỏi phòng họp, cha Thích giơ tay chỉ vào mặt tôi:

— Anh là người phản đạo.

Tôi không hiểu danh từ *đạo* ở đây là gì? Nếu là đạo nho thì hiển nhiên các tác giả và tác phẩm ấy đều có tính bài xích nho giáo; còn đối với công giáo thì phải xét lại. Cũng vì chuyện bênh vực Nhất Linh mà tôi gặp rất nhiều khó khăn về chính trị trong những năm từ 1955 trở đi, mặc dầu ông Ngô Đình Diệm hồi còn làm thủ tướng có ra Huế gặp riêng tôi, cha Nguyễn Văn Lập và giáo sư Bùi Xuân Bào để kêu gọi đoàn kết và hô hào ủng hộ ông. Ngay việc linh mục Cao Văn Luận mời tôi làm giáo sư đại học Huế lúc đầu cũng bị linh mục Thích cản trở. Tôi nhớ là vào năm 1956, cha Luận cho tôi biết là sẽ thiết lập tại Huế một viện đại học mới lấy tên là đại học Huế và yêu cầu tôi phụ trách phần Việt văn. Tôi từ chối vì tự thấy chưa đủ khả năng để dạy đại học thì cha Luận cho biết chỉ cần trình độ mà tôi đã có khi viết *Khảo luận về Đoạn Tuyệt* là quá đủ, không cần gì hơn nữa.

Tôi nhận lời và đã cùng với các anh Lê Văn và Lê Tuyên soạn thảo chương trình cho năm 1957-1958, đùng một cái cha Luận gọi tôi tới và cho biết việc dạy học của tôi bị cha Thích cản trở. Cha Luận nói:

— Hôm qua trời mưa bão mà cha Thích cũng đạp xe đạp đến nói rằng cha không bằng lòng có anh trong ban giáo sư Việt văn; nếu cần thì mời dạy sử địa, hay Pháp văn, chứ Việt văn thì nhất định không.

Tôi hỏi lý do tại sao, cha Luận đáp:

— Thì vẫn những lý do cũ, như là anh chỉ dạy các tác phẩm chống nho giáo, anh chỉ nói đến những tác phẩm có anh anh em em trong đó. Ông ấy không chịu được. Tôi hỏi nếu anh Mục không dạy thì mời ai, cha đề nghị cho một người đi thì cha bảo để cha dạy, không cần mời ai hết. Thôi, anh chịu khó chờ tôi ba tháng đi, khoảng sau Tết xin mời

anh đến dạy vì tôi biết cha Thích chỉ dạy được khoảng hai ba tháng là cùng, rồi sẽ không có ai đến học cho mà xem. Dạy Việt văn đâu có dễ!

Quả nhiên không quá hai tháng sau đó, cha Luận ra văn thư mời tôi đến dạy môn Văn Học Việt Nam hiện đại; trong chương trình dĩ nhiên tôi có đề cập đến Nhất Linh và Tự Lực văn đoàn. Cha Thích vẫn ra mặt chống đối tôi nhưng sự chống đối của cha không có hiệu lực nữa. Sức mạnh của tôi được hun đúc bởi tài năng của Nhất Linh, của các nhà văn trong Tự Lực văn đoàn và các nhà văn khác mà tôi nghiên cứu và trình bày một cách khoa học. Anh Vũ Khắc Khoan cho tôi biết uy tín của tôi rất lớn là nhờ ở cuốn *Khảo luận về Đoạn Tuyệt* và cuốn *Thân thế và sự nghiệp Nhất Linh*. Tôi xin nói về hoàn cảnh sáng tác hai cuốn sách này và lần gặp gỡ thứ hai giữa tôi và Nhất Linh.

*
* *

Khi tôi đến Huế dạy học, Huế đã có nhiều giáo sư Việt văn nổi tiếng như quí anh Đái Đức Tuấn, tức Tchya (tôi chẳng yêu ai), tác giả cuốn thần kỳ tiểu thuyết *Thần hổ*, anh Phan Văn Dật, Tôn Thất Dương Kỵ, Bửu Cầm, Phạm Ngọc Hương, Lê Hữu Khải; cụ Tôn Thất Lương, giáo sư trường nữ học Đồng Khánh, nhà chú-giải truyện cổ nổi tiếng thì vừa mới qua đời; anh Lê Hữu Khải, rất giỏi văn chương Việt Nam, nhưng lại là kỹ sư canh nông nên mới được trả lại bộ canh nông; anh Tchya thì suốt ngày đêm đi mây về gió với nàng tiên nâu trên một chiếc đò mà anh thuê riêng để làm động tiên của anh, nên cũng ít lưu tâm đến việc dạy học, mặc dầu anh dạy rất hay, anh lại rất giỏi chữ Hán và Pháp văn, anh Phan Văn Dật là một nhà thơ có tên trong cuốn *Thi văn hiện đại* của Hoài Thanh, nhưng dạy thành công ở trường Đồng Khánh, hơn là ở trường Khải Định, thành ra, tổng kết về các giáo sư dạy giỏi của Huế thời đó, tôi có thể kể các giáo sư Phạm Ngọc Hương, Bửi Cầm, Tôn Thất Dương Kỵ và một giáo sư cũ của Huế vừa học xong cử nhân Luật ở Sàigòn trở về Huế dạy lại là anh Hà Như Chi. Anh Phạm Ngọc Hương là một giáo sư nổi tiếng cường-ký; tuy anh làm rất nhiều nghề, như làm chủ một nhà hàng cơm tây, đồng thời cũng làm chủ luôn một ga ra chữa xe hơi, nhưng khi vào lớp dạy học, nhờ có vốn sống phong phú và những kinh nghiệm vật lộn với đời, anh đã tỏ ra là một giáo sư Việt văn lỗi lạc; anh Bửu Cầm và Tôn Thất Dương Kỵ cũng là những giáo sư nổi tiếng không kém gì giáo sư Phạm Ngọc Hương, nhưng người dạy học duy nhất đã công bố giáo trình độc đáo của mình là anh giáo sư Hà Như Chi, độc đáo đến nỗi từ năm 1952 đến nay, tôi chưa thấy có tác phẩm giảng văn nào có giá trị hơn hai tập *Việt Nam thi văn giảng luận* của anh. Sự thành công của anh Hà Như Chi, và sự cạnh tranh ngấm

ngầm giữa các giáo sư Việt văn thúc đẩy tôi phải làm một cái gì độc đáo, phải viết một cái gì thật đặc sắc mới chọc thủng được cái màn tầm thường đang bủa vây tôi cũng như bủa vây các giáo sư trẻ, mới ngoi được lên một chỗ cao để cho mọi người trông thấy. Tự nhiên tôi nghĩ đến Nhất Linh và Tự Lực văn đoàn; tôi tự hỏi tại sao tôi không nghiên cứu đầy đủ hơn về Nhất Linh, về một tác giả mà học sinh rất thích mà riêng tôi tôi đã được tiếp xúc một cách thân mật. Ý định của tôi càng được củng cố khi tôi có dịp nói về Nhất Linh trong bài diễn văn thường lệ đọc tại trường Khải Định cuối năm 1953, trước sự hiện diện của ông đại biểu Trung nguyên Trung phần và tất cả các giới văn hóa, giáo dục, chính trị của cố đô, và sự thành công của bài diễn văn đọc trong buổi lễ long trọng đó đã làm cho tôi vô cùng phấn khởi. Ngày cuối năm đó, tôi bắt tay vào kế hoạch nghiên cứu Nhất Linh và viết xong cuốn Khảo luận về Đoạn Tuyệt; nhân có dịp chấm thi Tú Tài trên Đà Lạt, tôi đã dò hỏi được nơi ở của Nhất Linh ở đường Đặng Thái Thân ở ngoại ô Đà Lạt; đến Đặng Thái Thân thì được người nhà cho biết là Nhất Linh đang ở Fin Nôm cách Đà Lạt không xa, thế là tôi phóng đến Fin Nôm, đi qua một đám rừng nhỏ là đã nghe thấy tiếng hắc tiêu của Nhất Linh đang thổi bài *Hẹn một ngày về* của tôi. Tôi biết đó là tiếng kèn của Nhất Linh vì đã được người con của ông cho biết là cứ đến đó, hễ nghe văng vẳng có tiếng rờ-la-ri-nét là đúng, nhưng thật không bao giờ tôi có thể ngờ được là được nghe Nhất Linh thổi đúng bài hát của tôi; không có gì thích thú bằng khi được nghe bài hát của mình được diễn tả bằng tiếng hắc tiêu ngọt ngào, êm ái và cao vút; tôi thấy các nốt nhạc nối tiếp nhau bay lên không gian, đu đưa từ lá này sang lá nọ và pha trộn vào tiếng xào xạc của cây rừng, tiếng róc rách của suối, tiếng chim ca trong rừng sâu. Bài ca của tôi làm theo ngũ cung; tiếng láy của hắc tiêu lại càng làm nổi bật tính Á đông của bài ca, và điệu ngũ cung lan rộng trong sự tịch mịch của núi rừng đã bắt đầu về chiều bao phủ không gian một không khí gần như linh thiêng; tôi nghe văng vẳng có tiếng chuông chùa, hình như tiếng chuông chùa Thiên Mụ (tức chùa Linh Mụ), và tôi đến gần Nhất Linh, thấy nhà văn đang chìm đắm trong tiếng nhạc chẳng khác gì như một nhà sư đang ngồi thiền. Tiếng kèn chậm lại, nhỏ dần rồi chấm dứt, lúc ấy anh mới mở mắt ra trông thấy tôi; tôi lên tiếng trước:

— Xin kính chào nhà văn Nhất Linh.

Rồi tôi tự giới thiệu:

— Tôi là Lê Hữu Mục, giáo sư Việt văn trường trung học Khải Định Huế.

Tôi ấp úng không biết nên gọi Nhất Linh một cách thân mật là anh như ngày xưa, hay gọi là cụ, vì trước mặt tôi bây giờ là một cụ già thực sự, với mái tóc hoa râm và chùm râu đã bạc. Tôi nhắc lại lần gặp gỡ khi tập những bài Valse des yeux noirs ,Flots du Danube thì Nhất

Linh như có vẻ nhớ ra:

— À, anh là em anh Huỳnh, bạn anh Giệp chứ gì? Thế thì phải gọi tôi là anh chứ sao lại gọi là cụ?

Nhờ tính vui vẻ dễ dãi của Nhất Linh mà câu chuyện hào hứng ngay từ phút đầu, nhất là khi Nhất Linh đã biết rõ ý định của tôi là lặn lội đến đây để phỏng vấn anh về thân thế và sự nghiệp của chính anh. Tôi bắt đầu bằng một lời khen thành thực:

— Tiếng hắc tiêu của anh hay quá, nhất là khi được nghe từ xa.

Anh pha trò:

— Còn nghe gần thì như lệnh vỡ phải không? Tôi nghĩ lại hôm chạy vào nhà anh Huỳnh mà cứ đắc ý mãi.

Tôi không hiểu sao anh lại dùng động từ *chạy*, thì anh cho biết là hôm đó đến phố Lagisquet có chút việc, phố Lagisquet nối liền đường Julien Blanc, nơi có trường trung học tư thục Gia Long và phố Lamblot, nơi có nhà xuất nhập cảng phim ảnh của Nghiêm Xuân Thúc, khi vừa đến trước nhà anh Vũ Huy Quang (tuần phủ, thân-phụ nữ nhạc sĩ dương cầm Vũ thị Hiển, vợ của bác sĩ Tôn Thất Hoạt) thì tôi đánh hơi thấy cái mùi khó ngửi của bọn mật vụ Pháp, thế là nhân có nghe thấy tiếng nhạc trên gác nhà bên cạnh, tôi giả làm như một người đến đó để chơi nhạc vậy, thế là tôi qua mặt được bọn chó săn ngu dốt; tuần sau tôi y hẹn mang kèn đến chơi cho vui vì tuy mới được quen anh Huỳnh nhưng tôi rất thích tính yêu âm nhạc của anh, vả lại, vì có anh Giệp là người bạn thân từ trước nên tôi lại càng thích ban nhạc.

Anh cho tôi biết người nhạc sĩ chơi vĩ cầm trong phòng khách nhà cô Thu trong *Bướm Trắng* là anh Giệp; hiện nay thư viện của tôi đã bị tiêu tan, tôi không có một quyển truyện nào của Nhất Linh trong tay nên không dẫn chứng được đoạn văn này, bạn đọc nào còn giữ được cuốn *Bướm trắng* vui lòng tìm kiếm hộ.

Nhất Linh nói tiếp:

— Trương-ho-lao là chính tôi vì vào thời đó các bạn làm bác sĩ cho biết tôi làm việc nhiều quá nên đã bị chớm lao, có người khuyên tôi tập chơi một thứ kèn để tập thở và chữa bệnh lao nên tôi đã mua một chiếc clarinette ở nhà tây mù, và mới bắt đầu tập được chưa đầy mấy tháng đã dám mang kèn đến chơi với các anh đấy, thế có to gan không?

Tôi nghĩ bụng:

— Thảo nào mà anh Hiển cứ hậm hực không muốn cho anh chơi. Anh Hiển dạo ấy là một cây hắc tiêu dân sự có hạng của thành phố Hà Nội, kỹ thuật có thể kém các tay hắc tiêu quân sự như anh Nhật, anh Yết, nhưng tiếng kèn điêu luyện thì hơn đứt vì có nhiều chất văn hóa hơn; chẳng gì anh cũng chơi hắc tiêu hơn mười năm nay, từ khi anh lên mười một mười hai chi đó; còn Nhất Linh mới học có mấy tháng

thôi, mà lại tự học lấy chứ không có thầy thì làm sao sánh được với anh Hiển, nhưng nếu chỉ mới bắt đầu và đã chơi được như thế cũng phải là người có tai âm nhạc rất thính mới được như vậy. Tôi đề nghị anh chơi thử một bài cổ điển, anh liền chơi bài *Chiều mơ* (Rêverie) của Schumann; đây là một bài viết cho dương cầm bằng *fa* trưởng, chơi clarinette thì phải lên một cung nữa là *sol* trưởng; anh đã chuyển từ *ré* trầm lên *sol* cao, rồi lên *do* cao nữa một cách rất dễ dàng, tiếng kèn ngọt như mía lùi không thua gì tiếng kèn của anh Hiển mà có lẽ còn ngọt ngào ý nhị hơn. Buổi chiều đầy sương mù đang buông xuống Đa-Mê; trời đã trở lạnh; bà Nhất Linh rón rén đi ra khoác lên vai chồng một chiếc áo len màu xanh; Nhất Linh vẫn say sưa thả hồn theo tiếng nhạc, tiếng kèn hắc-tiêu ân ái vỗ vào lòng tôi như những đợt sóng nhỏ, rừng núi Fin Nôm dạt dào như một biển lá mênh mông trên đó bay lượn như những cánh chim hải âu, tiếng hắc tiêu cao vút như tiếng sáo diều; tôi có cảm tưởng như tôi là Dũng một chiều nào đi lên đồn điền bạn, được ngắm chiều về trong rừng và không biết là chiều đã về thực trong không gian hay chiều đã chỉ về sau bản nhạc của Schumann mà Nhất Linh đang thổi say mê như một thầy phù thủy đang làm bùa phép. Tôi chạy ra đống than vun cho ngọn lửa bùng lên; hơi nóng của lửa phả vào mặt tôi làm cho tôi cảm thấy dễ chịu. Nhất Linh thổi xong đoạn dồn dập nhất của bài nhạc rồi trở về đoạn chủ đề; tiếng kèn chìm xuống như làn khói xanh trên ngọn cây đang bủa xuống phía suối Đa-Mê, nơi bà Nhất Linh đang lúi húi đãi gạo nấu cơm chiều. Nhất Linh kết thúc bản nhạc bằng những nét ngập ngừng như những sợi khói còn lưu luyến vướng vào bụi cây chưa chịu bay đi. Tôi vỗ tay khen:

— Hay quá! Bài nhạc danh tiếng của Schumann đã được một nhà văn danh tiếng diễn tả một cách trọn vẹn. Bài nhạc này không cần đề là *Chiều mơ* cũng thấy ngay đó là một chiều mơ.

Nhất Linh bỏ kèn xuống, lấy khăn tay lau qua cái dăm, sẽ lắc cái kèn cho nước bọt chảy xuống rồi lại thổi. Lần này là bài *Hẹn một ngày về* của tôi mà tôi đã được nghe khi mới bước vào phía suối Đa Mê; anh vẫn thổi theo cung *ré trưởng* như trong bản nhạc của tôi. Chừng như hiểu ý tôi, anh bỏ kèn ra nói:

— Cung *mi* bốn đi-e khó quá, tôi cứ thổi cung *ré* cho tiện, vả lại, bọn cháu nó hát nó đều kêu anh làm cung *ré* cao quá, cứ thổi thế này để hát cung *do* là vừa.

Tôi phải công nhận đó là một lời phê bình rất đúng. Bài đó tôi làm theo giọng hát của Hà Thanh, cô học sinh nữ ca sĩ của trường Đồng Khánh có giọng Soprano của các đại hí viện Âu Châu, nên Nhất Linh kêu như thế là phải. Chả trách khi anh xây dựng Tự Lực văn đoàn, anh giao cho ai việc gì thì người ấy cứ như thế mà làm là thành công. Đợi cho chồng bỏ kèn xuống, bà Nhất Linh mời chồng và tôi

vào trong lều ăn cơm. Bữa cơm rất thanh đạm, có cá kho, dưa hành và đậu phụ; bà Nhất Linh cho biết chồng bà chỉ thích ăn có thế, ngay khi anh làm bộ trưởng bộ ngoại giao, anh cũng không ăn cơm tây bằng dao, nĩa, mà chỉ đòi ăn cá kho với đậu phụ và gắp bằng đũa. Tôi khoe với Nhất Linh là tôi đã viết xong cuốn *Khảo luận về Đoạn Tuyệt*, và tôi mang bản thảo ra cho anh xem; anh cầm lấy bản thảo giở qua vài trang rồi bỏ xuống, hình như không mấy quan tâm, hoặc có lẽ chưa tin vào văn tài của tôi chăng. Về sau tôi mới biết đó là do tính khiêm tốn của anh; anh ít thích đọc những bài người ta viết về mình, anh chỉ thích viết về những tài năng mới, thích khuyến khích những cây viết mới. Ăn cơm xong thì trời đã tối hẳn; bà Nhất Linh ở lại trại để dọn dẹp, còn Nhất Linh và tôi lên xe đi về hướng Đà Lạt. Tôi ngủ lại ở Đặng Thái Thân một đêm, nói chuyện với Nhất Linh đến gần sáng, và ra về sau khi đã uống với Nhất Linh một li cà phê sữa. Nhờ một đêm ở lại với Nhất Linh, tôi có đủ tài liệu để viết cuốn *Thân thế và sự nghiệp Nhất Linh*. Khi viết xong, tôi cho đánh máy và gửi một bản cho Nhất Linh xem. Tôi yêu cầu Nhất Linh đích thân đọc kỹ bản thảo. Tôi ở Huế, Nhất Linh ở Sàigòn, nên chúng tôi đã trao đổi với nhau bằng thư từ, nhờ đó tôi còn giữ được nhiều thư của Nhất Linh, tiếc rằng cuộc vượt biển năm 1977 không thành nên các tài liệu văn học của tôi thu thập trong 30 năm trời đã bị mất sạch, đáng tiếc nhất là những lá thư do Nhất Linh viết cho tôi, nếu không thì qua bài báo này các độc giả đã được thấy bút tự của Nhất Linh vào những năm 1955-1956 cùng những suy nghĩ của Nhất Linh về văn học và chính trị, nhất là thái độ của Nhất Linh đối với tổng thống Ngô Đình Diệm. Có lần tôi đã viết cho Nhất Linh:

— Nếu ông Ngô Đình Diệm làm tổng thống Việt Nam Cộng Hòa, thì anh là tổng thống của Cộng Hòa các nhà cầm bút, tôi cho chức tổng thống của anh mới lâu dài chứ chức tổng thống kia chỉ có một thời mà thôi.

Trong những văn thư giữa Nhất Linh và tôi, có một lá thư rất quan trọng trong đó Nhất Linh nhận xét về cuốn sách của tôi viết về tiểu sử của anh. Đại ý Nhất Linh nói là tôi đã tham khảo được rất nhiều nguồn tài liệu khác nhau, đã nói về sự thành lập Tự Lực văn đoàn rất đúng, có thể sự thực thì không hẳn như vậy, nhưng nếu Nhất Linh có viết thì cũng chỉ viết như vậy là cùng. Tôi có yêu cầu Nhất Linh sửa lại những chi tiết mà ông thấy sai, Nhất Linh trả lời là chính ông cũng không nhớ được những sự kiện và năm tháng xẩy ra một cách chính xác, chứ chưa nói tới ngày tháng là một chuyện khó hơn nữa, thế mà tôi dám đề cập đến từng ngày, điều ấy, Nhất Linh nói "vượt quá trí nhớ hiện tại của tôi". Nhất Linh còn nói về tôi nhiều nữa, tôi tiếc là đã đánh mất hết các lá thư của Nhất Linh đã viết cho tôi nên không dám viết lại những lời đó ra đây, nhưng những lời nào liên

hệ tới tính lịch sử của tác phẩm thì có lẽ một ngày nào đó tôi phải công bố. Nhất Linh chỉ xin "uốn nắn" lại một đôi chi tiết về chính trị, theo anh, không quan trọng lắm, nhưng đi sát với tình hình dạo đó hơn. Cuối cùng, chính Nhất Linh đã lo chăm sóc cho việc in cuốn *Thân Thế và sự nghiệp Nhất Linh* tại nhà in Hồ Hữu Ý; trong những tháng ba đến tháng tư, tôi nhớ rõ là sau tết con chó (năm Mậu Tuất) Nhất Linh rất chịu khó đến nhà in tại 179 bến Chương Dương sửa bản in thử (morasse), nhờ đấy cuốn sách hoàn toàn không có sai một lỗi chính tả. Cuốn *Thân thế và sự nghiệp Nhất Linh* sở dĩ có một phần nào giá trị chính là nhờ sự cộng tác trực tiếp của Nhất Linh.

Sau khi cuốn sách này được phát hành, tôi còn viết tiếp cuốn Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam và đã xuất bản. Tham vọng của tôi là sẽ viết về toàn bộ Tự Lực văn đoàn, gồm ít nhất 2.000 trang. Tôi đã có đầy đủ tài liệu như báo Phong Hóa, Ngày Nay (bộ cũ và mới), Việt Nam và các sách của Tự Lực văn đoàn; tôi muốn liên lạc chặt chẽ hơn với Nhất Linh, với bà Hoàng Đạo v.v... Nhưng tình hình chính trị càng ngày càng xấu đi làm cho ý định của tôi không thực hiện được. Trước kia, tôi vào Sàigòn rất dễ dàng, nhưng từ năm 1959-60 trở đi, việc đi về của tôi đã bị công an Huế làm khó dễ vì họ nghi tôi hoạt động cho đảng Đại Việt Dân Chính của Nguyễn Tường Tam. Vào được đến Sàigòn, đến gõ cửa tại nhà 34 Nguyễn Bỉnh Khiêm thì người nhà ra bảo Nhất Linh đi vắng, trong khi tiếng kèn hắc tiêu trong nhà vẫn vọng ra như trêu cợt tôi. Có lần tôi làm dữ và cuối cùng tôi được gặp Nhất Linh, nhưng Nhất Linh bây giờ không phải là Nhất Linh mấy năm trước nữa; anh già nua, lẩm cẩm, cái mũi thì gồ ra và đỏ như sắp bị hủi, lúc nào cũng ôm khư khư chiếc kèn clarinette như người nghiện thuốc phiện ôm dọc tẩu. Anh bảo tôi rằng anh vẫn muốn gặp tôi, nhưng người nhà bảo rằng tôi là người của ông Ngô Đình Cẩn từ Huế vào đây để canh chừng anh nên không cho anh gặp. Anh cho tôi biết hiện nay anh chỉ còn có một người thân thiết với anh, yêu mến anh thực sự, không bao giờ phản bội anh, đó là cái này, anh nói xong cầm chiếc hắc tiêu lên rồi cười, cái cười chỉ làm nhe bộ răng mómmém vàng khè chứ không làm cho nét mặt tươi lên, làm cho tôi tự nhiên cảm thấy ghê rợn; anh nói tiếp anh vẫn mang kèn đến để thổi với anh em nhạc sĩ ở các tiệm khiêu vũ, mỗi lần anh thổi là anh nhớ đến những buổi chiều ngồi thổi kèn một mình ở trên những con đường sắt vắng vẻ, thổi chán cho đến tối mịt mới bò về nhà. Anh bảo: thổi như thế mới đã, ở đây không đã vì không ai muốn cho anh thổi cả. Anh nói xong nhớn nhác nhìn ra chung quanh nhà xem có ai theo rõi không, rồi lại cầm kèn lên. Thổi xong một câu nhạc nào đó, anh quay lại hỏi tôi:

— Anh vừa ở Huế vào à? Ngoài ấy, công an mật vụ nhiều lắm phải không? Tụi nó đêm khuya có đến rình mò ở nhà anh không? Còn

ở đây thì...

Anh quay lại phía sau không nói được nữa và đã có vẻ mệt.

Người nhà ra xin lỗi tôi và mời tôi về. Tôi định nói với Nhất Linh rất nhiều nhưng thái độ kỳ dị của anh hôm đó làm cho tôi không tìm ra chuyện gì để nói nữa. Tôi nhớ có lần anh bảo anh có bệnh đau óc và đã hơn một lần anh muốn tự tử; thái độ lạ lùng của Nhất Linh hôm đó, đôi mắt ngơ ngác của anh nhìn tôi như mất hồn, cái mũi đỏ sưng lên như mũi sư tử, quần áo xộc xệch bẩn thỉu, tất cả cho tôi có cảm tưởng ghê rợn là anh Nhất Linh đã phát khùng, đã lên cơn điên. Tôi nhớ có lần anh nói là anh bị tình nghi có bệnh ung thư ruột, anh buồn lắm vì biết đó là một bệnh nan y thế nào cũng làm cho anh chết nên anh muốn chết đi cho rảnh, nhưng hiềm vì người nhà canh giữ cẩn mật quá cho nên khó lòng anh có thể thực hiện được ý định. Tôi ra về nhưng còn gắng nhìn Nhất Linh một lần nữa, vì tôi phảng phất có cảm tưởng rằng cái ám ảnh của sự chết đã bủa lên dày đặc tâm hồn anh, chỉ chờ một cái bóng nhỏ của số mệnh là anh sẽ không còn là anh nữa. Quả nhiên, cái án xử tử anh do tổng thống Ngô Đình Diệm phán quyết đã là cái bóng ấy. Anh đã tự xử để bảo vệ đến cùng quyền tự do của anh. Tôi đang dạy học thì được hung tín; một anh bạn trong tỉnh đường Thừa Thiên hỏi tôi có vào dự đám tang của Nhất Linh tại Sàigòn không thì anh sẽ giúp phương tiện; tôi biết đó chỉ là một mưu kế để tìm cớ bắt tôi và bỏ tù tôi cho nên tôi trả lời là không đi; sau đó lại có lệnh nói là ông Ngô Đình Cẩn bắt tôi phải vào Sàigòn tổ chức đám tang thật trọng thể; khi anh mật vụ nào đó đến cư xá giáo sư đại học đưa cho tôi công văn và vé máy bay vào Sàigòn thì người nhà nói là tôi đã vào Sàigòn rồi; thực sự tôi vào tạm trú tại dòng Chúa Cứu Thế Huế; ở đây, cha Eugène Larouche, giáo sư cũ của tôi, vị linh mục người Gia Nã Đại rất thạo tin tức về Việt Nam, cho tôi biết phải tá túc trong dòng cho đến khi xong đám tang Nhất Linh ở Sàigòn mới được về nhà; cha còn lo ngại không biết có ai dám đứng lên để tổ chức lễ tang hay không vì ai dại gì mà giơ đầu ra cho người ta báng. Nhưng rồi mọi việc cũng xong và tôi vòng ra chợ An Cựu lên xe đò vào thành phố làm ra vẻ như vừa ở sân bay Phú Bài trở về vậy.

Về nhà thì tôi được biết người đã giơ đầu ra cho người ta báng ở Sàigòn là linh mục Th L. Ông linh mục đã có lần mặc áo ký giả đi ăn mày này hiện nay đã hai tay dâng cho đảng và nhà nước cộng sản tất cả tài sản của địa phận Thanh Hóa gồm có trường trung học Lê Bảo Tịnh và cơ sở nhà chung rất lớn nằm ở bên hông ngôi trường; đã đền đáp công ơn và lòng hi sinh cao cả này, nhà nước cộng sản tuy không cho ông linh mục tiếp tục dạy học ở trường đại học tổng hợp, trong đó có đại học văn khoa, nhưng có giao công tác cho ông linh mục là phải dịch tất cả những tài liệu viết bằng tiếng La-Tinh của các vị thừa sai Pháp ra tiếng Việt, và ông linh mục này đã làm đúng như ý muốn của

nhà nước cộng sản; như thế có nghĩa là năm 1963, ông đã bị người ta báng cho vỡ đầu, ngày nay, từ năm 1975 trở đi, ông lại vẫn giơ đầu cho người ta báng chí tử. Sở sĩ như vậy chỉ là vì ông chống nhà chính trị Ngô Đình Diệm mà ông cho là độc tài, phản dân chủ, điều mà ông đã học được ở Nhất Linh, nhưng ông hoàn toàn không biết rằng nếu ở vào địa vị ông ngày nay, Nhất Linh sẽ không ngoan ngoãn để cho người ta sai khiến như một tên nô lệ như thế.

Thật ra, tôi không ngạc nhiên khi thấy Nhất Linh tự tử; trước đó hai năm, tôi đã phỏng đoán sẽ xảy ra ngày đó. Tôi chỉ tiếc là Nhất Linh đã mất trước khi anh thực hiện được những tác phẩm lớn cuối đời anh, những tác phẩm sẽ mang tên tuổi anh vào hàng các nhà văn hào quốc tế chứ không phải chỉ là những tác phẩm hay thì thật là hay nhưng chỉ ở vào mức độ trung bình, phù hợp với mỹ quan của một số người Việt Nam nào đó. Nhất Linh rất thích Dostoievsky, có lần tôi đã gọi đùa anh là Dostoievsky Việt Nam và tôi chắc rằng điều ấy cũng không khó thực hiện lắm đối với văn tài lỗi lạc và kiến thức đa dạng của anh. Cũng có lần tôi đã bàn với Nhất Linh về một kế hoạch để giật cho được giải thưởng Nobel về văn chương; Nhất Linh chỉ cười không nói gì, hình như anh cho đó cũng chẳng có gì là vinh dự, nhưng anh cũng đã đồng ý với tôi là phải quốc tế hóa các tác phẩm của anh, nghĩa là dịch và vận động một phong trào dịch thuật các tác phẩm của anh ra tiếng nước ngoài; chương trình này đã được một số nhà văn Việt Nam viết bằng tiếng Pháp tán thành như các anh Bùi Xuân Bào, Võ Long Tê, Phạm Đình Tân, Cung Giũ Nguyên đã bắt đầu dịch hoặc bằng lòng dịch một số tác phẩm của Nhất Linh ra tiếng Pháp; có một vài học giả và giáo sư Pháp như các anh P. Langlet, P. Schneider, cô M. Piat cũng rất chú ý đến chương trình này và ngỏ ý sẵn sàng hợp tác và giúp đỡ. Kế hoạch đang được tiến hành thì Nhất Linh đã nằm xuống; lúc đó, anh mới có 57 tuổi, tính theo tuổi thực của anh. Không biết rồi đây, trong tương lai, ai sẽ là người như Nhất Linh có thể giật được giải thưởng Nobel về tiểu thuyết cho Việt Nam?

Hiện nay, con đường mang tên Nhất Linh tại Sàigòn năm xưa vẫn còn đó, mặc dầu tên thành phố đã bị đổi, và con đường Chi Lăng dẫn xuống đường Nhất Linh đã bị đổi ra là đường Phan Đăng Lưu, nơi có một nhà tù rất lớn của cộng sản; từ nhà tôi đến đường Nhất Linh, phải đi qua con đường có nhà tù này, bởi vậy, mỗi lần đến đường Nhất Linh chơi, mặc dầu không có ai quen ở đó, tôi có ý nghĩ là muốn được tự do, trước hết phải bị tù đầy khốn nạn như Nhất Linh đã. Cũng vì nghĩ như vậy mà năm 1977, tôi đã vượt biên; tôi đã bị tù đầy gian khổ lâu năm nhưng bây giờ tôi đã được tự do. Qua những kinh nghiệm đau thương đẫm máu trong ngục tù cộng sản, tôi hiểu rõ bài học của Nhất Linh về tự do, tự do không phải là bánh man na trên trời rơi xuống; tự do là thành tựu của cả một cuộc đời chiến đấu, phải

chiến đấu không ngừng chống lại cái xấu, cái tà ngụy, cái dối trá, cái đi ngược lại quyền sống hòa bình của con người; phải chiến đấu kiên trì với một khí phách hào hùng và một ý chí sắt đá cho đến khi nào ngã gục không chiến đấu được nữa mới thôi. Nhất Linh đã thất bại về chính trị, nhưng về phương diện văn học, anh đã chiến thắng vinh quang, đã để lại cho đời một bài học quí giá về ý nghĩa của tự do, bằng giá của những tác phẩm văn học và mạng sống của chính nhà văn vậy.

Lê Hữu Mục
Montréal, 6-1985

Bỗng dưng một ngày

(tặng Cao Tần)

Sống đủ ba năm mũi chưa lõ mắt chưa xanh
bỗng dưng một ngày trở thành công dân nước nọ
trên giấy chứng minh ghi chép rành rành
hưởng đủ mọi quyền tự do, các thứ...

Cầy cục ba năm cũng chưa lắm chứ !
dầu sao cũng cám ơn đất bạc xứ người
biến kẻ tay trơn thành người lính thợ
cầm búa kềm mà chẳng hổ ngươi.

Có sướng vui không một ngày lột vỏ ?
lột xác di dân ăn đậu ở nhờ
sao mà nước mắt ba hồi chực đổ
khóc vì mừng hay thương xót cõi nguồn xưa ?

Hoàng Xuân Sơn

Linh Bảo
tuyển tập
28 đoản văn
VIẾT TRONG 33 NĂM
LUÂN LẠC

Mây Tần
GIÁ : US $ 10.00

Đặt mua đề :
Mrs. DIỆU VIÊN
548 Redfield Avenue — Los Angeles — CA. 90042
Ngoài Mỹ và Canada xin cộng thêm 8$00 US cước phí

Nhất Linh

Con cá vàng

Tuy Hiệp không dự vào công cuộc đấu tranh chống lại Pháp giành độc lập nhưng trong số các nhân sĩ cách mệnh không ai là không quen biết Hiệp hoặc nghe tiếng Hiệp.

Hiệp nổi tiếng là lương thiện đến đỗi nhiều nhóm cách mệnh trong lúc nguy kịch không quản ngại giao phó cả quỹ tài chính để Hiệp giữ tạm; họ lại coi Hiệp như một nhà cao nho ẩn sĩ của thời xưa còn sót lại hoặc một Giáng Tiên lạc loài xuống sống ở giữa thời đại Tây Tầu lố lăng, đầy rẫy những phường lấy xảo trá nịnh hót để cầu chút chức vị hoặc chút tiền tài hoen ố.

Hiệp tốt nghiệp trường luật và là con của một vị Tổng Đốc còn tại chức, nếu Hiệp xuất chính rất có thể bây giờ đã gần theo kịp chức cha, ngoài ra lại là chủ nhân một cái đồn điền gần nghìn mẫu ở Thái Nguyên. Nhưng Hiệp không xuất chính và cũng không chịu nhận đồn điền của cha. Chàng kiếm một khu vườn nhãn rộng có hai gian nhà tre sơ sài ở làng Ghênh tức là làng vợ rồi ở luôn đấy có trên mười năm; hoa lợi của mấy trăm cây nhãn cũng đủ cho gia đình gồm hai vợ chồng và hai đứa con nhỏ chi tiêu một cách dè sẻn. Người vợ không biết vì chịu ảnh hưởng của chồng hay vì tính tự nhiên không thích các sự ganh đua cầu cạnh nên yên thân sống một đời bình thản bên chồng.

□

Một đêm rằm vào quãng mười giờ, Hiệp đương ngồi ở cái sập đá để ngắm trăng và hưởng hương thơm của cây ngâu nở đầy hoa thì

có tiếng người gõ cổng vườn, gõ theo một hiệu mà Hiệp đã định riêng với các tổ chức cách mệnh. Hiệp vội chạy ra hỏi:

— Ai đấy? ... đi một mình hay là...

Tiếng đáp lại nhát gừng như người vừa nói vừa thở:

— Vâng, chỉ có mình tôi. Ông chưa ngủ may quá. Tôi không nói tên vì ông không biết tôi là ai...

Hiệp vội mở cổng để khách vào rồi đóng ngay cổng lại:

— Chỉ có mình tôi thức, cả nhà ngủ rồi... Ông đừng lo ngại gì cả. Ông là ông...

— Tôi là Ban...

Hiệp đưa Ban vào căn nhà nhỏ để dành riêng chàng đọc sách còn căn nhà lớn vợ con dùng và đầy tớ ở cách đấy gần trăm thước. Hiệp đánh diêm châm đèn nhưng Ban cản lại:

— Ông không nên thắp đèn. Tôi đến một lúc rồi lại đi ngay. Vả lại trăng đêm nay sáng lắm.

Ban rút ở trong người ra một xấp giấy dinh (1) đưa Hiệp:

— Có biến, tôi phải chạy đến ngay xin gửi ông giữ giùm. Tám tờ tất cả. Ông đếm xem.

Hiệp không đếm bỏ ngay vào túi áo cánh. Ban lại rút ở trong thắt lưng một tờ giấy mỏng gấp nhỏ kiểu đèn xếp rồi đưa Hiệp:

— Việc này quan trọng hơn nhiều. Tôi tuy chưa gặp ông lần nào nhưng anh em đã cho tôi biết rõ về ông. Tôi giữ về việc tổ chức ba tỉnh Hải Dương, Hưng Yên và Bắc Ninh. Đây là bản danh sách tất cả các đảng viên trong ba tỉnh đó, hơn ba trăm người tất cả, có đủ địa chỉ. Tôi muốn hủy đi nhưng sợ sau này khó lòng lấy lại được vì thế tôi nghĩ ngay đến ông. Khi nào yên tôi trở lại hoặc nếu có người khác đến nói với ông câu khẩu hiệu "Nàng Ban ả Tạ" thì ông cứ đưa, không e ngại.

Hiệp giở ra coi qua. Chữ viết nhỏ lí nhí như chân kiến muốn đọc cần phải dùng kính hiển vi.

Đây là lần đầu tiên Hiệp giữ hộ một tài liệu tối mật rất quan trọng của tổ chức cách mệnh; nếu lộ, chàng bị tù tội hoặc có thể bị xử tử. Chàng đút giấy vào cùng một túi với những tấm giấy bạc rồi thản nhiên nói:

— Được, ông để tôi giữ hộ.

— Tôi xin thay mặt đoàn thể anh em cám ơn ông.

Hiệp lấy làm lạ rằng một người chưa từng quen biết chàng mà lại đưa — và đưa không chút lưỡng lự — một tấm giấy giao phó sinh mệnh của mấy trăm người trong tay mình; sao họ những người vốn thận trọng xưa nay lại không từng nghĩ đến chỗ chàng có thể lợi dụng tấm giấy này để mưu cho mình bất cứ thứ gì mình muốn ở trên đời. "Nhưng nếu mình muốn thì mình đã có chức vị có tiền tài, có đủ cả; cái quá khứ của mình là một bảo đảm chắc chắn nhất đối với họ".

Ban đứng lên:

— Bây giờ tôi có thể yên tâm đi được. Mong có ngày cò gặp lại ông.

Hiệp kéo tay Ban mời ngồi xuống:

— Ông định đi đâu bây giờ?

— Tôi định đi tới làng Keo, đi đường tắt ngang qua cánh đồng chứ không đi đường cái theo đường xe lửa qua ga Đình Dù và Lạc Đạo. Tới làng Keo tôi sẽ vào một nhà hát cô đầu quen rồi sáng mai tôi qua chùa Bút Tháp ở ẩn đó ít bữa.

Hiệp can:

— Con đường trong nhiều lần tôi đi đêm nên biết rõ. Ông đi ban đêm tuần canh họ giữ lại thì nguy. Tối hôm nay ông ngủ đây với tôi, sáng ngày mai tờ mờ sáng tôi sẽ đi với ông sang làng Keo. Tôi cũng có quen một nhà cô đầu rất kín đáo, ta có thể ở đấy dăm ngày làm luôn mấy chầu hát đợi tôi dò xét tình thế ra sao hãy hay. Để tôi pha trà ngon, chúng mình uống trà thưởng trăng và tạm quên mọi chuyện kia đi. Ông có tán đồng không.

Ban nhìn kỹ nét mặt Hiệp suy nghĩ một lăt rồi gật đầu:

— Tôi xin tuân theo ý ông.

Dưới ánh trăng trông hình dáng Hiệp ngồi tựa ở cửa sổ chiếu sáng, Ban có một cảm giác dịu dàng thanh thoát như vừa lạc vào một thế giới thần tiên nào, phảng phất như mình đương ngồi với thi sĩ Trương Hựu đời Đường, ẩn dật trong mấy gian nhà tranh ở Khúc A.

□

Tiếng gà gáy từ các nhà hàng xóm xa xa vọng lại; ngoài cửa sổ sương bắt đầu hòa lẫn ánh trăng làm cho vườn ngoài bớt sáng nhưng trong căn nhà lại sáng hơn; ánh lửa ở bếp còn khiến hai người bây giờ đã nhìn tỏ mặt nhau. Thấy nước ở ấm đã lạt, Hiệp thay trà mới. Chàng nói với Ban:

— Từ nẫy đến giờ nghe ông nói chuyện — xin lỗi ông bây giờ chúng mình gọi nhau là bác để cho quen miệng đi mai có tới làng Keo khỏi ngượng ngập — nghe bác nói chuyện, tôi đã biết rõ bác là người học rộng và hiểu biết sâu xa. Tôi có một câu tâm sự muốn ngỏ cùng bác. Trước hết tôi muốn hỏi bác vì cớ gì mới gặp tôi bác đã đưa ngay không chút e ngại một tờ giấy quan trọng vô cùng không những chỉ liên quan đến một mình bác mà còn liên can đến số phận mấy trăm người khác nữa.

Ban trả lời luôn không nghĩ ngợi:

— Tôi biết là tôi không lầm và không đời nào lầm; tôi nói quyết thế mà thực ra tôi không dựa vào một bằng cớ nào đích xác. Tôi cũng không dựa vào lời các anh em nói về bác. Từ lúc vào, tuy chưa nhìn rõ bác chưa biết vẻ mặt bác ra sao nhưng tôi thấy ngay có một thứ gì —

trong các truyện Tầu họ gọi là hào quang — vậy tôi cũng nói là có một thứ hào quang tỏa ra làm cho tôi biết chắc chắn bác không phải là, không bao giờ có thể là một người gian xảo, lừa dối người khác. Bác nổi tiếng là một người lương thiện và chữ lương thiện tôi dùng đây không phải theo nghĩa thông thường mà dùng đúng nguyên nghĩa từng chữ nho một: bác vừa là một người lương vừa là một người thiện.

— Nhưng, tôi xin thú thực với bác, tôi là một người đã ăn cắp, tâm hồn tôi đầy xấu xa.

Ban mở to mắt, đặt chén trà uống giở xuống phản. Hiệp nói tiếp:

— Tôi thấy tôi cần phải thành thực; kể ra cũng can đảm lắm mới dám thành thực với chính mình lại càng phải can đảm hơn nữa khi bầy tỏ với người khác. Lắm lúc tôi nhìn vào chính tâm hồn tôi tôi thấy ghê rợn như nhìn vào một vực thẳm tối mò và đầy rắn độc. Bác chắc đã có nghiên cứu về thuyết của Freud về tiềm thức?

— Có, tôi cũng có nghiên cứu qua, nhưng tôi thấy trong thuyết của Freud có một cái gì thiếu sót, nếu không sự nhận định của bác về tâm hồn bác không giải nghĩa nổi thứ hào quang tự tâm hồn bác phát ra.

Hiệp gật đầu:

— Đúng đấy, tâm hồn tôi đầy xấu xa nhưng tại sao lại có được thứ hào quang đẹp đẽ như bác nói. Còn lắm người tôi biết rất tốt vì đã có nhiều bằng chứng nhưng nếu bác gặp họ không bao giờ tin họ cho dẫu chỉ về một việc rất nhỏ mọn như giao tiền nhờ mua mấy thứ dáng mấy đồng bạc.

Ban ngắt lời:

— Tôi hiểu. Trước kia tôi tin ngay bác vì ai cũng biết bác không muốn chức trọng không muốn tiền của, sống một đời thanh bạch trên mười năm nay nhưng khi gặp, tôi biết không phải vì nghe lời anh em nói mà vì tôi thấy... tôi thấy...

Ban bỏ lửng câu nói một lúc lâu lại tiếp:

— Không biết có thứ gì? Tôi nói câu này chắc bác cho là quái gở... tôi có thể tin bác là người ăn cắp như lời bác nói, bác có thể giết người, có thể làm những điều xấu xa... nhưng có một điều chắc chắn bác không sao làm được là biến thành một người xấu, bác muốn, bác gắng sức để trở thành một người xấu cũng không thể được. Một hạt kim cương sắc cạnh có thể khứa đôi miếng kính làm cho kính tan vỡ, có thể rạch đứt cổ, giết một người nhưng kim cương vẫn là kim cương, trong suốt và long lanh sáng đẹp. Nếu bác có làm điều gì xấu, đấy cũng chỉ ở một cái gì ngoài bác xui khiến bác làm việc xấu đó như bàn tay cầm kim cương rạch kính.

Hiệp chậm rải nói:

— Vậy bác không tin rằng người ta tốt xấu chỉ là do hành động

sao?

— Vâng tôi không tin. Tôi có biết một người khác rất xấu, có thể nói là xấu lắm, tôi chỉ ngồi gần người đó cũng đã ghê tởm đến rùng mình, thế mà người ấy cả đời không bao giờ làm một việc gì xấu.

— Tôi thì tôi tin khác, tôi tin người ta ai cũng tốt cả, còn người này cho người kia là tốt, người nọ là xấu, đều là tương đối. □

Hồ Công Tâm

Sống trong nỗi chết.

Ta còn sống ở đây ư
Bi thương gậm nhấm tâm tư chẳng rời
Nẻo về thăm thẳm mù khơi
Vẫn nghe núc nở một trời ăn năn
Mộ thời gian ấy cách ngăn
Trăm năm vết thẹo còn lằn trên lưng

Nơi đây ngày tháng ngập ngừng
Bóng đen dĩ vãng tưởng chừng không đi
Sống trong nỗi chết ham chi
Ngoài cơn tuyệt vọng còn gì đâu ta
Hôm nao vẫn ngỡ hôm qua
Vết thương còn loét trên da thịt này.

Pomona, July 3rd, 1985

Nhà sách

VĂN KHOA

9393 Bolsa Ave, Suite E
(khu chợ Mỹ Hoa)
Westminster, CA 92683
ĐT: (714) 531-6591

Phạm Duy

Thời kỳ thành lập : những thử thách và thành quả đầu tiên.

Nguyễn Văn Tuyên - Nguyễn Văn Cổn và Âm nhạc cải cách .

Tháng 3 năm 1938 phải được coi như một mốc điểm lớn của Âm nhạc Việt Nam ! Sau một thời gian *"chuẩn bị", bây giờ có thể coi như Nhạc Việt loại mới, được thành hình !*

Một thanh niên gốc Huế, tên là Nguyễn Văn Tuyên ngụ ở Thị Nghè, tòng sự tại một công sở ở Sàigòn, có giọng hát ténor, đã thử thách soạn mấy bài hát mới và được bạn bè hoan nghênh, rồi được một công chức kiêm thi sĩ làm việc cho Đài Phát Thanh Radio Indochine là Nguyễn Văn Cổn hết lòng giúp đỡ... Giúp đỡ bằng cách đưa thơ cho Nguyễn Văn Tuyên phổ nhạc, hoặc soạn lời ca cho những bản nhạc của Nguyễn Văn Tuyên. Sau nữa, lại còn giới thiệu với Thống Đốc Nam Kỳ hồi đó là Rivoal để xin được trợ cấp đi *"diễn thuyết về âm nhạc cải cách" tại các thành phố lớn như Huế, Hải Phòng, Hà Nội... Chính Nguyễn Văn Cổn là người đặt tên cho loại nhạc mới là "âm nhạc cải cách"* (musique rénovée) !

Tháng 3 năm 1938, Nguyễn Văn Tuyên tới Hội Trí Tri ở Hà Nội và Hội Trí Tri ở Hải Phòng để làm công việc ông gọi là *"vận động cho âm nhạc cải cách"!* Hai bài được hát lên trong buổi vận động này là: Bông Cúc Vàng và Một Kiếp Hoa. Theo lời nhạc sĩ Lê Thương, buổi hát ở Hà Nội không thành công vì *"cử tọa đông đảo, quá ồn ào làm mất trật tự! Giọng Huế của ông hơi khó nghe! Còn có cả sự phản ứng của nhiều thanh niên cho rằng việc hô hào của ông là thừa, vì loại nhạc*

mà ông gọi là "cải cách" đó, ở ngoài bắc đã có rồi!"...

"Buổi trình diễn ở Hải Phòng thành công hơn, nhưng chỉ có 20 người tới nghe! Ông Tuyên còn trình bày một lần nữa tại rạp chiếu bóng Palace nhân kỳ hội của trường nữ học Hoài Đức!" (1).

Nguyễn Văn Tuyên có thể không thành công trong những buổi *"vận động cho âm nhạc cải cách"* ở Bắc Việt vì giọng nói khó nghe, hay vì hai bài hát không được hấp dẫn lắm, nhưng hành động của ông thì không thể gọi là thừa! Bởi vì trước khi ông công khai ra mắt công chúng, chưa có một cá nhân nào, một nhóm nhạc sĩ nào gây được sự chú ý của mọi người về sự thử thách của họ trong phạm vi âm nhạc mới, khả dĩ có thể thay thế được cái phong trào gọi là *"bài ta theo điệu tây"*! Những buổi vận động của Nguyễn Văn Tuyên bây giờ được báo chí tường thuật, được mọi người bàn ra tán vào... Tuần báo có thế lực nhất lúc đó là tờ Ngày Nay thì hết lòng ủng hộ, cho đăng tải bài hát của Nguyễn Văn Tuyên trong số báo 122 ra ngày 7-8-1938 !

*
* *

Chắc chắn là trước khi Nguyễn Văn Tuyên đi *"hô hào nhạc cải cách"* vào tháng 3 năm 1938 đó, một số nhạc sĩ chuyên nghiệp, hoặc mới chỉ là nhạc sĩ *"tài tử"* (amateur) mà thôi... cũng đã có những thử thách về sáng tác và trình diễn *"nhạc mới"* rồi! Hoặc là họ hoạt động từng cá nhân, hoặc là họ kết hợp thành những nhóm, những ban nhạc nhỏ, họ đang "âm mưu" làm một cuộc cải cách âm nhạc!

Cũng đã bắt đầu có những lớp dạy nhạc rồi! Phạm Đăng Hinh là người tốt nghiệp về violon, đã mở lớp dạy đàn và đã soạn một bài hát kỷ niệm những ngày ông kéo đàn tại một hộp đêm ở Hồng Kông nhan đề Đám Mây Hàng (sau này trở thành bài Cám dỗ, được dùng trong cuốn phim đầu tiên của Việt Nam: Trận Phong Ba). Trần Quang Ngọc cũng là một ông thầy dạy nhạc ở Hà Nội, soạn bài hát nhan đề Đường Trường...

Các nhạc sĩ trẻ khác, hoặc hãy còn là sinh viên, hoặc vẫn chưa coi âm nhạc như một nghề để mưu sinh... thì hội họp nhau lại để hòa đàn với nhau, thảo luận về âm nhạc và đưa ra những thử thách của mình. Ngoài những sinh hoạt có tính chất *"salon"* ra, họ cũng ra mắt khán giả trong những buổi phụ diễn chiếu bóng để làm việc nghĩa... Họ đã bắt đầu lập nhóm!

Ở Hà Nội lúc đó có tới ba nhóm, mỗi nhóm qui tụ một số nhạc sĩ còn trẻ măng và đầy nhiệt huyết. Nhóm Myosotis (Hoa Lưu Ly) gồm có Thẩm Oánh, Dương Thiệu Tước, Vũ Khánh, Trần Dư, Phạm Văn Nhường... Nhóm Tricea gồm có Văn Chung, Lê Yên, Dzoãn Mẫn, Phạm Ngữ... Nhóm Phạm Đăng Hinh gồm có thày dạy violon,

violoncelle Phạm Đăng Hinh và các môn sinh. Nếu so với hai nhóm trên thì nhóm thứ ba này có vẻ hơi yếu vì sẽ tan hàng rất sớm mà chẳng để lại được một gia tài nào khác, ngoài bản nhạc Đám Mây Hàng!

Cũng còn phải kể tới những nhạc sĩ trẻ độc lập ở Hà Nội không ở nhóm nào cả, nhưng tác phẩm đã đi vào nhạc sử Việt Nam, chẳng hạn tay vỹ cầm Lương Ngọc Châu! Hồi cuối thập niên 30, anh hãy còn là một sinh viên trường Bưởi, nhưng đã hoạt động rất nhiều trong giới sinh viên về phương diện âm nhạc. Trong những buổi hội cuối niên học, Lương Ngọc Châu được giao cho trách nhiệm cung cấp một số bài hát để dùng trong những Ca Cảnh, do đó chúng ta có một số bài tuyệt diệu như Một Ra Đi Là Không Trở Về, Bóng Người Núi Lam, Huyền Công Chúa...

Nguyễn Xuân Khoát thì đã hành nghề nhạc sĩ tại nhà hàng Taverne Royale nằm đối diện với Hồ Hoàn Kiếm, và đã phổ nhạc những bài thơ của Thế Lữ như Hồn Xuân, Chờ Đợi Bình Minh, hai bài này cũng đã được đăng trên báo Ngày Nay vào cuối năm 38.

Ở Hải Phòng, trước khi Nguyễn Văn Tuyên bắn phát súng đầu tiên để mở màn cho âm nhạc cải cách, thì Lê Thương, Hoàng Quý, Phạm Ngữ, Hoàng Phú (sau này đổi tên là Tô Vũ), Canh Thân, Vân Trang... cũng đã có những sinh hoạt về nhạc mới rồi! Đã có sáng tác, đã có trình diễn! Nhưng cũng vẫn chỉ là những sinh hoạt lẻ tẻ, chưa thành phong trào .

Ở Nam Định, các nhạc sĩ trẻ như Đặng Thế Phong, Bùi Công Kỳ, Hoàng Trọng, Đan Thọ... cũng vô hình trung trở thành một nhóm tài tử và sẽ cung cấp cho nhạc sử Việt Nam nhiều nhạc phẩm bất hủ.

Ở Huế, Đà Nẵng và Faifo thì đã có những tài tử như Nguyễn Văn Thương, Phan Huỳnh Điểu, La Hối ... đang chuẩn bị để sẽ đóng góp vào phong trào âm nhạc cải cách do Nguyễn Văn Tuyên đề xướng!

Còn ở Sàigòn, ngoài Nguyễn Văn Tuyên và Nguyễn Văn Cổn ra, thì dường như không có mấy ai chú ý đến *"nhạc cải cách"* cả! Điều này cũng dễ hiểu, vì miền Nam nước Việt lúc đó đang còn chìm đắm trong dòng *"nhạc cải lương"* mà bài Vọng Cổ là bài hát quan trọng nhất, hoặc đang còn thích thú với những bài được gọi là *"bài ta theo điệu tây"!*

Hai năm 1938, 1939 phải được coi như thời gian bừng nở của

vườn hoa âm nhạc cải cách, sau cái gọi là "biến cố Nguyễn Văn Tuyên"! Biết bao nhiêu nhạc phẩm có giá trị đã xuất hiện dưới hình thức bản in, đăng trên báo và được hát trên các sân khấu phụ diễn cho Kịch Nói và Cinéma. Dù rằng vào lúc đó, chưa có nhiều đài Radios để quảng bá, chưa có các máy taperecorder hay cassette player để thu thanh phát thanh, *"nhạc cải cách"* thực sự đã thành hình và sẽ lớn mạnh trong những năm tới ...

Bây giờ ta thử phân tích từng bài hát, từng chủ trương của từng nhóm, từng người đã làm nên âm nhạc cải cách hồi cuối thập niên 30!

*
* *

Vì tính cách lịch sử của nó, chúng ta phải khởi sự bằng hai bài hát của Nguyễn Văn Tuyên: Bông Cúc Vàng và Kiếp Hoa! Cùng với hầu hết những nhạc sĩ trẻ khác trong thời kỳ phôi pha này, Nguyễn Văn Tuyên mới chỉ có một nhiệt tâm đối với việc cần phải có một loại nhạc thay thế cho nhạc cổ truyền đang đi dần vào chỗ tàn lụi. Họ thấy rằng cả một hệ thống âm nhạc cũ đã không còn phù hợp với tuổi trẻ Việt Nam đang hấp thụ một nền văn hóa mới, nói thẳng ra là văn hóa Tây phương! Nếu như sân khấu cổ truyền cần phải được *"cải ương"* đi để tồn tại thì âm nhạc Việt Nam cần phải được *"cải cách"*! Ta đã thấy lờ mờ một chủ trương của người tiên phong: *"cải cách"* nhạc cũ, để có một thứ *"nhạc mới"*! Tôi không được tham dự buổi nói chuyện của Nguyễn Văn Tuyên để biết rõ chủ trương của ông, nhưng qua hai bài hát kiểu mẫu Bông Cúc Vàng và Kiếp Hoa thì tôi thấy ông muốn dung hòa cả hai hệ thống *"nhạc ngũ cung"* Việt Nam và *"nhạc chủ thể"* (musique tonale) của Tây phương!

Bông Cúc Vàng (2)

Nhạc: Nguyễn Văn Tuyên
Lời: Nguyễn Văn Cốn (1938)

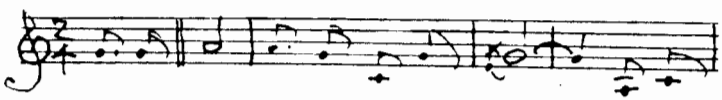

Bông Cúc nở, nở luôn ngày hớn hở — Một bầu xuân thêm tưng bừng rực rỡ — Ngọn gió xuân hiu hắt những màn sương — Nhắc lại ta ngày đầm ấm quê hương vân vân ...

Bài Một Kiếp Hoa thì dùng *âm giai thất cung* (diatonique) với một cấu phong như một bài Tango của Tây Phương!

Một kiếp hoa (2)

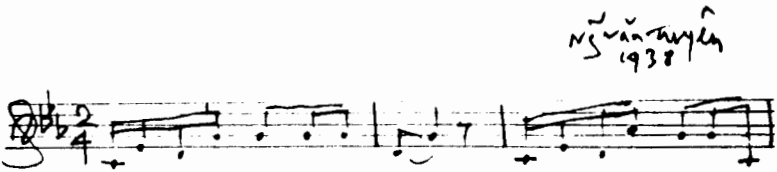

Rồi mỗi ngày sắc hoa thêm phai lạt! Rồi mỗi ngày cánh hoa thêm rời rạc...
Trông thấy hoa mà lòng những lo thầm (Bis)
nghĩ kiếp hoa càng động mối thương tâm!
nhớ tới hoa một buổi mai tìm lại.
Ôi! Trước cảnh tượng biết bao thương hại
Thấy thân hoa như giấc sơ mơ màng
Dưới chân cây rơi rụng ngổn ngang
vân vân ...

Ưu điểm của hai bài hát tiên phong này là ở chỗ đã có sự sáng tạo ở cả hai phần *nhạc* và *lời!* Không còn là sự vay mượn những điệu đã có sẵn, dù là điệu Việt Nam cổ truyền hay là điệu nhạc ngoại quốc! Nét nhạc dù nằm trong *ngũ cung thuần túy Việt Nam* hay được xây dựng bằng *âm giai Tây phương* cũng có một quyến rũ nào đó, tuy chưa có thể làm cho người nghe bị ám ảnh như những nét nhạc Lê Thương hay Văn Cao sau này!

Khuyết điểm của bài hát là có nhiều chữ hát lên nghe không ổn! Ví dụ: Nở thành Nớ! Toàn thể bài nhạc không có sự chuẩn bị cho người nghe đi từ lúc bình thường đến chỗ bị xúc động kịch liệt *(anacrouse:* chỗ tột đỉnh của ca khúc) rồi đi dần dần đến chỗ nguôi ngoai, như trong bất cứ một nhạc phẩm nào, từ một đoản khúc thường cho tới một bản hợp tấu vĩ đại!

Nguyễn Văn Tuyên có công trong việc đề xướng *"âm nhạc cải cách"* nhưng tác phẩm của ông thì không có may mắn được sống trong lòng người Việt Nam! Rất ít người biết đến ông! Về sau, vào khoảng 1945, tôi được gặp ông tại Huế, khi đó Cách Mạng vừa thành công xong, tôi đi theo đoàn cán bộ 13 trở lại miền Nam kháng chiến, và trong khi dừng chân tại nơi cố đô này thì được nghe ông hát một bài soạn với *"ngũ cung giọng Huế"* về *Chiếc áo trấn thủ* hay *Chiếc áo bông* gì đó!

Nguyễn Văn Cổn thì vẫn tiếp tục làm công việc hỗ trợ cho loại nhạc mà chính ông đã đặt cho cái tên *"âm nhạc cải cách"!* Với địa vị của một giám đốc chương trình trong đài Radio Indochine, ông đã cho phát thanh mỗi tuần bốn chương trình nhạc mới trong đó ông là người đảm trách mục Giới Thiệu Âm Nhạc Âu Tây. Vào năm 1944, tôi vào tới Sàigòn trên con đường *"hát rong"* của tôi thì tôi thực hiện được cái mộng *vĩ đại* của tôi lúc đó là: *hát trên đài phát thanh ở*

Sàigòn! Ông Cổn đã dành cho tôi ba chương trình trong một tuần lễ! Với cái tuổi 23 và với một vốn liếng đơn sơ là khoảng mười bài Tân Nhạc đầu tiên của Việt Nam, tôi đã nhờ ở làn sóng điện mới mẻ này mà có được những cảm tình sâu đậm của thính giả trên ba miền đất nước, trong đó có mối tình hụt với một nữ sinh Huế, chị và em ruột của hai nhà văn nữ nổi danh của Việt Nam!

Sau đây là chương trình của đài Radio Indochine vào năm 1944 :

Chương trình tuần lễ từ 1er tới 13 Novembre 1944

THỨ TƯ 1er NOVEMBRE 1944

18h.15 — Những dĩa hát hay : Cô Tư Sang trong tuồng San-Hậu.
18h.45 — Ban hát bộ diễn tuồng : « Đường chin tây ».
19h.30 — Câu chuyện thể-thảo hằng tuần của bạn Trần-đình-Khiêm.

THỨ NĂM 2 NOVEMBRE 1944

18h.15 — Cô Năm Cầnthơ ca : Tây-thi. Tiều-quảng.
18h.45 — Âm-nhạc cải-cách : do Phạm-Duy ca.
19h.30 — Câu chuyện thời-sự của cô Hoàng-thiên-Nga.

THỨ SÁU 3 NOVEMBRE 1944

18h.15 — Những dĩa hát hay mà quý ngày ưa thích.
18h.45 — Ban Vô-tuyến-kịch-đoàn diễn tuồng : « Từ-Sinh-Tử ».
19h.30 — Câu chuyện y-học.

THỨ BẢY 4 NOVEMBRE 1944

18h.15 — Cô Ba Bếntre ca : Trường-tương-tư. Xuân-nữ.
18h.45 — Âm-nhạc cải-cách.
19h.30 — Câu chuyện văn-học. Vài hàng lịch-sử nước nhà của cụ Hồ-biểu-Chánh.

THỨ HAI 6 NOVEMBRE 1944

18h.15 — Những dĩa hát hay : Tuồng « Nam-Việt-Sử-Ký ».
18h.45 — J. Tịnh cùng các ban diễn hài-kịch.
19h.10 — Mục Hướng-dẫn âm-nhạc âu-tây của ông Nguyễn-văn-Cổn.
19h.30 — Thời-sự Đông-Pháp.

THỨ BA 7 NOVEMBRE 1944

18h.15 — Cô Ba Bếntre ca : Lưu-thủy-trường. Xàng-xê.
18h.45 — Cô Ngọc-Nử ca : Nam-xuân qua Nam-ai.
19h.30 — Câu chuyện canh-nông

THỨ TƯ 8 NOVEMBRE 1944

18h.15 — Những dĩa hát hay: Cô Hai Đá ca Đảo-ngữ-cung : Năm Tô-Huệ.
18h.45 — Ban hát bộ diễn tiếp tuồng : Đường-chinh-Tây.
19h.30 — Câu chuyện thể-thảo hằng tuần của bạn Trần-đình-Khiêm.

THỨ NĂM 9 NOVEMBRE 1944

18h.15 — Cô Năm Cầnthơ ca : Vọng-cổ tích Phàn-Lê-Huê. Xuân-tình.
18h.45 — Âm-nhạc cải-cách do Phạm-Duy biểu diễn.
19h.30 — Câu chuyện thời-sự của ông Huỳnh-tấn-Phát.

THỨ SÁU 10 NOVEMBRE 1944

Coi lại tờ chương trình mà may mắn thay tôi còn giữ lại được, trong mùa đông 1944 này, tôi đã gặp gỡ một số nhân vật lịch sử của văn học, nghệ thuật và chính trị Việt Nam như các cô Hai Đá, Tư Sạng, Năm Cần Thơ, các ông Trần Đình Khiêm, Jean Tịnh (violonist), Hồ Biểu Chánh, Huỳnh Tấn Phát... Và tôi nhớ ơn Nguyễn Văn Cổn, không những vì ông đã ủng hộ, khuyến khích, nâng đỡ nền Tân Nhạc nói chung mà còn thúc đẩy tôi trở thành người nhạc sĩ như bây giờ! Sau đây là một bài viết của ông Cổn đăng trên báo Radio Indochine (số 47 ra ngày 1 Novembre 1944) giới thiệu Phạm Duy, dưới bút hiệu Thần Điện Tử :

.....

TÀI TỬ PHẠM-DUY...

Radio Indochine - Saigon
n° 47 1 nov. 1944

Phạm-Duy, tên tài tử đó mà các ngài đã biết, nhưng tên đó còn thiếu một chữ tên thật, Phạm-Duy ..., đó chính là chữ thứ ba mà tài tử đã dấu, dấu để thêm chúc hương vị của một nghệ sĩ giang-hồ.

Người thiếu niên nầy với gương mặt gầy ốm, một cặp mắt hiền từ và mơ màng sau cặp kính trắng, với cách cử chỉ khoan thai và nhã nhặn, đó là Phạm-Duy mà tôi đã gặp lần đầu. Dần dần càng được quen biết, tôi rất yêu nết, và mến tài. Nếu trong đời có những người thích làm quan, thích làm giàu, thì cũng có hạng người chỉ thích những cái gì êm đềm, nhịp nhàng, và thơ mộng, đó là hạng nghệ sĩ mà trong đó tôi kể có Phạm-Duy. Ca hát, Phạm Duy chỉ biết thế và biết có thế thôi. Cuộc đời thực tế như không bận bịu đến tâm hồn nghệ sĩ nầy. Với một cây đơn, với những bài hát yêu mến, Phạm-Duy đã đem những vần thơ, những luồng dịu dàng biến các thính giả, chẳng khác gì những con chim đem tiếng hát thiên nhiên gửi cùng vũ trụ. Có lẽ trong tiếng hát của Phạm-Duy, chúng ta thấy một cái gì hơi xa xăm, buồn tủi, phải chăng đời của nghệ sĩ như đầy những sự nhớ nhung thương tiếc, dơi chờ, mà tiếng hát của Phạm-Duy là tiếng lòng thổn thức.

« Nghệ sĩ chơi sinh giầu cảm lụy,
Dầu tan thân thể hà quên đâu ».

Tài-tử Phạm-Duy

Mỗi lần Phạm-Duy lên ca hát tại Đài Vô Tuyến là mỗi lần các thính giả xa gần đều lăng yên để thu hưởng những sự dịu dàng trong trẻo, như thanh điệu êm ái. Khi chàng mới lời đài vô tuyến, chúng tôi thử tiếng, thì chúng tôi đã ngạc nhiên trước một tiếng hát điêu luyện, nhịp nhàng đúng đắn.

Bài « Buồn tàn Thu » mà Phạm-Duy hát lên có lẽ ai nghiêm thấy sự cảm động của một tâm hồn mong mỏi người xa xôi: hơi thu lạnh, khi thu mới, lá thu rơi rụng thế mà hình như chàng đã quên hết lời thề. Rồi áo đan đã xong, rồi lòng mong thổn thức, nhưng nhìn ra vườn chỉ thấy lá vàng tàu tạc, chỉ thấy những trận gió lạnh thổi tới, và

« Lá sen tàn ta trong đầm,
Nắng mang giọt lệ mà thầm khoe hoa».

Rồi mỗi lúc thu về, mỗi lúc mà :

« Gió heo may động tơ lòng,
Buồn như tiếng sáo não nùng nhớ ai ».

Thì người ta lại muốn nghe tiếng hát êm ái của Phạm-Duy, đưa bài Buồn tàn Thu tới những tâm hồn mong mỏi.

Đó là cái cảm giác của tôi khi nghe Phạm-Duy hát, nhưng nói về nghệ thuật, thì có lẽ Phạm Duy là một tài tử thứ nhứt hát những bài âm nhạc cải cách với một giọng hoàn-toàn Việt-Nam. Có nhiều tài tử có tưởng lầm rằng họ ca hát những âm nhạc mới, tức là phải có một giọng Âu Mỹ, thật là sai lầm, và thật là không êm tai cho những kẻ phải nghe. Không, một trăm lần không, chúng ta là người Việt-Nam trong tiếng hát chúng ta trước hết phải giữ tiếng riêng của người mình, như thế trước đã, rồi sau mới kể đến nhịp nhàng, thanh âm được.

Phạm-Duy lại còn là một nghệ sĩ rất có lương tâm nhà nghề, trước khi hát, trước khi biểu diễn, Phạm-Duy rất chăm chú tập dưới những bài hát, và ngoài ra còn thường thường chịu học chịu tìm. Nghệ sĩ giang hồ nầy, đã giấu một chữ của tên mình, hẳn phải có một tâm sự riêng, nhưng có một tâm hồn chung, tâm hồn của những bài hát mới của Việt-Nam.

THẦN-ĐIỆN-TỬ

Vào mùa Thu năm 1982, tôi ngồi uống cà phê với cụ hạc Sĩ Nguyễn Văn Cổn tại quán nhỏ trong khu Latin, ôn lại những ngày cũ, được nghe cụ đọc vài bài thơ về thời thế của cụ, tôi rất tiếc cho một nước Việt Nam chưa bao giờ được *"an vi"* như cái thời xa xưa nào đó — hay bình dị hơn, như một cựu thuộc địa nào đó, không cần phải đổ xương, đổ máu quá nhiều quá lâu cho Độc Lập, Tự Do — để có thể có cơ hội cho tất cả những người trong Làng Âm Nhạc Việt Nam hội họp nhau lại, viết cho thật kỹ càng một Bộ Nhạc sử trong đó địa vị quan trọng nhất trong Ngành Nhạc Mới phải dành cho Nguyễn Văn Cổn.

*
* *

Tôi còn có thêm một nhận định nữa về hai bài hát của Nguyễn Văn Tuyên và Nguyễn Văn Cổn: giống như hầu hết những bài soạn ra trong lúc thử thách này, hai bài đều nói đến sự *"yêu hoa, say đắm vì hoa"*... sự *"thương hoa phai lạt, rời rạc..."* Trong những bài ca *"cải cách"* được tung ra ngay sau đó, Dương Thiệu Tước, Thẩm Oánh cũng nói đến *"hoa"* (Bên Ngàn Hoa Thắm, Hoa Tàn)! Văn Chung, Dzoãn Mẫn cũng vậy (Đóa Hồng Nhung, Trên Thuyền Hoa, Sao Hoa Chóng Tàn?) !!!

Nếu cần phải tìm hiểu xem những bài ca *"cải cách"* đầu tiên có một xu hướng nào, thì ta có thể dựa vào hai bài của Nguyễn Văn Tuyên và các nhạc sĩ khác trong khoảng những năm đầu của sự thành hình của nền Tân Nhạc Việt Nam, để nói rằng có một xu hướng hẳn hòi là *Xu hướng nhạc tình* (musique sentimentale) và rõ rệt hơn nữa là *"tình cảm thiên nhiên"* (sentiment de la nature) !

Nhạc Cải Cách trong giai đoạn thử thách này chưa chứa đựng một *"thông điệp"* nào cả, mới chỉ là những lời *"than mây khóc gió", tỏ tình với cây, cỏ, hoa lá... với thiên nhiên!* Sau này, nhạc tình sẽ có thêm *"chất lãng mạn"* ảnh hưởng của thi ca Pháp và của những bài thơ thuộc loại *"thơ mới"* của Việt Nam.

Nhưng xu hướng *"nhạc tình"* không phải là xu hướng độc nhất trong *giai đoạn thành lập* của Tân Nhạc! Ta sẽ thấy một xu hướng khác được xuất hiện vài năm sau đó, xu hướng *Nhạc Hùng*, khởi sự từ *Nhạc Hướng Đạo*, tiến tới *Nhạc Thanh Niên Lịch Sử, Nhạc Cách Mạng* rồi phát triển thành *Nhạc Kháng Chiến, Nhạc Tình Tự Quê Hương* vân vân...

Trước khi đề cập đến xu hướng *Nhạc Hùng*, chúng ta hãy coi xem đã có những gì xảy ra trong Tân Nhạc, xu hướng *Nhạc Tình*, từ *"nhạc tình cảm thiên nhiên"* tới *"nhạc tình lãng mạn"!*

*
* *

Cáo lỗi: *Trên số VHNT số 3, do sơ sót kỹ thuật, bài nghiên cứu âm nhạc công phu của nhạc sĩ Phạm Duy bị sót mất đoạn dưới đây, nằm vào đoạn thứ ba (sau Cô là người tôi hằng mơ ước yêu,* và trên đoạn bắt đầu bằng: *Như vậy là...*

Xin quý bạn đọc thêm đoạn này vào bài thứ nhất loạt bài nghiên cứu của nhạc sĩ Phạm Duy và xin cáo lỗi cùng quí bạn đọc và nhạc sĩ.

*
* *

Lúc bấy giờ, một số nhà giáo, có lẽ muốn bắt chước người xưa (như Lê Ngô Cát, Phạm Đình Toái đã dùng thi ca để viết cuốn Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca), cũng cho phổ biến một số điệu ca cổ truyền với lời mới, kể lại truyện tích trong lịch sử Việt Nam, chẳng hạn bài *Cổ Bản* sau đây:

"... Dân số 25 triệu
Nòi giống da vàng (ứ)
Chi Hồng Bàng
Dòng họ Hùng Vương (ư ư)
Phi thường
Về thời hồng hoang..."

Dùng điệu cổ, soạn lời mới để kể truyện lịch sử, nung nấu tình yêu nước, các nhà giáo lúc đó còn làm chuyện đáng kể hơn nữa là lấy một điệu hát Việt Nam đang thịnh hành là điệu *Hành Vân*, soạn lời ca tiếng Pháp để dạy trẻ:

"... Mes chers enfants! Mes chers enfants !
Vous êtes des jeunes gens, il faut travailler !
Et n'oubliez pas que le temps passe vite !!!"

Rồi còn dùng một điệu hát bình dân của Pháp để soạn lời ca yêu nước, đánh thức người dân đang ngủ vùi dưới chế độ thực dân, với đoản khúc sau đây, hát trên điệu *Frère Jacques:*

"... Hời hơi đồng bào! Hời hơi đồng bào !
Tỉnh dậy mau! Tỉnh dậy mau !
Nước (ứ) ta đã mất rồi! Nước (ư) ta đã mất rồi!
Mau tỉnh mau! Mau tỉnh mau!!!"

Thật là hay! Vì ý nghĩa của bài *Frère Jacques* cũng là lời ca thức tỉnh:

"... Dormez vous? Dormez vous? Sonnez les matines! Sonnez les matines!
Ding Dang Dong! Ding Dang Dong!..."

---

(1) Lê Thương — Nhạc Tiền Chiến — NXB Kẻ Sĩ, Sàigòn 1970.

(2) Vì khổ báo hẹp nên không thể đăng đầy đủ bản nhạc. Đón coi tất cả những bản nhạc được dẫn kể, trong cuốn khảo luận sẽ được ấn hành một ngày gần đây (Lời Tòa Soạn).

Thơ Đoàn Thêm

Ra đi.

Người đã đi nhiều, ta cũng đi
để cùng chia xẻ nỗi chia ly
chút tình hoa cỏ mong gìn giữ
còn chuyện nương dâu đáng tiếc gì.

Người đã đi nhiều, ta cũng đi
giang sơn còn lại chiếc va-li
thân cò nhẹ cánh theo chiều gió
đem nỗi niềm riêng gửi cố tri.

Người đã đi nhiều, ta cũng đi
nhớ nhau, hãy đọc lại Đường thi
thương nhau, cứ chúc mừng tương tống
khỏi dặn hồi hương với cẩm y.

Đến nơi.

Xuân đã qua rồi, tuyết vẫn rơi
Cây chưa ra nụ, cỏ chờ tươi
Ngắn dài mượn giấc quên ngày tháng
Mưa nắng cài then mặc đất trời
Mây nước thiên thai dù đậm nhạt
Nỗi niềm tục tử cứ đầy vơi
Sao đem cảnh mới về nơi cũ
Cho núi sông kia hợp với người?

Lạc đường.

Biết ai mách bảo lối gần xa
Mỏi bước đi quanh chẳng tới nhà
Gió lộng chỉ rung sầu bóng ngả
Mây bay như cuốn mộng ngày qua
Lầm đường mấy thủa, đầu mau bạc
Thấy bến không xa, nắng đã tà
Gặp kẻ lang thang... Cùng ấp úng:
Cũng dò, cũng hỏi, cũng chưa ra.

Tưởng Năng Tiến
Khi nhà văn cộng sản sáng tác :
Đọc truyện "Nước xuống"

Tập truyện *Ở phía nam* mà chúng tôi lựa đọc truyện ngắn đầu tiên (1) sau đây là tập thơ văn của nhiều tác giả, do nhà xuất bản Tác Phẩm Mới (Hà Nội) phát hành năm 1981. Theo lời nhà xuất bản *đây là tập sách tập hợp bước đầu, nhằm phản ánh kịp thời một số mặt đời sống trong công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng xã hội chủ nghĩa ở các tỉnh phía Nam.*

Cái được coi là nhằm phản ánh kịp thời một số mặt đời sống trong công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng xã hội chủ nghĩa, nếu hiểu một cách giản dị và xác thực hơn, chính là những lời biện minh lúng túng, vụng về cho những thất bại chua cay và những tội ác man rợ do chủ nghĩa cộng sản đã gây ra *ở phía Nam* của bốn mươi bốn văn thi sĩ đảng viên, thuộc "Hội Nhà Văn Việt Nam".

Riêng truyện của Nguyễn Mạnh Tuấn, có tựa là *Nước Xuống*, lấy bối cảnh miền Tây Long An sau một trận lụt. *Và bây giờ, sau hai tháng, nước bình thản rút đi, để lại một miền đất trớt, vạn vật tiêu điều, báo trước cho con người một chặng những ngày dài gian khổ còn tiếp tục* (trang 7).

Những nhà văn của Đảng Lao Động Việt Nam rất ưa lấy bối cảnh thiên tai, như bão lụt, hạn hán... Lý do: điều này giúp họ đỡ bối rối khi phải tìm cách chạy tội biện minh cho Đảng về chuyện *những ngày dài gian khổ còn tiếp tục.*

Sự gian khổ tiếp tục trên vai ông Sáu Đính.

Ông Sáu Đính quãng ngoài 60 tuổi, người nhỏ con, nhưng dai khỏe và săn chắc. Cả đời, nếu không phải đi đâu xa, ông chỉ đánh chiếc quần xà lỏn, mình để trần trùng trục, da dẻ quen dãi nắng dầm mưa đen cháy như gỗ mun già. Ông Sáu có ba đứa con lớn, một đứa hy sinh hồi chống Mỹ, một đứa đi bộ đội còn đóng ở biên giới Tây Ninh, một đứa con gái công tác ở Thành hội phụ nữ thành phố Hồ chí Minh,lấy chồng ngoài đó. Gia đình bị tai nạn mà ông chả nhờ vả, kêu gọi gì con cái. Tính ông vậy (trang 9).

Nguyễn Mạnh Tuấn gán ghép cho nhân vật của mình một thứ tính tình thiệt là lạ: *bị tai nạn mà không kêu gọi nhờ vả gì con cái.* Và đức tính quí báu này thích hợp hết chỗ nói với xã hội cộng sản. Nó thích hợp đến độ mà nếu — bất ngờ — ông Sáu đổi tính thì e rằng đời ông ta sẽ gặp chuyện lôi thôi.

Coi: ông Sáu đã ngoài sáu mươi và chỉ có hai thằng con trai lớn. Nếu một đứa đã hy sinh hồi chống Mỹ rồi thì đứa kế — theo lẽ — phải được hoãn dịch vì lý do học vấn hay gia cảnh; hoặc có kẹt lắm nhà nước bắt luôn thằng nhỏ vô lính thì cũng phải để cho nó phục vụ ở Long An, tức là gần nguyên quán chớ. Nhưng không, Đảng không "bố thí" người theo kiểu đó. Trên "sắp xếp" cho nó *đóng ở biên giới Tây Ninh.* Nói rõ ra là ông Sáu có một thằng con *đã* hy sinh và thằng còn lại thì cũng "sắp" hy sinh tới nơi rồi. Chớ còn khỉ gì nữa? Mà nói "sắp" đây là nói hồi năm 1978 kìa, khi mà ông Nguyễn Mạnh Tuấn sáng tác cái truyện ngắn *Nước Xuống* này nè. Chớ ai mà không biết rằng bộ đội tuần trước mà đóng ở biên giới Tây Ninh thì tuần sau cầm chắc như là sẽ có mặt ở Kampuchea. Cha, cái đất Cao Miên. Đi dễ khó về. Bữa nay đâu chừng giữa tháng 6 năm 85 rồi. Thằng con thứ của ông Sáu coi như đã làm xong "nghĩa vụ quốc tế", nghĩa là nếu nó không bỏ mình ở Miên thì cũng đã trở thành tù binh ở Thái.

Còn *đứa con gái công tác ở thành hội phụ nữ thành phố Hồ Chí Minh* thì sao cà? Suốt câu chuyện không nghe tác giả viết thêm một chữ nào về cô út. Cổ không thư từ, không quà cáp và cũng không nhắn gửi gì hết trơn. Cô có đó mà như không.

Chắc ông Nguyễn Mạnh Tuấn cũng khổ tâm lắm vì cái cô út này. Ông không cách gì để cho cô về thăm lại cha mẹ ở Long An dù nhà cửa *mái lá nghiêng ngả rách mướp thảm hại, bám kín một lớp phù sa nâu quánh* (trang 7). Cái kẹt của ông Tuấn nằm ở chỗ ông không thể "sáng tạo" ra được những "phương tiện giao thông hiện đại" một cách quá trắng trợn và phi lý.

Thiệt ra thì Long An cách Sàigòn không tới năm mươi cây số. Đi hết đâu chừng một giờ xe. Cô út có thể về thăm nhà vào ngày cuối tuần nếu cô không phải "tranh thủ làm đêm, làm thêm giờ nghỉ", và nếu cô có... xe. Ngặt nỗi, cô út có thể có rất nhiều thứ bằng ban khen,

bằng tưởng thưởng về thành tích lao động như công nhân viên tiến, như chiến sĩ thi đua hạng nhất, như huy chương vàng Hồ Chí Minh hạng I..., nhưng cái xe thì dứt khoát và quyết liệt là không có. (Kiếp sau — may ra — mới có). Xứ Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam lại không có xe buýt chạy liên tỉnh. Chỉ có xe đò quốc doanh thôi. Loại xe này lạ lắm. Dường như nó chỉ phục vụ tích cực cho những người có tiền mua vé chợ đen thôi hà. Số tiền này — nói tình ngay — cũng không nhiều nhặn gì. Một lượt đi tính ra đâu chừng nửa... tháng lương của cô út. Cô đi về cho chồng con cô chết đói nhăn răng à? Bởi vậy: *Gia đình bị tai nạn mà ông (Sáu) chẳng nhờ vả, kêu gọi gì con cái. Tính ông vậy.*

Tới đây thì một thằng đui cũng phải thấy rằng tính ông Sáu không phải vậy đâu. Chả qua là ông bị nhà văn Nguyễn Mạnh Tuấn chơi ép phải vậy, thế thôi. Mà nói như vậy thì cũng có phần ép Nguyễn Mạnh Tuấn nữa. Tội nghiệp !. Làm thân văn nô thì tự thâm tâm Nguyễn Mạnh Tuấn đâu có muốn ép uổng ai. Ông chỉ làm cái công việc mà nói theo ngôn từ của đội ngũ văn nghệ Hà Nội là mô tả "hiện thực phải đạo" (2) thôi.

Một cách chân thật thì ông Sáu đâu có cái thứ tính tình gàn dở, kỳ cục vậy. Ông Sáu bình thường lắm. Vợ chồng ông đã ngoài lục tuần, có ba đứa con: một đứa đã chết, một đứa chắc chết (chết chắc), đứa còn lại thì biệt vô âm tín. Đã vậy, sống giữa *những trận mưa tầm tã liên miên hết mùa mưa và những đợt nước thượng nguồn đổ dồn về với lưu lượng khổng lồ dâng nhanh như nạn hồng thủy...* (trang 7). Trong cảnh huống cùng quẫn cô quạnh của vợ chồng già *đồ đạc tài sản của họ chả còn lại được bao nhiêu. Hầu như phải bắt đầu lại từ hai bàn tay trắng...* (trang 7), ông Sáu có ý kêu gọi, nhờ vả đó chớ. Ông Sáu nhờ ai?

Năm Khắc !

Đối với Năm Khắc — và tất cả những cán bộ Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam cỡ như tên này — ông Sáu tự coi mình thuộc hàng cha chú. Theo lời ông: *Hồi chúng nó đánh Mỹ bảy nổi, ba chìm, tao thả giàn cho chúng nó mấy chục gia lúa, chúng nó diệt bót Tân Phước, tao cho không một con trong cặp bò và ba con heo bự nhà tao* (trang 11).

Và bây giờ thì Năm Khắc — một trong những kẻ được nuôi dưỡng đầy đủ tử tế trong cái hồi bẩy nổi ba chìm đó — được làm chủ tịch huyện. Không nhờ vả chút đỉnh trong lúc túng cùng này thì bộ tính đợi kiếp sau mới tính sổ luôn sao? Ông Sáu nhờ Năm Khắc cấp giấy giới thiệu mua mười bao xi măng để làm lại cái nền nhà. Nói thiệt: Ông Sáu không biết điều một xíu nào hết trơn. Ông mới hy sinh có hai đứa con rưỡi, vài con heo, một con bò, mấy chục gia lúa và đâu chừng có phân nửa cuộc đời của chính mình thôi mà đòi mua lại của

nhà nước tới... 10 bao xi măng! Ông Sáu còn phạm thêm một lỗi lầm trầm trọng nữa là làm bộ ngây thơ cụ. Cách mạng giải phóng miền Nam lâu rồi mà ông chưa sáng mắt, sáng lòng. Ông còn đòi hỏi nhà ở phải được lát bằng xi măng.

Năm Khắc — tất nhiên — từ chối. Lý do: *hiện nay toàn tỉnh đang gặp khó khăn, hàng chục ngàn gia đình bị thiệt hại nhà cửa, tài sản nên không thể lo riêng cho một trường hợp nào dù là một bao xi măng hay một viên gạch* (trang 11).

Nhân vật Năm Khắc giải quyết vấn đề thiệt là có lý nhưng nghe sao nó vô tình. Viết lách theo kiểu đó là "chưa đạt yêu cầu". *Yêu cầu của nền Văn Học Nghệ Thuật Cách Mạng phải là nền văn học có lý, có tình* (3).

Cai thầu văn nghệ Tố Hữu đã luôn miệng nhắc như vậy thì dù cho ăn kẹo Nguyễn Mạnh Tuấn cũng chả dám quên. Truyện của Nguyễn Mạnh Tuấn có lý, có tình là cái chắc. Thay vì cấp giấy giới thiệu cho ông Sáu mua xi măng, Năm Khắc đã mua và nhờ người mang về cho ông Sáu gần hai ký... thịt heo. *Thịt heo chạy lụt rẻ rề có chục đồng một ký* (trang 11). Cả cái lý lẫn cái tình của nhà thơ Tố Hữu và nhà văn Nguyễn Mạnh Tuấn đều làm cho ông Sáu thất vọng.

Ông Sáu liền cầm dĩa thịt quăng vèo ra ngoài nước khiến bà Sáu lẫn Tư Sang (người hàng xóm) đều kinh ngạc...

— Ông làm chi kỳ vậy, ông Sáu? Bà Sáu bất bình.

Ông Sáu phủi quần dứng dậy:

— Cha nó chớ! Nó định trả công tao nuôi nó hoạt động bằng hai ký thịt heo hả...

Ông hầm hầm đi tới đi lui tưởng như muốn đâm bổ ra ngoài sàn dừa nước. Vấp phải một trái dừa bẻ, ông giận dữ đá phăng ra khỏi sân. Rồi chẳng làm gì hơn được trên cái khoảng diện tích nhỏ hẹp xung quanh toàn là nước, ông lại ngồi xuống nhấc chai rượu thứ hai lên ngang mặt :

— ... Còn chính thằng Năm Khắc tao nuôi giấu nó ba năm trời liền trong hầm bí mật hồi còn Diệm. Cũng vì vụ đó, sau có đứa tố cáo, tao bị tù đến tận năm 63 mới được thả về... Vậy mà xin nó mua chục bao xi măng nó còn tiếc. Hứ! Để mai tao lên đòi tuốt cái món nợ ngày xưa coi nó trả lời thế nào. Đồ vô ơn bạc nghĩa (trang 11).

Tụi vô ơn bạc nghĩa thiệt! Và nếu câu chuyện chấm dứt ở đó thì rõ là hết tình nhưng vẫn còn được lý, cái lý của sự thực. Nhưng loại sự thực này bẩn thỉu, phũ phàng quá nên cần phải được che đậy. Nếu không, người cầm viết dưới chế độ cộng sản sẽ bị qui tội là *không thấu suốt tính cách mạng và tính khoa học của đường lối văn nghệ của Đảng ta (4).* Câu chuyện tất nhiên phải tiếp tục. Nguyễn Mạnh Tuấn phải viết rán, viết lấy được để bào chữa cho sự vô ơn bạc nghĩa của Đảng và để xoa dịu những thường dân Nam Bộ như ông Sáu. Y để

cho ông Sáu đi lên Huyện gặp Năm Khắc. Tới đây, độc giả dễ có khuynh hướng tưởng tượng ra trước một màn gay cấn khi tác giả cho hai nhân vật đối nghịch gặp nhau: ông Sáu (kẻ ra ơn) và Năm Khắc (kẻ phụ ơn và phỉnh ơn). Tưởng như vậy kể như là trật lất!

Ông Sáu đứng ngơ ngác trước trụ sở ủy ban nhân dân huyện. Chà! Dinh quận trưởng ngụy Dương Đình Tòng ngày xưa đây, ông Sáu chột dạ, ngước mắt ngắm hồi lâu cái tòa nhà đồ sộ ba tầng lầu, ngày trước không phải là chốn béng mảng của những loại người chân lấm tay bùn như ông... (trang 13).

Ba chữ *dinh quận trưởng* là "sáng tác riêng" của ông Nguyễn Mạnh Tuấn đó nha. Người miền Nam gọi nơi này là văn phòng quận hay cơ quan hành chánh quận. Và nếu đừng có cái tật ăn cơm quốc gia, thờ ma cộng sản như ông Sáu thì dù có chân lấm tay bùn hay không, người dân miền Nam chả có lý do gì để *chột dạ* hoặc không dám *béng mảng* đến đây cả.

Tráo trở, ăn không nói có dường như là sở trường của đội ngũ văn nghệ Hà Nội. Sở trường này — khi vào Nam — "phát huy" mãnh liệt đến độ khiến người đọc phải cau mặt khi chứng kiến thành viên của Hội Nhà Văn Việt Nam (sic) "múa gậy vườn hoang". Sau đây là vài điểm trong *thư góp ý của một độc giả cho một tác phẩm viết về hoạt động nội thành:*

— Năm 1964, loại xe La Dalat chưa sản xuất ở Sàigòn. Mãi đến năm 1969-1970 loại xe này mới có.

— Trong Nam, không ai xưng hô bằng tiếng ngài.

— Hình ảnh một điền chủ miền Nam "chiếc quần trắng, áo chùng đen, đầu đóng khăn, tay cầm dù trắng" chỉ có vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Còn sau này, kể từ năm 1950, hình ảnh này quả là vô cùng hiếm hoi v.v... và v.v... (5)

Nguyễn Mạnh Tuấn đã dựng đứng ra một thứ *dinh quận trưởng ngụy* kín cổng cao tường để làm nổi bật tính chất bình dị, cách mạng của trụ sở ủy ban nhân dân huyện. Và sau đây là cung cách đối xử và làm việc theo kiểu *cách mạng* mà ông Nguyễn Mạnh Tuấn tiết lộ :

Một chiếc xe vận tải nhẹ từ ngoài đường bấm còi xin vào cổng, người bảo vệ mang súng AK là một thanh niên da sậm nâu chừng 24, 25 tuổi vội chạy từ chòi gác ra ngoài mở cần ba-ri-e sơn hai màu trắng-đỏ lên cho xe vào. Lợi dụng dịp may đó, ông Sáu bước vội sang đường, đến bên anh ta, dè dặt hỏi:

— Nè chú, có phải chú Năm làm việc ở đây không ?

Anh bảo vệ không trả lời ngay, chỉ nhìn thoáng ông Sáu một cái khô lạnh, tay giữ đuôi ba-ri-e cho chiếc xe qua cổng, chậm chạp hạ ba-ri-e xuống, xốc khẩu súng cho gọn, nhìn ông Sáu lần nữa từ đầu đến chân, rồi mới hỏi trổng không :

— Năm nào ?

— Năm Khắc đó.

Ông Sáu đáp, trông chờ một hy vọng. Anh bảo vệ c 1 có:

— Gặp ổng có việc gì ?

— Tôi gặp có chút việc riêng mà chú.

— Việc riêng thì hết giờ làm việc chờ ổng ra rồi gặp.

Dứt lời, anh ta điềm nhiên quay trở lại chòi gác. Ông Sáu vội tất tả theo sau :

— Chú nè. Ông nài nỉ: tôi chỉ gặp chút xíu rồi về ngay mà, chú.

Người bảo vệ gắt:

— Chút xíu cũng không được vô. Cơ quan chính quyền chớ đâu phải chỗ riêng tư, ông già (trang 14).

Năn nỉ, van nài rồi mang Năm Khắc ra nhát ma một chặp, cuối cùng, ông Sáu cũng lọt được vô trong cổng của ủy ban nhân dân huyện. *Ông Sáu lật bật đi vào phòng thường trực ở ngay cạnh chòi gác. Trong phòng có vài ba người khách ngồi chờ. Ở bàn thường trực, một phụ nữ chừng hai nhăm tuổi vận bà ba, một tay bế xốc đứa con nhỏ, cắm cúi ghi tên một người khách từ tấm thẻ căn cước đặt trên bàn vào sổ... Cô gái nhận tấm căn cước, mỉm cười:*

— Ông vui lòng cho con vô sổ chút xíu nghe.

Cô ta cắm cúi viết xong tấm căn cước bỏ dở, hướng dẫn người khách vào trước xong mới cầm tấm căn cước của ông Sáu lên lẩm nhẩm đọc... Đứa con trong vòng tay bên này của cô ta luôn ngọ nguậy, phá quấy, khi thì giật cây bút, khi thì chực xé tờ giấy, khiến cô ta phải ngưng đọc mấy lần để rầy đứa bé ngồi im. Năm sáu phút trôi qua, tấm căn cước của ông Sáu mới được ghi vô sổ...

Ông Sáu băn khoăn hỏi lại:

— Chờ chừng bao lâu, cháu?

— Có khi một giờ, có khi hơn— Cô gái vừa xốc con vừa nói— ông cứ yên tâm ngồi nghỉ, có nước đó ông xài tạm, khi nào chú Năm rảnh, con gọi cho ông lên liền mà.

Ông Sáu thở dài nghĩ bụng: dà, gặp tụi bay coi bộ khó quá ta, ngày xưa, bọn bay tìm tao đâu có khó vậy?

Chờ hàng hai giờ liền, ông Sáu nóng cồn cả ruột, hết đứng lại ngồi. Ngồi chán, lại ra đầu nhà nhìn quang cảnh của văn phòng ủy ban huyện, người ra, người vào bận rộn tíu tít.

Trời mỗi lúc một ngả chiều...

Khách khứa thưa dần. Không khí làm việc trong ủy ban có phần lắng đi.

Cô thường trực bế con biến đi đâu cả giờ đồng hồ bây giờ mới quay lại. Thấy trong phòng chỉ còn mình ông Sáu, cô ta hỏi:

— Từ hồi con đi có khách tới không ông?

Ông Sáu lắc đầu :

— Không có ai. Rồi ông băn khoăn hỏi cô ta: Họp hành chi mà

lâu dữ vậy cháu?

Cô gái hồn nhiên giải thích:

— Từ ngày huyện bị lụt, ủy ban trăm công ngàn việc nên họp hành miết vậy ông à. Họp ngày rồi lại họp đêm, mấy chú muốn bệnh luôn. Ông thông cảm cho chút xíu nữa đi. Chắc chú Năm ra giờ thôi.

Ông Sáu chỉ còn biết thở dài, chờ cho thêm vài cái "chút xíu" nữa.

Thế rồi một buổi chiều qua đi. Tiếng kẻng báo hết giờ làm việc vang lên lảnh lói.

Cô thường trực đã kịp xếp gọn sổ sách vào ngăn kéo thu cất đồ lề phục vụ cho đứa con vào một chiếc túi xách ni lon, bế đứa nhỏ đã ngủ say từ lâu và cầm ổ khóa cửa lên, dịu dàng nói với ông Sáu:

— Hôm nay họp muộn, chắc giờ mới tan làm ông phải chờ lâu. Ông thông cảm ra ngoài chờ chút xíu, để con còn khóa cửa (trang 15 và 16).

Tội nghiệp ông Sáu Đính. Ban sáng cô thường trực mỉm cười nói: *Ông vui lòng chờ con vô sổ chút xíu nghe.* Tới chiều thì cô dịu dàng nói: *Ông thông cảm ra ngoài chờ chút xíu, để con khóa cửa.* Nói tóm lại là cô "giỡn mặt" với ông già nhà quê suốt từ sáng cho đến chiều rồi ôn tồn... đuổi ổng ra khỏi cửa. Thiệt là đã đời. Ruột gan ông Sáu — chắc chắn — phải lộn lên tới đầu. Đừng nói chi ông Sáu, ngay cả ông Mười Hai hay ông Hai Mươi Bốn mà "đụng chuyện" với cách mạng rồi là thế nào cũng phát sinh ra cái tâm cảm ... "hoài nguỵ". Ví dù thế nào chăng nữa, ở *dinh quận trưởng ngụy ngày xưa*, những nhân viên của *ngụy quyền* cũng không thể nào có một cung cách và phương thức làm việc luộm thuộm, ngu ngốc, vô trách nhiệm và khinh thường người dân đến vậy.

Nhưng ông Nguyễn Mạnh Tuấn — nhất định — không để cho ông Sáu phát sinh ra cái thứ tình cảm tiêu cực, sai lệch là "hoài nguỵ". Ông Sáu vẫn cứ bắt buộc không được nản lòng và vẫn cứ còn đặt niềm tin vào cách mạng. Ông kiên nhẫn tìm đến nhà riêng của Năm Khắc.

Ông Sáu đưa mắt nhìn quanh nhà. Một ngôi nhà, cột kèo, dui mè tạm bợ, chắp vá vụng về hơn cả cái lều hai gian của vợ chồng ông, đồ đạc chẳng có gì đáng kể ngoài một chiếc giường đôi cũ và một cái bàn mặt phoóc-mi-ca, mé đầu hồi trống tuyềnh toàng có dựng chiếc xe Honda màu đen lấm đầy bùn đất. Nền nhà còn ẩm ướt, nứt nẻ, ngổn ngang những rác lá, củi cành, dây lạt.

Ông Sáu nhìn Năm Khắc :

— Nhà mày đây thiệt, hay chỉ là miệt vườn ở tạm, hả Năm ?

Năm cười chất phác :

— Nhà ở thiệt chớ chú Sáu tưởng thằng Năm này phải ở nhà năm bảy tầng lầu chắc? Chú thấy tôi nghèo hả. Sau nạn lụt nhà nào chả vậy. (trang 18).

Ngó bộ ông Sáu mủi lòng vì cảnh nghèo của mình nên Năm Khắc "tới" luôn :

— *Trong lúc tất cả cùng khó khăn, ta cứ tự lực cánh sinh giật gấu vá vai cốt có chỗ ăn ở tạm để an tâm lo công tác đã* (trang 19).

Năm Khắc chỉ đi lả lướt vài "đường lưỡi" thế thôi là — theo suy diễn tự phát của Nguyễn Mạnh Tuấn — đã khiến cho ông Sáu "sướng" tới chết ngất và bị chinh phục một cách dễ dàng. Ông bị chinh phục bởi cảnh nhà thanh bần đến độ thảm thiết cùng với tấm lòng cúc cung tận tụy cách mạng của chủ tịch huyện Năm Khắc. Ông Sáu quên tuốt luốt rằng mới chiều hôm qua ông đã rủa sả tụi nó là phường vô ơn bạc nghĩa. Ông lại nhớ đến số tiền hai trăm đồng mà vợ đưa để *sắn dịp lên huyện, ông ra chợ coi có heo con mua trước một cặp về gây là vừa* (trang 12).

Thái độ của ông Sáu thay đổi đột ngột đến ngay cả chính Nguyễn Mạnh Tuấn chắc cũng phải... ngạc nhiên !

Ông Sáu vỗ thộp bàn tay thô cứng vào ngực Năm Khắc, đặt im ở đó, rồi nói to :

— *Vậy thế này nghe: mày biểu con vợ mày vô xóm kiếm con gà và hai xị đế. Tao có tiền đây. Ông Sáu móc xấp tiền trong túi, rút đại mấy tờ mười đồng, đưa cho vợ Năm Khắc: Này, đi luôn nghe.*

Mãi trưa hôm sau, ông Sáu mới chèo xuồng về tới nhà.

Mới qua một ngày một đêm mà nước đã rút ló hết cả chân đất. Xuồng không vào được tận nhà nữa nên ông Sáu chống lách theo con lạch đầu mé sau vườn dừa.

Bà Sáu nôn nóng suốt từ chiều hôm qua, ra tận chỗ cập xuồng đón chồng.

— *Ông đi gì mà đi thâu đêm vậy? Bà hỏi hàm ý trách.*

Ông Sáu cười rộng miệng :

— *Hồi hôm nhậu rồi ngủ luôn ở nhà thằng Năm.*

Bà Sáu nhìn chồng tò mò :

— *Vậy ông không rầy la gì nó chớ ?*

— *Nó con cháu trong nhà, gặp thì mừng chớ rầy rà làm chi. Tháng sau tôi lên làm giùm vợ chồng nó cái nhà đó. Nó chỉ giỏi làm cách mạng chớ làm nhà thì chỉ ba bữa đã sập.*

Ông Sáu đủng đỉnh cột xuồng rồi vác mái chèo lên vai bước nhẹ tênh về nhà.

— *Này ông...*

Ông Sáu quay lại :

— *Gì đó bà ?*

— *Còn vụ heo con? Bà Sáu nhìn chồng nghi ngờ.*

Ông sững sờ. Tay vỗ bốp vào túi áo.

— *Cha cha... Ông lúng túng chắc lưỡi: Tôi quên... Ông chép miệng: Tôi xài lận vào mấy chục... Ông hề hề cười gượng: Tôi mời vợ*

chồng thằng Năm mà bà. Bước đi được mấy bước, bỗng ông hớn hở quay lại nói to: Mà bà khỏi lo vụ heo con, thằng Năm nói đầu tháng tới trại heo giống của huyện sẽ đưa heo con loại thiệt tốt về tận các xã bán tận tay cho bà con theo giá chính thức.

Rồi ông cười ha hả hết sức vui vẻ (trang 19, 20, 21).

Người dân miền Nam thiệt dễ quên và dễ vui hết sức. Ít nhất thì ông Nguyễn Mạnh Tuấn đã tưởng (hoặc cố tưởng) như vậy. Sự thiệt không phải vậy đâu, ông Tuấn. Chắc ông cũng biết đó chớ, nhưng vì cái liêm sỉ và lương tâm tối thiểu của người cầm bút ông cũng không có nên ông không dám viết ra. Trái lại ông còn thay mặt Đảng và Nhà Nước trơ tráo hứa hẹn là *huyện SẼ đưa heo con loại thiệt tốt về tận các xã bán tận tay cho bà con theo giá chính thức.*

Ông bà Sáu hy sinh mấy đứa con, *thả giàn cho chúng nó mấy chục gia lúa, cho không một con bò cày và ba con heo bụ.* Chưa hết, ông bà Sáu còn chứa chấp cán bộ nằm vùng trong nhà. *Cũng vì cái vụ đó, sau có đứa tố cáo, tao bị tù đến năm 63 mới được về.* Tất cả những điều này được đổi lại bằng một lời hứa là SẼ được mua heo con *loại thiệt tốt, theo giá chính thức.* Và chỉ có bấy nhiêu đó thôi đã khiến cho ông Sáu đổi hẳn thái độ, lấy tiền vợ đưa đi mua heo thiệt, đãi đằng cán bộ nhậu nhẹt lu bù. *Rồi ông cười ha hả hết sức vui vẻ !*

Nếu sự thiệt mà đúng y như ông Nguyễn Mạnh Tuấn viết thì kể như là ông Sáu... điên rồi. Chớ còn khỉ gì nữa? Ông Tuấn à! Ông Sáu nói riêng và người dân miền Nam nói chung — thưa thiệt — không có dễ điên và dễ tin vậy đâu. Cái chiêu bài "chống Mỹ cứu nước", và những cái bánh vẽ "độc lập, tự do, hạnh phúc" nếu đã có lúc hấp dẫn được một số người dân cả tin như ông Sáu thì họ cũng chỉ tin một lần thôi. Sau đó, người ta nhìn ra ngay cái bộ mặt thật của Đảng Lao Động Việt Nam: đồ vô ơn bạc nghĩa!

Nếu ông Nguyễn Mạnh Tuấn, cùng quí ông cán bộ cao cấp đặc trách ngành văn hóa như Tố Hữu, Trần Độ, Hà Xuân Trường...tưởng rằng chỉ cần nhào vào miền Nam thu hết sách vở nơi đây đem đốt, rồi "sáng tác" đại những tập thơ văn, với những truyện ngắn ngớ ngẩn như truyện *Nước xuống"* là có thể tạo ra được một "nền văn học cách mạng miền Nam" thì đúng là các ông không biết một tí gì về văn hóa và các ông tưởng lầm rồi. Tìm đọc chơi một số truyện ngắn của những cây viết kháng cộng sinh trưởng ở miền Nam thứ thiệt như Nguyễn Văn Sâm, Võ Kỳ Điền, Võ Hoàng... đi để biết là các ông lầm tới cỡ nào.

Riêng ông Nguyễn Mạnh Tuấn, khi tạo ra nhân vật Năm Khắc với cảnh *nhà, cột kèo, dui mè tạm bợ, chắp vá vụng về* mà nghĩ rằng mình đã lòa mắt được người dân miền Nam bởi hình ảnh thanh liêm cần kiệm của một cán bộ cộng sản làm "cảm" được thiên hạ thì đúng là ông lạc quan quá sức. Muộn, muộn lắm rồi ông Tuấn ơi! Năm 1978,

năm mà ông sáng tác cái truyện ngắn *Nước Xuống* này, cả n' ớc đều đã biết rằng loại cán bộ *chả có gì đáng kể ngoài một chiếc giu ng đôi cũ và một cái bàn mặt phooc-mi-ca* như Năm Khắc chỉ là hình ảnh tiêu biểu của một thứ hồn ma đói khổ vất vưởng mà xác của nó có tên gọi là Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam đã bị những con cáo già Hà Nội chôn sống, ngay khi chúng nuốt trửng được nửa phần quê hương còn lại.

Đảng đã *hy sinh* thằng con lớn của ông Sáu trong công cuộc chống Mỹ cứu nước. Đảng nướng thằng con kế của ông Sáu trong ngọn lửa tham vọng và nghĩa vụ nhuộm đỏ Đông Dương. Đảng lột ông Sáu chỉ còn mỗi *chiếc quần xà lỏn, mình trần trùng trục* (trang 8). Đảng cướp mất của Năm Khắc một giờ rồi mà còn bắt làm việc đến *muốn bệnh luôn* (trang 15) và xong việc *phải tranh thủ đâm bổ về đây dặm lại cái mái nhà* (trang 18). Sau khi ban hành "hiến pháp" vào năm 1977 như một việc làm tượng trưng cho sự "thống nhất" đất nước thì ngay cả ở những chức vụ ở đơn vị hành chánh cấp thấp nhất như chủ tịch xã, Đảng cũng đã bố trí cho những cán bộ A (cán bộ miền Bắc) vào thay cán bộ R (cán bộ Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam). Nói tóm lại là từ trái sang phải, từ trên xuống dưới của cái gọi là MTGPMN đều bị Đảng chơi cho te tua, bầm dập và tận tuyệt.

Điều này, trừ những đứa cháu ngoan của Bác Hồ dưới ba tuổi ra, ai cũng biết. Vậy mà, riêng ông Nguyễn Mạnh Tuấn cứ làm bộ như chả có chuyện gì đáng tiếc xẩy ra cả. Đến giữa năm 78 mà ông vẫn cứ tỉnh táo "đẻ" ra một nhân vật có tên gọi là Năm Khắc, cán bộ MTGPMN, giữ chức vụ chủ tịch huyện! Thôi, ông Tuấn. Thối lắm rồi. Dù mỗi tháng "Hội Nhà Văn" của các ông có "sáng tác" ra được hàng trăm cái truyện ngắn ít vụng về, ngớ ngẩn hơn truyện *Nước Xuống* thì điều này cũng chỉ có tác dụng như hàng trăm miếng bông gòn đắp điếm trên một cơ thể đã có hàng ngàn cái mụt nhọt hôi thối thôi.

Bông gòn — tự nó — đâu có chữa được ung nhọt, ông Tuấn. Nó chỉ giúp được cho người ta cảm thấy đỡ ghê tởm và lợm giọng khi nhìn vào "sự nghiệp cách mạng vẻ vang" của Đảng thôi. Nhưng trong khi làm công việc chữa chạy cho con bệnh cộng sản, ông đã vô tình để lộ ra quá nhiều điểm xấu xa trong cái chế độ mà ông đang phục vụ. Tội của ông lớn lắm, nhưng "công" cũng không có nhỏ đâu nha, ông Tuấn!

NHẮN TIN

Vì nhu cầu tái bản, trân trọng xin được liên lạc và thương lượng với quý bạn nào có cuốn :

"MỘT NGÀY TRONG ĐỜI IVAN DENISOVITCH"

(One day in the life of Ivan Denisovitch)

của Alexander Solzhenitszn

do nhà Nguồn Sống xuất bản khoảng 69-70 tại Saigon Đa tạ

Người dịch : Thạch Chương

2785 Northview St., Roseville, MN 55113

Thơ Ngu Yên.

LTS: Văn Học Nghệ Thuật hân hạnh giới thiệu với quí bạn đọc một tiếng thơ mới hết sức độc đáo: thơ Ngu Yên hiện định cư tại Little Rock, AR Hoa Kỳ. Vì chủ trương của Ban Biên Tập VHNT là cố gắng giới thiệu những sáng tác mới tiêu biểu ở hải ngoại, nên chúng tôi phải gác lại một số bài của các tác giả đã có uy tín và cho đăng trên số này loạt thơ Ngu Yên và truyện ngắn Em Điên Xõa Tóc của Kiệt Tấn, bất kể hai loạt bài đó chiếm khá nhiều trang báo. Mong quí bạn đọc thông cảm.

Văn Học Nghệ Thuật

Buồn tầm thường.

Xưa nay có ai mà không buồn
Nặng trong hồn chút gì vấn vương
Ngày xưa mới lớn buồn lẩm cẩm
Nay tuổi trung niên buồn tầm thường.

Buồn tầm thường trong tròn ngoài vuông
Lúc sâu lúc cạn lúc điên cuồng
Khi cao khi thấp khi lơ lửng
Buồn làm đời ta thêm dễ thương.

Ký tên vào sổ phù vân.

Hạ bút đi ta
dẫu ghét tờ khế ước
Trả góp vài năm
Thấm thoát lo gì

Vượt hiểm nguy sóng gió nào sợ chi
Thêm chút nợ mới tròn đời lưu lạc.

Nợ càng nhiều nhà băng càng quí
Nợ càng cao tín dụng càng hay
Những chi phiếu nhẹ vèo như đám lá
Mà chao ôi ký nặng đến mỏi tay.

Xưa sách có câu
của là phù vân
Hữu là ảo ảnh.

Sống nơi này mới ngấm đòn đau
Của là nhà băng
Hữu là tín dụng
Chết chôn rồi vẫn trả góp mồ sâu.

Hạ bút đi ta
Nợ thêm chút nữa
Tăng một tờ chi phiếu khác gì đâu
Mai khòm lưng làm thêm giờ nghỉ
Thì tha phương chỉ thêm một chút sầu.

Nghĩ mãi chưa ra kế gì.

Rắt rối lẩn quẩn
Trói tay anh hùng
Đạp đất
Đất mềm chân quính quáng
Đội trời
Trời nặng nứt xương vai

Nửa cuộc chơi lưỡng nan tấn thối
Nửa cuộc đời năm bảy đường đi
Trượng phu bạt tóc mưu thời vận
Anh hùng lận đận cướp thiên cơ
Thắng bại biết đâu là giới hạn
Vận kế trù mưu chỉ ván cờ.

Sinh nhật 1984.

Hỏi lão Ngu Yên mấy tuổi rồi
Trông xa giống tựa món đồ tồi
Trông gần thì rõ là cát bụi
Hay thật ông đây là của hôi.

Tuổi đã chất chồng làm sao vơi
Phí phá cho mau hết cuộc đời
Quân tử, tiểu nhân đều xí xóa
Sướng khổ, buồn vui, tính sao lời.

Chỉ có ta mừng sinh nhật ngươi
Uống rượu cho say, ôm nhau cười
Mốt mai ngày giỗ ta không đến
Để hồn người rảnh rỗi rong chơi.

Hỏi.

Hỏi trời, ta có giống ai
Hồn thầy xác thợ nửa hài nửa bi
Mười hai giáp, giống giáp gì
Cớ sao bơi lội sân si vô bờ.

Hỏi người, ta có giống khờ.
Tát giùm mấy tát bây giờ tỉnh chưa
Nửa đời phù ảo dây dưa
Chưa ra khỏi xác đã thưa trở về.

Vợ.

Ngày xưa em nói yêu ta
Bây giờ yêu đã gần xa thế nào
Mười năm quấn quít vui sầu
Cõng con qua những đoạn cầu cam go
Mắng giùm ta giọng hẹn hò
Chửi giùm ta tiếng nhỏ to tự tình
Cần nhằn xin giữ môi xinh
Nửa đời sau cũng chỉ mình với ta.

** Xin nhà thơ Ngu Yên cho biết địa chỉ để chúng tôi gửi báo biếu. Trên hai bì thư bạn gửi bài, chỉ có dấu nhật ấn bưu điện chứ không có địa chỉ của bạn.*

Kiệt Tấn

Em điên xõa tóc.

Giờ này chắc người con gái tóc dài hãy còn thao thức. Cũng như tôi. Cũng như đêm qua, cũng như đêm kia, và biết bao đêm nữa. Trước khi nổi điên, người tathường mất ngủ một thời gian dài. Có lần tôi đã mất ngủ cả năm nhưng không nổi điên. Lần này tôi mất ngủ ngót tám tháng, và tôi nổi điên. Nàng cũng vậy, nhưng không biết đã mất ngủ bao lâu. Điên? Làm sao biết mình điên? Chỉ biết chúng tôi đang bị giữ trong bệnh viện tâm lý. Cùng nhiều người khác, nhưng trong đám tương đối tôi và nàng trẻ nhất. Sao chúng tôi nổi điên quá sớm? Và nàng còn sớm hơn tôi nữa. Nàng đẹp, phải công nhận nàng đẹp. Nhưng đâu phải là một lý do để nổi điên! Hôm đầu tiên nhập viện, ngồi trong phòng ngó ra thấy nàng mặc một cái *robe* trắng thấp thoáng ngoài hành lang tôi tưởng nàng là nữ trợ tá. Nàng đi qua nhanh, tôi trông theo mắt bị thu hút kỳ lạ bởi mái tóc dài ẻo lả trên lưng, xuống tận dây nịt . Mái tóc gội rửa sạch sẽ xỏa ra mềm mại, màu nâu thẫm, trong ánh sáng mờ tưởng như mái tóc đen dài của một cô gái đông phương nào đó. Áo nàng màu trắng ngà phùng ra ở cườm tay, ở thắt lưng và bên dưới gối, trùm lên đôi ủng da cao mầu đen, nịt da cũng màu đen. Cả người nàng toát ra nét thanh lịch và tha thướt theo từng bước đi, đuôi tóc phấp phới. Nàng lên phòng trực phát thuốc ở đầu hành lang, chập sau quay trở lại, đi ngang phòng tôi, tới cuối hành lang rồi mở cửa căn phòng ngó xéo với phòng tôi bước vào khép cửa lại. Nàng không biết có tôi đang ngó và đang bị mái tóc nàng

mê hoặc.

Tôi có ý chờ khi trở ra nàng sẽ ghé vào phòng tôi, mang cho tôi mấy viên thuốc ngủ cùng ly nước lạnh và vỗ về tôi uống. Tôi khép hờ cửa và chờ nghe tiếng bước chân. Khi cúi xuống tóc nàng xòa lên mặt tôi, thơm tho ngây ngất — tôi tưởng tượng. Nụ cười của người nữ trợ tá chan chứa thông cảm bao dung như tôi thường thấy.

Trong tình trạng hiện tại, người tôi không còn một chút phấn đấu nào, như một bình điện hết hơi, tôi bỏ cuộc. Bốn vách tường bệnh viện ngăn cách tôi khỏi sự công phá từ bên ngoài. Cửa sổ có thanh sắt và kiếng mũ dầy, tôi không thể nào đập vỡ và lao ra không trung bất thần được. Thế giới của tôi bây giờ có nàng và những người điên khác. Kiên nhẫn, một chút nữa nàng sẽ ghé vào. Vách phòng sơn trắng, giường trải nệm trắng, một bàn nhỏ, một ghế nhỏ, một tủ nhỏ cũng sơn trắng ở đầu nằm. Trong tủ có hai bộ quần áo, một bàn chải đánh răng, một cây lược, một cục xà bông thơm, một cuốn sách hình *Mickey* và một tập vở học trò tôi dùng để chép thơ còn độ một nửa tập giấy trắng. Tự nhiên tôi thèm viết, viết gì cũng được, miễn được cầm bút và ngúy ngoáy trên trang giấy trắng. Hồi còn học sinh, tôi hay viết nhựt ký. Thuở yêu đương, lúc thất tình tôi cũng hay viết nhựt ký. Tôi dở tập đến hết phần thơ chép và cầm bút đặt lên trang giấy đầu còn lại:

Bệnh viện Paul Brousse, ngày...

"Có hai điều tôi sợ nhứt trên đời là bệnh tật và cô đơn. Mà rồi bây giờ tôi cô đơn và bệnh tật. Hôm nay là ngày đầu tiên tôi ở nhà thương điên — mỹ từ: bệnh viện tâm lý. Tôi không muốn vào đây nhưng Ánh nói nằm nhà mãi tình trạng càng trầm trọng thêm và nàng khóc lóc. Tôi đành nghe theo. Chỉ sợ một khi vào đây tôi sẽ không còn trở ra được nữa. Mỗi ngày tôi sẽ một điên thêm, người ta sẽ chuyển tôi hết bệnh viện này đến bệnh viện khác, sẽ chung chạ với những người càng lúc càng điên nặng hơn. Tôi đã từng chứng kiến người điên bị nhốt. Hồi học trung học, một anh chàng si tình phát điên bị nhốt trong phòng có song sắt hắn ta miệng nói làm xàm không ngớt và leo trèo lòng vòng như con khỉ thấy phát chóng mặt. Bận khác đi thăm con nhỏ cháu tôi ở nhà thương Chợ Quán. Nó bị nhốt chung với rất nhiều người điên, nhà giam giống như chuồng nhốt súc vật ở Sở Thú. Mùi hôi hám nhớp nhúa hực ra tanh thúi không thể tả. Nó đứng vịn song sắt khóc ròng và đòi về, nói nó đã hết điên rồi. Bỗng có một mụ dơ dáy quần áo rách bươm tới năm tóc nó kéo đi và tru tréo sao nó giết con mụ ta. Nó dẫy dụa gỡ ra không được. Tôi bắt nôn mửa phải lùi ra xa, để má nó một mình đứng lại gần chuồng cũng không biết làm gì hơn.

Nhắc tới sực nhớ gia đình tôi có lẽ có dòng máu điên. Má tôi, anh tôi, chị tôi, cháu tôi, bây giờ tới tôi. Lúc đẻ ra chị tôi, má tôi bị bệnh rồi

phát điên. Một bận đi xuống trên Kinh Cờ Đỏ má tôi bỗng nổi cơn tính nhận chìm xuống cho chết hết bốn mẹ con, may có ba tôi ngăn lại. Bà bỏ chạy lên bờ, ba tôi rượt theo lấy ba cây roi mây chập lại đánh má tôi đổ máu rồi nắm tóc lôi xuống xuồng. Nhắc tới, má tôi còn oán hận ba tôi sao ở ác. Sau đó bỗng một hôm có một bà sư quảy bộc thuốc đi ngang nhà mùi hương xông ngào ngạt. Bà bổ cho má tôi một thang thuốc, má tôi uống vào hết điên luôn. Kế đến chị tôi hồi đẻ đứa con thứ ba phát bịnh tưởng chết, và cuồng trí gần cả năm. Tới phiên con nhỏ cháu tôi, hồi đẻ khó khăn, bị mụ vườn nắm cổ lôi ra, đầu nó mềm nhũn như trái chuối chín mùi bị vập. Lớn lên nó cứ ba trợn, tới mùa nắng là rượt theo trai và nổi khùng.

Còn anh tôi không điên ra mặt, nhưng có chứng cuồng dâm. Khi dâm hành thì bất kể đẹp xấu, mẻ càng gãy gọng, sứt mũi sún răng, hôi hám nhớp nhúa, bao nhiêu đứa ở ông ta quơ tuốt, nhiều lúc bốc hốt luôn cả con em họ hàng, bất chấp tai tiếng loạn luân. Có lần bị con nhỏ ở thưa tội hiếp dâm, anh chàng bị nhốt, vừa chạy chọt được thả về ghé nhà tôi là bóp vú con nhỏ ở của tôi, tới nhà chị dâu tôi lại rờ đít con nhỏ ở đằng đó. Máu cuồng dâm một khi đã bốc lên là mờ cả hai con mắt..."

Có tiếng gõ cửa. Nàng đã tới! Tôi giật thót vội vàng xếp tập lại, lên tiếng: cứ vào! Người nữ y tá bước vào, mặc áo *blouse* trắng, chào tôi và mỉm cười dịu dàng. Không phải nàng tóc dài, tôi thất vọng, nhưng cũng chào lại. Cô ta hỏi thăm tình trạng tôi qua loa, đoạn đưa cho tôi hai viên thuốc an thần và pha cho tôi hai chục giọt thuốc ngủ màu hồng. Canh chừng cho tôi uống xong, cô ta chúc tôi ngủ ngon và quay gót. Chờ cho người nữ y tá trở về phòng trực, tôi nhè nhẹ hé cửa ngó qua bên kia. Phòng nàng đóng im ỉm. Nàng có còn ở trong đó? Hay đã ra về? Về đâu? Giờ này đâu phải là giờ thăm thân nhân. Không có chút ánh sáng nào lọt ra ngoài. Tôi khép cửa lại, tắt đèn, lên giường nằm chờ thuốc ngấm và giấc ngủ an thần kéo về dập tắt ngọn lửa trong trí tôi.

Màn cửa sổ chỉ kéo che một nửa, bên nửa kia còn ngó thấy nền trời và sao lung linh như một tín hiệu. Trời mới vào xuân, trong sáng êm ả. *Đôi khi anh muốn tin trên đời chỉ có trời sao là đáng kể, mà bên những vì sao lấp lánh đôi mắt em... (1).* Tôi chợt nhớ tới Ánh và tội nghiệp nàng. Sáng nay nàng khăn gói đưa tôi nhập viện. Ngồi ở phòng đợi làm thủ tục, nàng nắm tay tôi mà khóc, nước mắt ròng ròng. Nàng an ủi tôi — Lẽ ra nàng cần được an ủi mới phải. Nàng căn dặn tôi đừng bỏ trốn, nàng sợ lắm. Tôi chỉ ngồi thừ ra đó, như một động cơ hết nhiên liệu. Người ta có thể đổ nhiên liệu vào và đẩy tiếp sức, nhưng tình trạng này không thể kéo dài vĩnh viễn được. Tới một lúc nào đó động cơ phải tự nó bắt điện nổ máy và di chuyển lấy một mình. Bằng không nó sẽ nằm ì ra đó chịu cho rỉ sét gặm mòn tới lúc bị phế

thải ra nghĩa địa, mưa gió đục phá cho đến khi hoàn toàn tan rã thành đống bụi nâu đỏ và trái đất thu hồi trở lại.

Thủ tục xong Ánh sắp về, tôi bịn rịn. Nàng về thật rồi. Tôi hốt hoảng và hối hận sao đã chịu vào đây. Tôi không biết ai hết. Tôi sẽ leo chạy trong lần song sắt như con khỉ thất tình? Hay bị giựt tóc như trong chuồng súc vật? Thân thể tôi tỏa nhiệt dồn dập rồi vụt lạnh ngắt. Hệ thống điều hòa tự động của cơ thể rối loạn, mở đóng vô trật tự. Miệng tôi khô đắng, sắp bốc cháy. Ruột thắt lại, người muốn gẫy quặp làm hai, như con múa rối bị đứt chỉ. Tôi xách cái túi nhỏ lẽo đẽo theo người dẫn đường lên lầu ba, phòng dành cho tôi nằm ở đó. Buổi trưa tôi nằm lì trong phòng, bỏ ăn. Tôi hối hận, ăn năn, giận mình. Trời nắng rực rỡ. Tôi kéo màn kín mít. Đâu phải để ngủ. Làm sao ngủ được. Đêm nào cũng mở mắt trừng trừng. Uống rượu tiêu sầu họa hoằn lắm cũng chỉ ngất ngư được một chút từ hai tới ba giờ sáng rồi thức trắng dở luôn. Cho tới lúc mặt trời mọc và tiếng huyên náo lớn dần dưới đường đem trở về một ngày mới với nỗi sợ hãi rất cũ, bất di dịch, những đương cự với khó khăn của đời sống hằng ngày. Một câu hỏi duy nhất: làm sao tìm được việc làm. Một khiếp đảm duy nhứt: làm sao tìm được việc làm. Một bế tắc duy nhứt: làm sao tìm được việc làm. Làm như người ta sống ở đời chỉ duy nhứt để làm việc. Thiệt là chó má!

Buổi chiều hai nữ y tá vào phòng dỗ dành tôi đi ăn cơm. Cực chẳng đã tôi phải nghe theo. Tôi để nguyên quần áo xốc xếch, không buồn rửa mặt, bước vào phòng ăn có đâu hơn hai chục người — hay nhiều hơn nữa không biết. Trước mặt tôi là người đàn ông có hai răng trước ở hàm trên bị gãy. Cạnh tôi là một anh chàng tóc quăn dài có râu quai hàm. Tôi không biết ai hết. Tôi không nói ai một câu. Không ai hỏi tôi một câu. Tôi không thấy có ai khác da vàng như tôi. Tôi cầm muỗng nhúng vào dĩa súp. Khi múc lên tay tôi chợt run bắn. Tôi kinh hãi đặt muỗng trở lại dĩa. Tôi đổi tay trái. Cũng run bần bật. Tôi dùng cả hai tay nắm lấy cán muỗng. Cũng lẩy bẩy như thường. Chắc tôi sẽ không bao giờ ra khỏi nơi nầy. Người ta sẽ chuyển tôi tới một nhà thương dành cho những người điên run rẩy như tôi. Tôi muốn chảy nước mắt. Tôi lén xé bánh mì chấm vào dĩa súp rồi cúi xuống thật gần đút vào miệng khô đắng. Mẩu bánh mì vướng ngang cổ thắt gút. Tôi đâu quen ai ở chốn này. Tôi muốn kêu Ánh cầu cứu.

Giấc ngủ đầu tiên ở bệnh viện đen ngòm như chén chí-bà-phủ. Không nhớ gì hết. Nó đến hồi nào? Như hòn đá quá nặng vụt chìm, không kịp ngó. Tôi mở mắt, dần dần định trí, nhớ ra mình đang ở đâu. Lần đầu tiên tôi không bị ám ảnh bởi việc mua báo, chúi mũi vào những trang rao vặt và viết đơn xin việc. Lần thứ năm trăm, bảy trăm, cứ mãi một câu hết: "...*veuillez agréer, Monsieur, l'assurance...*". Ngủ nướng không được, tôi đứng dậy bước tới cửa sổ kéo màn. Trời đã

thực sự vào xuân, nắng rạng rỡ tưởng như Tết. Trí nhớ tô hủ tiếu hồi nhỏ chỉ dịp Tết mới ăn, trên có miếng tôm chiên và lát gan khô, xít tàu vị yếu "Hai con chuột" vô, tôi gục đầu húp tới giọt nước lèo cuối cùng. Sướng hết sức. Ai đã đuổi tôi ra khỏi thiên đường? Sự tinh ranh, suy nghĩ, tìm hiểu, muốn diễn giải, cắt nghĩa. Hành động nào cũng tự nó đầy đủ, như vậy chưa đủ sao? Vẫn luôn luôn chạy kiếm một cái gì bên ngoài, phía sau để biện minh chứng đúng. Ăn hủ tiếu là ăn hủ tiếu. Hết. Sống là sống. Hết. Không gì có thể giải thích được gì hết. Giải thích là sa vào mê cung. Rời khỏi mê cung này chỉ để dấn mình vào mê cung khác. Tôi ở trong mê cung, giờ này phút này.

Tôi làm những vệ sinh thông thường, như hồi đi lính. Khi trở về tôi thấy phòng nàng vẫn đóng kín. Tôi ra ngồi ở ghế bành gần cửa sổ xem tiếp quyển *Mickey*. Hay xem lại, vì tôi đã xem tới xem lui nhiều lần mà không hiểu gì hết. Tôi mất khả năng chú ý. Đọc câu này nghĩ câu khác, đọc câu khác nghĩ tới chuyện hoàn toàn không ăn nhập gì, cứ thế, quanh quẩn trở lại những ám ảnh như đĩa đói hút cứng trong óc, nhức nhối. Khác với đọc, khi viết, ý nghĩ bắt buộc phải tập trung, diễn dịch theo một thứ tự tương đối nào đó. Cả chục năm nay tôi bỏ viết. Tôi không đủ đam mê. Tôi không viết để chứng minh. Tôi viết khi cảm thấy nhu cầu. Nếu không viết mà vẫn hạnh phúc tôi sẽ không bao giờ viết, vì tôi khi đó đang ở trong trạng thái quân bình. Nếu viết, tôi sẽ đánh mất quân bình. Khi viết tôi như người lên đồng, lúc cười lúc khóc, vật vã, hành xác. Tôi lật nhựt ký bỏ dở nửa chừng hồi hôm viết tiếp:

"Paul Brousse, ngày .....

Đêm qua nàng đã không tới. Nàng, người con gái tóc dài đã đánh lạc hướng nỗi ám ảnh của tôi — để tôi lại sa vào một ám ảnh khác? Tóc nàng không làm cho tôi nhớ Liễu, Lệ Liễu (nàng Liễu rũ vì con gió dập hay vì hoa đã lỡ làng duyên), mà tóc nàng làm tôi nhớ tàng cây vú sữa rì rào buổi trưa nắng, có tiếng chó sủa. Lá vú sữa mặt xanh mặt đỏ, trái trương bóng như vú căng, cả vòm cây tỏa ra hơi mát, tôi thường leo lên đó, đâu phải để hái trái. Tôi tới thăm chị em nàng, nàng có lông tơ trên cánh tay, mày rậm (dục tình?), chị nàng tóc dài trắng trẻo, tôi không biết mình yêu ai, cũng chẳng bao giờ dám tỏ tình. Kiến vàng con lớn cắn nhức nhối. Thiềng Đức. Cần sắt, ván gỗ đã long, đường đá lởm chởm. Tôi vừa thắng xe đạp, chị nàng ngó ra kêu thốt: "Kìa em!...". Ai đã đặt tên cho trái cây đó là "vú sữa"? Thiệt quá tài tình!

Dưới nội cỏ bệnh viện hoa vàng rực chói mắt. Không phải hoa mai. Từng cụm nhiều nhánh từ dưới đất chĩa lên sai oằn bông vàng chi chít. Không thấy lá, hực hỡ chóa lòa. Từng bầy chim sà xuống, loại chim đuôi ngắn ngủi không phải chim sẻ, không phải chim sáo, cúi

đầu mổ lia lịa, chạy lúp xúp trong cỏ, không thấy chưn, tưởng như loài chim đồ chơi cơ động, lăn trên hai bánh lẩn khuất, chạy tới chạy lui ngộ nghĩnh. Tôi thèm chạy trên cỏ. Lần nào ngó chim chạy trên bãi cỏ nắng tôi cũng thấy mình ngu. Trời ơi! Sao hạnh phúc dễ dàng như vậy mà tôi không với tới! Bao nhiêu lần tôi đến ngồi trong vườn Luxembourg suốt mùa xuân suốt mùa hè để chỉ nghĩ đến chuyện thất nghiệp. Kìa xem con chim bồ câu đang tắm rửa rỉa lông và kêu rù rù bên ống nước lủng có tia nước xịt ra nhỏ rức, nó đâu có phải làm đơn xin việc kèm theo phiếu lý lịch có dán hình thắt cà vạt hẳn hòi như tôi. Nó xem chim sẻ con đang chạy theo chim mẹ cánh xòe ra, mép vòng chưa mất dấu, hả miệng chờ mồi, và mẹ nó hết sức kiên nhẫn tận tụy. Tình thương của trời đất. Đời sống sờ sờ như vậy mà tôi tự ý ngoảnh mặt làm ngơ, giam mình trong ngục tù do mình dựng ra và do mình cai quản...

Buổi chiều, vẫn cảnh phòng ăn quen thuộc ồn ào. Nhưng ồn ào hơn hôm qua vì có một lão mới nhập viện, ngồi ở đầu bàn ăn phát thanh ra rả không ngớt. Bạ gì nói đó không đầu không đuôi, bất chấp luận lý, bất chấp mọi người chung quanh. Nói để nói, vậy thôi. Lúc đầu tôi bực lắm, nhưng sau này tôi thấy vui vui, rồi ngẫm lại lối nói của ông ta coi vậy mà còn ít điên khùng hơn lối nói của bọn cuồng tín, chủ thuyết giáo điều giáo lý, rập khuôn lải nhải nói hoài một thứ, bất chấp thực tại, bất chấp đời sống. Ít ra lối nói của ông già điên này không biết người và hợp lý hơn so với cái phi lý vì muốn quá sức hợp lý, độc quyền hợp lý, nghe một hồi muốn... đi ỉa cho nhẹ bớt. Vậy mà con người vốn hãnh diện vì mình biết nói, biết suy nghĩ, *cogito ergo sum, tôi suy nghĩ vậy tôi có,* thay vì tôi có rồi tôi mới suy nghĩ. Mẹ rượt! Tôi không suy nghĩ tôi vẫn có như thường, không tin thử lấy kim nhọn châm vào đít triết gia đang say ngủ thì biết.

Trước mặt tôi và cạnh tôi vẫn anh chàng sún răng và gã râu quai nón. Hôm nay tay tôi hết run, không hiểu vì sao. Tôi nghe tiếng cười the thé khàn khàn của người đàn bà ở phía trước, không biết của ai, rồi tiếng muỗng thép rơi xoảng ở phía sau lưng, góc trái. Tôi quay lại ngó: Nàng! Phải, nàng ngồi đó, tóc vẫn dài, áo vẫn trắng, khuôn mặt trẻ, buồn, mắt bé xanh phớt, đang cắn môi dưới, bối rối, chiếc muỗng kim khí nằm dưới chân. Nàng ngồi bàn nhỏ ở góc, một mình. Hiện diện của người con gái thanh lịch trong phòng ăn ồn ào điên khùng này thật là không phải chỗ, không lẽ nàng cũng... Gã quai nón lắc vai tôi biểu đưa cho hắn lọ tiêu. Tôi cầm muỗng đưa lên miệng húp, máy móc. Không yên bụng tôi quay ngó lại. Người nữ y tá đang cố gắng đút muỗng xúp cho nàng ăn, nàng lắc đầu, các ngón tay thon vò xé mẩu bánh mì. Tôi lo âu, người nữ y tá năn nỉ, nàng hả miệng. Tôi bớt lo âu, trở lại dĩa xúp của mình, nhủ thầm nên nghĩ đây là tô hủ tiếu hồi nhỏ của mày đó, ăn đi. Dĩa xúp được dọn đi, tôi quay ngó lại, nàng

không còn ở đó. Dĩa thịt dọn tiếp ra, tôi đói bụng tiếp tục ăn, không thấy ngon gì hết, thỉnh thoảng liếc ngược trở lại. Lòng buồn bã.

Bữa cơm chiều chấm dứt. Tôi không ăn tráng miệng, cầm hai trái táo đem về phòng để nhâm nhi lúc cổ họng khô đắng. Phòng nàng còn mở hờ không thắp sáng, ngoại trừ ánh điện mờ từ ngoài hành lang hắt vào. Tôi tò mò ghé mắt nhìn. Phòng nàng cũng giống như phòng tôi, cũng chiếc giường nệm trắng và ở cuối giường nàng đang ngồi xõa tóc. Lưng quay ra cửa, nàng ngồi ở ghế bất động. Tôi hồi hộp và bồi hồi thương xót. Nàng làm gì ở đây? Chẳng lẽ nàng cũng điên như tôi. Tôi ba chục năm chiến tranh, bạn bè lớp chết lớp cụt tay cụt chưn, bà con tứ tán, bây giờ tôi thất nghiệp, đã đành. Nhưng còn nàng? Tóc nàng quá yêu kiều thướt tha như một hạnh phúc nắm chặt khi luồn tay vào mái tóc ấy và nói yêu em. Nỡ nào điên sao? Trong trí tôi lúc đó chỉ những người tâm địa xấu xa, mặt mũi xấu xa mới *đáng* điên. Còn nàng, tôi không tưởng nổi. Tôi không dám bước vào. Tôi không dám gọi. Tôi thò tay đặt trên giường nàng trái táo, như lén lút, rồi vội vã trở về phòng mình đóng cửa lại, tim đập mạnh.

Tôi trèo lên giường bật đèn. Tôi giở tập thơ chép tay nhẩm đọc các bài mình đã ưa thích. Sự rung động đã chết ngấm trong lòng. Tôi dửng dưng. Sự bất hạnh cũng là điều may mắn. Đôi khi tôi thèm được làm hòn đá vô tri mà trời đất đã bỏ quên trên một dốc núi hết sức tầm thường, không ai hay biết. Không có trí nhớ, không có dĩ vãng, không có tương lai. Chỉ nằm đó, vậy thôi, quá đủ, không cần chứng minh, chứng minh nào cũng thừa thãi, sai bét. Thú vật đâu có ngu, đâu có con chim nào đặt nhạc, đâu có con dế nào viết văn. Toàn những thứ bày đặt mà con người rất lấy làm hãnh diện, cũng như đã hãnh diện về cái tài biến chế, đẻ ra triết lý, tôn giáo, chính trị của mình. Tôi lật đến phần nhựt ký viết tiếp:

Đêm .....

"Đã thực sự có một cuộc chiến tranh ở Việt Nam hay sao? Nó là gì và bây giờ nó ở đâu? Chẳng lẽ nó là thằng điên đang nằm bệnh viện giờ đây. Hay là tên tù đang dang nắng xới mìn trên núi đá? Tôi không hiểu nổi. Tôi từ chối mọi sự giải thích, mọi logique, *mọi biện chứng, mọi nhu cầu lịch sử. Chỉ có sự xuẩn ngốc. Tôi không thấy thương xót sợ. Tôi chỉ thấy giận dữ. Tôi giận Việt Nam. Cái xứ gì thiệt là chó chết! Hãnh diện? Hãnh diện cái mẹ gì? Đừng tìm đâu xa ai là thủ phạm. Chúng ta là nạn nhân của chính cá tính dân tộc mình. Chúng ta là đao phủ của chính chúng ta. Vậy mà cứ vỗ ngực cho rằng ở vùng Đông Nam Á mình là ngon lành nhứt, mình khôn nhứt, mình oai hùng nhứt. Việt Nam số một! Tiểu xảo, khôn vặt, tào lao, nhảm nhí — nhảm nhí chết người! Tôi giận quá. Tôi giận tôi. Sao hồi đi lính ở Việt Nam tôi không chết quách đi cho xong việc. Nghĩa địa của tôi phải là*

một rãnh mương, bờ đê đất sét hay vàm bãi phù sa nào đó. Tôi làm cái khỉ mốc gì ở đây? Không ai cần tôi có mặt trong cái bệnh viện khốn kiếp này. Tôi trúng đạn đại liên nát ngực, ngã lật trên bờ ruộng chết tốt, không kịp hối tiếc, chẳng hơn sao?

Qua thư nhà, tôi thấy mình còn tốt phước hơn nhiều người. Như anh tôi, như bạn bè tôi đang học tập cải tạo, có thằng đã chết. Ở đó tù tội, hành xác, hành tinh thần, địa ngục triền miên. Vậy mà tôi không thấy sướng khi ở đây. Địa ngục Việt Nam tôi trốn được. Nhưng còn cái địa ngục tôi mang kè kè trong đầu, tôi biết lẩn trốn ở đâu. Mỗi chúng ta mang sẵn thiên đàng địa ngục trong tâm tưởng.

Chính bác sĩ tâm lý của tôi, ông Cazas, đã khuyên tôi nên vào đây tịnh dưỡng. Phải vứt tôi ra khỏi cuộc sống hằng ngày. Tôi đã tới phòng mạch ông ngồi lì, không chịu về, muốn rã luôn tại đó, mệt mỏi cực độ. Lúc chẩn bịnh ông có yêu cầu tôi nắn tượng. Tôi nắn một người hai mặt ba chưn. Một chưn đứng trên sợi chỉ căng, một mặt hướng về quá khứ sau lưng một mặt hướng về tương lai phía trước, mặt nào cũng nhắm tít mắt, bốn tay đưa thẳng như người mộng du, hai chưn bước về hai phía đối nghịch, lơ lửng trong khoảng trống. Tôi mộng du, quên sống trong hiện tại, dù rằng không thể sống cách nào khác hơn được là sống trong hiện tại. Dĩ vãng tương lai cũng nằm trong hiện tại. Không có thời gian nào khác hơn là thời gian hiện tại.

Bận khác tôi nặn cho ông một con trâu nước. Ông yêu cầu tôi giải thích. Tôi nói đó là hiện thân của tôi, con trâu nước. Tôi muốn trầm mình trong nước, vùi bùn thảnh thơi, không ai ăn thịt tôi, tôi cũng chẳng ăn thịt ai. Con trâu nước không đẹp đẽ, cũng chẳng có ích gì cho ai, nhưng cũng chẳng phải ích kỷ. Nó sống, vậy thôi. Con vật nào sinh ra cũng để sống, vậy thôi. Chẳng phải từ đâu đến, đến đây để làm gì, rồi đi về đâu. Đó là những câu hỏi dựng đứng, bày đặt, lẩm cẩm. Tôi đã nhiều phen đặt những câu hỏi cà chớn như vậy, cũng như đã nhiều phen nổi loạn chống lại Thượng đế vì thấy ông ta quyền hành quá sức. Tạo ra một Thượng đế, phong cho chức tước quyền năng... rồi chống lại tuyên chiến. Như hiệp sĩ Đông Ki-Xốt đánh lộn với cái quạt gió hay Lucky Luke đấu súng với cái bóng của mình. Hào hứng tới phát khóc được...".

Sáng hôm sau khi ở nhà tắm đánh răng trở về tôi thấy phòng nàng mở cửa. Nàng ngồi trên giường chải tóc, vẫn mái tóc bồng bềnh lả đó. Áo nàng xanh da trời màu thẫm cũng loại vải mềm mại như áo trắng, hôm trước, chân nàng để trần trắng phớt hồng, bàn tay dịu dàng gỡ lược. Tôi cúi đầu chào, nàng chào lại. Tôi gạ chuyện hỏi chiều qua nàng không ăn có thấy đói không, nàng lắc đầu. Quả táo cắn dở dang còn để trên bàn. Tôi rủ nàng lên phòng ăn sáng. Nàng dụ dự rồi đồng ý. Tôi mặc áo sơ mi sọc, quần jeans, xỏ đôi giày rồi bước qua gọi nàng.

Nàng uống sô-cô-la sữa, không ăn. Tôi rót cho tôi một tô cà phê lớn và trét bơ lên bánh mì nướng. Tôi bảo từ ngày vào đây tôi có triệu chứng lên cân, mặc quần đã thấy chật. Tôi được biết nàng tên Evelyne và nàng vào bệnh viện đã được ba tháng nay. Trước đó nàng là nữ y tá cho một bệnh viện dành cho người già. Vì mới quen nên tôi không tò mò hỏi duyên cớ nào xui nàng vào đây. Nàng cũng không hỏi tôi vì sao phát điên. Nàng hay cắn môi, môi nàng màu hồng đều đặn, không dầy không mỏng. Nàng không có vẻ gì bất bình thường, ngoại trừ đôi mắt như xa vắng, nhìn nhưng không chú ý, có đó mà như không có đó. Gương mặt sầu muộn man mác, thương nhớ đâu đâu. Nếu không điên, có lẽ tôi đã tán tỉnh nàng. Dung nhan nàng trùng hợp với mẫu người con gái mà tôi ưa thích. Ăn xong chúng tôi về phòng chờ bác sĩ đến khám bệnh cho thuốc.

Sau bữa cơm trưa thằng râu quai hàm rủ tôi trốn ra phố chơi - hắn tên Christian. Đã hơn tuần nay tôi giam mình trong bệnh viện, hết ăn tới nằm, hết nằm tới ngồi, hết ngồi tới ăn, tôi cũng tù chân. Trời nắng đẹp, tôi đồng ý leo rào với hắn. Hai đứa lẻn ra cửa nhỏ, cuốc bộ tới đường cái đón xe buýt ra Paris. Ngồi trên xe buýt tôi chỉ sợ nhân viên bệnh viện đón cùng xe lên thình lình và nắm cổ hai thằng điên lôi về. Chúng tôi an toàn đi vào thành phố, hai đứa rà rà xuống khu Opéra. Trở lại cái náo nhiệt của Paris tôi thấy vui vui nhưng trong lòng cũng lo sợ vu vơ. Không biết lính cảnh sát có tới hỏi giấy bất tử. Tôi muốn đi xi-nê nhưng không có tiền. Christian dắt tôi vào một tiệm sách, hắn tìm mua một cuốn sách nói về phân-tâm-học. Hắn là thầy giáo ở một khu hẻo lánh dưới tỉnh. Hắn nói ở đó buồn quá, có mỗi một cô giáo độc nhứt lại đổi đi nơi khác. Hắn phát khùng, không biết có phải tại thất tình cô nọ.

Vào tiệm sách hắn lựa ba quyển nói về tâm lý, hỏi ý kiến tôi nên mua quyển nào. Có một quyển tôi đã đọc nên tôi xúi hắn mua quyển đó, hai quyển kia in chữ nhỏ và có vẽ lập thuyết nên tôi không thích. Hắn chọn một trong hai quyển kia mang ra quày hàng. Khi cô hàng sắp tính tiền hắn đổi ý ôm quyển sách trở vào, lại hỏi ý kiến tôi. Tôi không đổi ý. Hắn lại ôm quyển khác ra quày rồi lộn trở vào đứng xớ rớ với ba quyển sách trên tay. Tôi không muốn mất thì giờ nên xui hắn mua mẹ nó luôn ba quyển cho được việc. Hắn không chịu. Sau cùng hắn cầm quyển sách tôi chọn ra quầy trả tiền. Xong hai đứa đi lòng vòng một hồi rồi đón xe buýt về bệnh viện. Trên xe hắn lại càu nhàu và tỏ ý hối hận vì đã mua quyển sách mà hắn không thích. Tôi xì nẹt la chưa chắc mầy đã biết mầy thích gì nữa. Hắn đòi xuống lấy xe đi trở lại Paris đổi sách. Tôi dọa cô bán sách sẽ kêu cảnh sát vì thấy mầy dị hụ quá, hắn mới thôi. Hắn tiu nghỉu nhưng cứ cục cựa trên băng xe hoài không yên. Tôi chỉ mong chuyến buýt tới chỗ phứt cho rồi.

Buổi tối, khi ăn cơm Christian lại đem đề tài cuốn sách hồi chiều

ra thảo luận. Hắn công kích làm như thể tôi là tác giả cuốn đó. Nghe lý luận của hắn tôi nghĩ bụng thằng cha này đàn bà không thể nào thích nổi, chắc chắn sẽ ở giá tới già. Tôi nổi sùng định gây thì may quá hắn đổi đề tài nói qua chuyện dĩa bay, một chương mà hắn cho rằng mình nắm giữ nhiều tài liệu xác thực, chứng cớ đàng hoàng. Hắn tin rằng người ở hành tinh khác sẽ đáp dĩa bay xuống quả đất này và mang tới một trật tự mới. Hắn sẽ theo đoàn người ngoại địa kia bay lên không gian, nơi từ đó hắn đã đáp xuống địa cầu này. Hắn nói say sưa rồi hỏi tôi có tin dĩa bay có thật không. Tôi nói tôi không biết, có điều chắc chắn là ngoài thế giới loài người, còn có hằng hà sa số thế giới khác nữa. Vả lại tôi chỉ mong cho bọn Nga bọn Mỹ bay tuốt lên hết không gian để lại quả đất già nua này cho tôi, tôi sẽ mừng biết mấy.

Sau bữa cơm tối, Christian rủ tôi ở lại coi truyền hình, tôi chán nản trở về phòng nằm ngó ra cửa sổ thấy trăng mọc. Lòng tôi dịu xuống. Tôi chợt có một ý nghĩa rất đằm thắm về nàng, gần như tội nghiệp. Phòng Christian khít phòng tôi và ngang phòng nàng. Hắn nói từ ngày vào bệnh viện hơn tháng nay hắn không thấy ai tới thăm nàng hết. Có hôm hắn nghe tiếng khóc la trong phòng nàng và hắn kêu cứu nhân viên trực. Người ta đến đem nàng đi hai ngày sau mới mang trở lại. Nàng xanh xao. Duy có điều là lúc nào nàng cũng ăn mặc đẹp đẽ và mái tóc gội rửa sạch sẽ óng chuốt. Hắn có gợi chuyện với nàng nhưng thấy không hạp - có gì đâu ngạc nhiên? Tôi châm điếu thuốc và ngồi dậy viết nhựt ký.

"Đêm .....

Có lẽ giờ này Ánh đang lay quay dưới bếp, trong tiệm ăn; mùi xào nấu khét nghẹt, khói tỏa mù mịt. Giờ này khách bắt đầu đông dần, cho tới khuya. Tiệm anh Thận lúc nào cũng đông vì anh biết chìu khách và tử tế với nhân viên, tuy thỉnh thoảng anh có bốc hốt ẩu tả. Ánh than phiền nhưng tôi an ủi là đàn ông nào mà chẳng vậy. Tới khuya nàng lò dò về, len lén tắm rửa sơ sài rồi chui lên giường, mùi củ hành còn dính trong tóc. Có lần tôi than thở em có mùi củ hành, nàng phản đối hôm nay em chỉ xắt tỏi chớ không có xắt hành. Với tôi thì mùi nào cũng khó mà ôm vào lòng ngủ cho được. Tôi vốn đã mất ngủ, đang lúc thất nghiệp. Thế nhưng tôi vẫn ước ao khi nào có đủ tiền ta sẽ rước Kiều ra khỏi lầu xanh. Khi trước ở Việt Nam nàng làm nhà băng, qua bên Tây nàng làm nhà hàng, đâu cũng là nhà cả!

Một dạo tôi xuống đón nàng buổi tối, e nàng thân gái dặm trường. Đêm nọ dưới métro *trạm Odéon tôi đứng lại xem một bọn bốn đứa da đen đánh trống hòa nhịp với nhau. Nghe tiếng trống dội tôi tưởng chừng như ai đang đập lên da thịt mình (con trâu nước?). Đã nhiều lần như vậy và lần nào tôi cũng chảy nước mắt. Tôi vụt khóc nức nở và vội vã chạy ra khỏi* métro, *chạy băng qua đại lộ Saint Germain, chui vào mấy con đường nhỏ ở chợ Buci, rồi tôi đến ẩn núp*

dưới cổng lớn của trường Y Khoa gần tiệm anh Thận. Tôi ẩn núp để khóc cho thỏa thích, làm như khóc là điều xấu hổ phải che dấu. Tôi khóc rất lâu. Khi dịu bớt tôi đi đón Ánh. Ra về, trong toa xe, bất thần tôi lại tủi thân bật khóc, Ánh ôm tôi vỗ về, hành khách trong xe ái ngại. Từ đêm đó, tôi không đi đón nàng nữa.

Chúng tôi thuê một căn nhà hai phòng ở lầu bốn một cao ốc cũ kỹ đường Pyrénées, quận hai mươi Paris. Hai đứa nhỏ ngủ chung một phòng trên giường hai tầng, trong phòng lúc nào cũng ngổn ngang thùng giấy đựng quần áo, như sắp sửa chạy giặc. Tôi và Ánh ở phòng ngoài có ghế dài để ban ngày tiếp khách, ban đêm kéo ra làm giường ngủ, ăn cũng ở đó, xem truyền hình cũng ở đó, hội hè cũng ở đó. Không có hệ thống sưởi, chúng tôi mua một lò sưởi điện xài đỡ. Hôm nào lạnh quá, cha con ngồi co ro bên lò điện tìm hơi ấm. Suốt mùa đông Ánh đi làm việc, hai đứa nhỏ đi học, tôi nằm nhà trùm chăn kín mít cho đỡ lạnh, chỉ chừa một lỗ đủ để thở. Thất nghiệp, không tiền, không biết đi đâu, không có bận rộn gì khác ngoài viết đơn xin việc. Cố gắng ngủ, không được, mặt như phù thủng, vàng vọt, tóc trĩnh ướt. Khi nghe tiếng chân Ánh về trên cầu thang, tôi cố gắng ngồi dậy cho nàng đỡ âu lo. Nàng về tôi mừng lắm, cũng thấy bớt sợ trong cảnh cô đơn. Hết đông tới xuân, hết xuân tới hè, vẫn thất nghiệp dài dài. Đứa con trai nhỏ theo trường đi cắm trại miền biển, còn lại tôi và đứa con gái, cha con mỗi ngày ngồi ngó nhau chờ má về. Nó lấy giấy bìa nặn hình cái chén rồi vẽ bông hoa lên đó tiêu khiển. Tôi cũng xé hình màu ở các tạp chí dán lăn nhăn thành những cảnh trí khác để giải khuây. Chán tôi mua rượu về uống. Say chán tôi tỉnh dậy ngán ngẩm còn bao nhiêu rượu đem vào cầu tiêu đổ bỏ rồi giựt nước cho trôi đi. Mùa hè các xí nghiệp đóng cửa hay chỉ hoạt động tà tà, không ai thâu dụng người. Lại chờ nữa.

Có hôm đứng ngó mình trong kiếng tôi ngỡ thấy một thằng điên. Tóc tai rũ rượi, mắt nổi gân đỏ, da mặt vàng ệo. Tôi chợt hối hận ăn năn vô cùng. Đâu dễ gì tôi xuất hiện trên trái đất này dưới lốt một con người. Phải bao nhiêu vạn kiếp, bao nhiêu cơ duyên. Sao tôi không nhiệt thành sống cuộc sống đó. Người ta sinh ra đâu phải để hạnh phúc hay để đau khổ. Người ta sinh ra để sống, để sống hàm chứa hạnh phúc và đau khổ. Phải chấp nhận. Nên chấp nhận. Cũng không có cách nào khác. Tự tử để chứng minh mình có tự do thì tự do đó quả thật khốn nạn, hẩm hiu và kiêu căng xuẩn ngốc. Nhiều lần cầm mười viên thuốc trong lòng bàn tay, tôi do dự. Kiếp người, hành trình từ sống tới chết chỉ một chiều. Không thể đi từ chết trở lại sống. Đó là lý do duy nhứt khiến tôi bỏ các viên thuốc ngủ trở lại ống. Sống không hân hoan là một tật nguyền do chính mình tạo lấy, hoàn cảnh bên ngoài chỉ là một cái cớ. Nếu biết sống *vẫn luôn luôn có một chút mặt trời đâu đó..."*

Trước cổng bệnh viện là thành phố Villejuif. Thành phố ấy, đối với tôi, gồm hai khối nhà cửa xúm xít. Khối bên trái gồm nhiều cửa tiệm buôn bán, một hiệu cà phê nhiều tiệm ăn, quán nước, tiệm giặt ủi, trường học và đặc biệt là một tiệm sách tôi thường ghé vào coi cọp tạp chí lăng nhăng. Khối bên phải gồm chợ nhà lồng có nhiều sạp bày bán quần áo, hàng xén, bánh trái, bông hoa vệ đường... trong những ngày họp chợ, một siêu thị và một quán nước trang bị các máy tiêu khiển, banh điện, banh bàn... bọn trẻ thường tụ họp ở đó. Ngày nào tôi cũng đi lòng vòng quanh hai khối nhà cửa đó, thét rồi thuộc lòng hết vị trí. Cũng chẳng biết đi đâu hơn. Đối với tôi, thành phố chỉ có vậy. Xa hơn, nhà cửa thưa thớt, cũ kỹ, đi vô đó sợ lạc.

Trời bước vào mùa xuân với những ngày nắng càng lúc càng tươi tốt, rạng rỡ. Tôi đánh một vòng qua khỏi hiệu cà phê đến tiệm sách. Tôi giật mình vì từ xa đã thấy nàng đứng đó, trước cửa tiệm sách, trong nắng vàng, tóc lùa gió xuân bay phất phới, hình ảnh thật tươi mát, hạnh phúc. Nàng mặc quần jeans bó sát, áo sơ mi màu hồng nhạt như chim hạc xòe cánh hồng, tay cầm ví nhỏ, trông như một cô gái đang chờ tình nhân, mắt nàng chóa nắng nheo nheo. Nàng có vẻ không để ý gì đến quang cảnh chung quanh. Nàng có đó nhưng cũng đồng thời không có đó. Tôi đến gần, nàng không hay biết. Tôi gọi nhỏ:

— Evelyne !

Nàng giật mình nhìn tôi bối rối, tay chân lúng túng như muốn che dấu điều gì. Tôi có cảm tưởng đã bắt gặp quả tang nàng đang.. đứng phơi nắng. Tôi cố gắng mỉm cười cho nàng yên tâm. Tôi ngó trời nói bâng quơ:

— Bữa nay trời đẹp thiệt! Cô đi mua sách hả?

Nàng ấp úng:

— Không... không...

— Cô đang chờ một người bạn chăng ?

Nàng lắp bắp:

— Không... Tôi không chờ ai hết. Cũng chẳng có ai chờ tôi.

Nàng bối rối khiến tôi cũng bối rối. Tôi đề nghị:

— Hay là... chúng mình cùng vào đây xem sách coi có gì thú vị chăng.

Nàng ngần ngừ, tôi đẩy cửa tiệm sách, nàng liếc nhanh tôi rồi bước vào. Chúng tôi đứng trước sạp trưng bày các tạp chí và sách hình, dở xem lăng nhăng hết tập này đến tập khác. Tôi hỏi nàng muốn mua gì không, nàng lắc đầu. Sau đó tôi chọn cho nàng một cuốn *Mickey* mới xuất bản, bảo nàng giữ lấy xem trước, khi xong tôi sẽ xem sau. Rời tiệm sách tôi đề nghị nàng đi tới một khoảng vườn nhỏ trồng bông gần đó ngồi phơi nắng chơi, hôm nay trời quá đẹp. Trong vườn bông *tulipes* màu vàng, màu đỏ, màu vàng sọc đỏ nở rực rỡ, hồn

nhiên. Con chim sẻ mới biết bay vỗ cánh cất mình la đà tại chỗ rồi rớt xuống, rất ngộ nghĩnh. Nàng nhìn thú vị, như đứa nhỏ đang khám phá đời sống. Tôi ngắt một cọng cỏ vò nát trên đầu ngón tay rồi đưa cho nàng ngửi. Mũi nàng hĩnh hĩnh, có vẻ chăm chú. Tôi kể sơ lược lý do đã khiến tôi vào bệnh viện. Cái tên Việt Nam đối với nàng như một địa danh đến từ một hành tinh xa lạ. Nàng hoàn toàn không biết những gì đã xảy ra ở đó trong mấy chục năm qua. Càng may cho nàng. Biết chi vô ích. Nếu thế giới cũng quên được Việt Nam như nàng thì dân Việt sẽ đỡ khổ biết mấy !

Khi nói về nàng, Evelyne lại tỏ ra lúng túng, hốt hoảng. Nàng nói nàng rối trí vì lý do gia đình. Tôi hỏi:

— Chồng cô đâu sao không thấy tới thăm?

— Không, tôi còn độc thân.

— Ủa, chớ còn chuyện rắc rối gia đình...

— Gia đình đây là gia đình ba má, tôi sống với ba má và người chị sanh đôi duy nhứt là Isabelle. Cách đây hai năm, lúc tôi được mười tám tuổi gia đình bắt đầu xào xáo. Má tôi ghen...

Nàng ngập ngừng. Tôi yên lặng. Nàng tiếp:

— Má tôi ghen với chị tôi. Lúc đầu bà nghi ngờ, rồi sau đó bà quả quyết là ba tôi đã ngủ với chị tôi. Ba tôi chửi má tôi, nói là bà ghen riết hóa điên, từ ngày lấy nhau bà đã luôn luôn hành hạ ông vì cái chứng ghen quá trớn của bà. Ngày nào cũng cãi vả rồi đi tới xô xát.

Mắt nàng mở lớn, sợ sệt. Tôi hỏi:

— Sao hai chị em không ra ở riêng.

— Chúng tôi không có phương tiện. Hơn nữa ba tôi cũng không muốn. Một hôm trong phòng khách ba người lại cải nhau. Má tôi buông lời tục tằn, ba tôi giận dữ đánh bà bạt tai, bà ré khóc la hét. Isabelle cũng khóc. Tôi trong buồng bước ra cầm lưỡi dao cạo trên tay dọa sẽ cắt gân máu nếu mọi người tiếp tục. Không ai nghe tôi. Tôi cứa dao cạo lên cổ tay, máu vọt ra lênh láng và ngã xỉu...

Mặt nàng nhợt nhạt. Tôi hoảng hốt nắm vai nàng lay tỉnh. Tôi gọi nàng:

— Evelyne! Hết rồi! Chuyện đó hết rồi! Chúng ta đang ngồi trong vườn. Nhớ đi! Nhớ đi! Chúng ta đang ngồi trong vườn hoa.

Tôi hối hận vì vô tình đã đánh thức hoài niệm thương động của người con gái xõa tóc. Tôi nắm tay nàng vỗ về, tay nàng lạnh ngắt. Nàng bình tâm lại. Nàng mở nút tay áo đưa tôi xem, cổ tay trái nàng còn ba dấu cắt, một dấu dài ở giữa, hai dấu ngắn hai bên. Tôi bồi hồi thương xót. Tôi cài tay áo nàng lại và bảo nàng hãy về buồng nghỉ ngơi. Nàng đứng dậy, quyển *Mickey* rơi xuống đất. Tôi cúi xuống nhặt và ngắt cho nàng một hoa *tulipe* đỏ. Để tạ lỗi. Sau lưng chúng tôi, chim trong vườn vẫn kêu ríu rít. Buổi cơm tối không có mặt nàng.

"Paul Brousse, tối .....

"... Tôi vẫn còn hối hận và áy náy cho Evelyne. Tôi đ 'n lờ mờ câu chuyện của nàng còn nhiều uẩn khúc. Mà phanh phui nh c nhở để làm gì? Trí nhớ khốn kiếp! Người ta cần có trí nhớ để tiếp tục, nhưng cần phải lãng quên để sống. Trí nhớ, không biết đó là diễm phúc hay là nỗi bất hạnh của vạn vật. Sự tiến hóa đã sáng chế ra trí nhớ, chôn kín trong tế bào, không thể rút ra được nữa, không thể hủy diệt được nữa. Có lần tôi đã viết cho một người đàn bà ở Bình Dương: "Vùi chôn trí nhớ đầu ghềnh, hồn nhiên hạnh phúc lênh đênh cũng gần", không biết nàng có cảm nhận điều tôi muốn nói?

Vì không quên được nên tôi chưa thích ứng được với cuộc sống mới nơi đây. Dù giận quê hương, Việt Nam vẫn còn đeo cứng trong tâm tưởng. Gỡ ra bật máu, đau nhức như vết thương chưa lành. Ở đây, tôi phải thay đổi đời sống, làm những công việc khác, chấp nhận những luật lệ khác, chia xẻ sự khủng hoảng kinh tế của Pháp — và của thế giới — như mọi người. Sau thời gian thất nghiệp, tôi sẵn sàng làm bất cứ công việc gì, hay ít ra tôi tưởng vậy. tôi tính đi hưng cơm và rửa chén ở tiệm ăn, nhưng Ánh cản tôi, vì nàng biết tính ý tôi. Tôi nhận đứng bán hàng trong một tiệm điện tử. Từ nhỏ tới lớn tôi nào biết mua bán là gì. Tôi vốn ghét thương lượng, mặc cả, kiếm lời. Trưa nào tôi cũng xuống hầm gặm khúc bánh mì cạnh cầu tiêu. Một tháng sau tôi đổi việc làm.

Tôi nhận làm thư ký cho tiệm chạp phô của một người đồng hương. Công việc ghi chép sổ sách kế toán, ngân hàng, kiểm điểm thanh toán hóa đơn và các công việc lắt nhắt tạp nhạp khác, kể cả ôm mấy bó củ hành, vịt quay, lạp xưởng ra ngoài nhà bưu điện làm, thủ tục để gửi đi. Tôi có triệu chứng sa sút trầm trọng, ban đêm trao tráo, ban ngày ngủ gật, lờ đờ. Ngồi trong cầu tiêu tôi mê thiếp. Tôi làm việc với tâm trạng thất nghiệp, làm chưa đúng nghề của mình. Tôi bám níu nghề cũ, như thể tôi sinh ra để chỉ làm nghề đó, tâm trí vọng chấp. Mỗi tối, khi về Ánh thường gãi đầu tôi trong đêm khuya để dỗ tôi ngủ. Nàng thường trá nước mắt chép miệng "tụi mình đâu có làm gì ác!" Mỗi sáng tôi sợ hãi nhổm dậy sau một đêm chập chờn (như mấy trăm đêm đã qua), xỏ quần áo xốc xếch, xuống bếp pha ly cà phê lớn. Tôi bước xuống đường khi Ánh còn mệt ngủ vì làm đêm, về muộn.

Tiệm chạp phô nằm ở khu Maubert. Khi tới gần tiệm tôi sợ hãi, bước chậm lại muốn thối lui. Ngày nào cũng mùi nước mắm, xì dầu, hành hẹ, rau cỏ úa, ba khía, chả giò, cà ri, vân vân... Tôi đầy cứng cả phổi. Sáng nào cũng anh chàng chà-và giữ quán đốt nhang Ấn Độ, vặn nhạc Ấn Độ, hát theo tiếng Ấn Độ, quần áo ít khi thay đổi, hôi rình. Bước vào quán đã đội ngược. Rồi tiếng tru tréo của bà chủ, tiếng xỉa xói của đám con bà chủ, tiếng nạt nộ hách xược của ông chủ. Ngồi trong văn phòng (!) nhỏ xíu trong kẹt quán, tôi thường trải qua những giây phút kinh hoàng đột khởi trong tâm lý. Tôi sẽ trở thành lão thư

ký già cạo giấy chết dần chết mòn giữa mùi cà ri sực nức này? Không thấy lối thoát. Những lúc đó tôi thường nhìn bức tranh Quan Âm lộng kiến treo trước mặt, tôi nhớ tới má tôi thường dắt tôi đi chùa hồi nhỏ, và tôi niệm Phật. Không phải vì tin tưởng, mà giống người sắp chết đuối níu phao, phao gì cũng được. Tôi thấy cần rất vì mình không tin tưởng Trời Phật một cách thành thật, bất vụ lợi. Tôi kêu gọi Trời Phật khi bị hiểm nguy, mong mỏi điều đó có thể lợi ích cho tôi. Nếu không có lợi cho tôi gì hết, khó có thể tôi tin lâu dài được. Nếu Chúa Trời không có Thiên đàng, có lẽ tín đồ sẽ chỉ còn lại loe ngoe mấy mống. Hơn nữa, nghe đâu ở cõi Cực Lạc không có người nữ; nên tôi chẳng tha thiết gì cho lắm. Vả lại, tôi rất sợ "vĩnh viễn", bất cứ gì vĩnh viễn. Vui sướng vĩnh viễn! Hoan lạc vĩnh viễn! Hạnh phúc vĩnh viễn! Nghe qua phát ớn. Vĩnh viễn là một cái chết tuyệt đối. Mà sự hoàn hảo cũng là một thứ vĩnh viễn, một tình trạng bất khả đổi thay. Nếu Thượng Đế hoàn hảo thì thiệt đáng tội nghiệp. Ông ta đã chết cứng khi mới xuất hiện, chết tuyệt đối, không thể tiến lên, không thể thụt xuống.

Tiệm chạp phô cách nhà thờ Notre Dame *độ hơn trăm thước. Chỉ cần băng qua cây cầu đá bắt ngang sông Seine là tới. Tiệm không có lò sưởi nên mùa đông buổi trưa nào tôi cũng ôm khúc bánh mì chui vào nhà thờ tìm hơi ấm để ngủ gật. Trong nhà thờ có những vỉ sắt, hơi nóng từ bên dưới hắt lên. Ngồi ở đó đỡ khổ lắm. Những lúc ấy tôi thấy nhà thờ thật cần thiết. Tôi nằm co trên ghế, không buồn ăn. Có khi người trong nhà thờ gọi tôi ngồi dậy, không cho nằm. Có lúc vào tới thì đã thấy hai ba anh chàng* clochards *chiếm mất chỗ tốt, tôi đành ngồi lùi phía sau không đủ ấm. Mùa đông đó sao lạnh kỳ lạ! Thỉnh thoảng tôi thắp một ngọn nến cắm trên giàn sắt dưới chân Thánh Thérèse. Sau ngày vừa mất Sàigòn, tôi theo một cô bạn vào nhà thờ* Notre Dame, *cô bảo tôi Thánh Thérèse linh hiển lắm, tôi nên cầu nguyện cho vợ con còn kẹt bên đó. Tôi thắp nến nguyện cầu. Độ tuần sau, Ánh từ bên đảo Guam điện thoại sang cho biết đã trốn đi được hết sức tình cờ tại Tân Cảng với hai con, ngày 29 tháng 4 — ngày hôm sau Sàigòn mất. Khi nghe sự tích Thánh Thérèse, được biết Bà vốn là một kiểu nữ bỏ đi tu, tôi càng thấy gần gũi với Bà hơn, có lẽ vì Bà có mang nhiều chất người trong lốt thánh.*

Cảnh tượng ngủ gật trong nhà thờ còn ràng ràng trong trí. Ngày nào ra khỏi bệnh viện, nơi nầy, tôi sẽ lại sa chân vào cái tiệm chạp phô, ngửi lại mùi ca ri và nghe lại nhạc Ấn Độ, chắc chẳng sớm thì chầy tôi sẽ trở lại đây và sẽ lại đi lòng vòng trong khu phố Villejuif. Có cách nào khác hơn không?..."

Sáng hôm nay Evelyne trở lại phòng ăn với chiếc áo trắng hôm đầu tôi thoáng thấy nàng ngoài hành lang. Nàng có vẻ tỉnh táo, nhưng vẫn xa vắng. Tôi mừng cho nàng, nhưng cũng không muốn quấy rầy.

Tôi chỉ chào hỏi qua loa, không dám gợi chuyện. Nàng cầm trên tay quyển *Mickey*, thỉnh thoảng lật xem, mỉm cười (hình như mỉm cười). Trong khi đó quyển *Mickey* tôi mang theo khi nhập viện giờ đây tôi đọc đãtheo dõi được câu chuyện, bắt đầu tập trung được sự chú ý chút chút.

Ăn sáng xong, anh chàng sún răng rủ tôi đi dạo chợ vì hôm nay có họp chợ lộ thiên. Hãy còn sớm, chúng tôi đánh vài vòng. Chuyện vãn, được biết hắn bị vợ bỏ theo người đàn ông khác. Ba tháng sau nàng trở về, hắn tha thứ hết. Nàng dụ dỗ lấy hết tiền của hắn rồi trốn đi biệt tích. Hắn chán đời uống thuốc tự tử. Chở vào nhà thương người ta phải cạy miệng để bơm ruột. Vì vậy hắn bị gãy hết hai răng trên. Hắn nói chắc sẽ không dại dột tự tử hay nghe đàn bà nữa đâu. Khi ghé chợ, chúng tôi dừng lại trước sạp bán sôn quần áo. Tôi chọn mua một quần jeans đã bạc màu nhưng hãy còn tốt, rẻ rề. Hắn lựa mua hai cái quần lót. Khi người bán hàng quay lưng, hắn lén chọt một cái khác nhét vào bọc. Tôi sợ có người bắt gặp tri hô lên và tôi bị vạ lây, hai đứa sẽ bị dắt trở lại nhà thương điên nhốt kỹ, nhốt dài hạn. Vì vậy, rời khỏi sạp, tôi tìm cách thoái thác đi riêng, để hắn tự do hành nghề đạo chích một mình. Tôi đoán chừng hắn bị vợ bỏ chắc cũng có lý do gì đó.

Tôi ghé vào tiệm cà phê và gọi chai bia. Đã lâu lắm tôi không uống rượu vì chẳng thấy thú vị. Muốn trốn thực tại, sau cơn say tỉnh dậy các khó khăn vẫn còn nguyên vẹn, và càng thêm ngao ngán, mệt mỏi. Hôm nay uống bia thấy ngon. Ở quầy vài khách quen đi chợ về ghé qua uống rượu đấu hót. Tôi không có cảm giác xa lạ. Mọi vật hình như đã trở lại trật tự và vị trí phải chỗ của nó trong trí tôi. Xe cộ chạy xì xầm ngoài đường, tự nhiên hết sức. Ánh nắng lọt qua mặt kiến lớn ở quán, trải lên quầy, tràn lên cánh tay tôi. Trong đường nắng đi, vân vi khói thuốc xanh xám và chút bụi mờ, mỗi hạt bụi là cả một vũ trụ. Tôi chợt cảm nhận khoảnh khắc này sẽ không bao giờ có nữa. Khoảnh khắc nào cũng độc nhứt. Ngày này, tháng này, giờ này, khắc này, tôi đứng đây, ở quầy rượu này sẽ không còn bao giờ tái diễn. Tôi có cảm tưởng sẽ ra đi và sẽ không còn bao giờ trở lại trái đất này nữa. Tôi xúc động rớm nước mắt. Tôi chợt cảm thương khoảnh khắc độc nhứt này vô cùng. Nhưng tôi không muốn giữ nó lại. Mọi khoảnh khắc nào cũng như nhau, độc nhứt. Và cũng vì độc nhứt nên khác nhau.

Sau buổi cơm trưa, tôi về phòng ngủ thiu thỉu chợt có tiếng gõ cửa. Evelyne! Nàng nói hôm nay có buổi tập vẽ ở phòng ăn, ai muốn tham dự cũng được. Tôi không có dụng cụ. Nàng bảo trên đó có sẵn hết. Tôi theo nàng lên phòng ăn. Hướng dẫn viên là một người đàn bà có nụ cười hiền hậu đầy thông cảm. Tôi ngồi đối diện với Evelyne. Tôi pha sơn trên mấy khối màu nước như thuở còn đi học. Nhớ hồi nhỏ tôi ưa vẽ hình Zorro, Tarzan và những nhân vật tôi ưa thích. Tôi gạch

ô vuông và gò gẫm bắt chước vẽ cho giống trong sách hình. Thiệt thú vị hết sức. Lớn lên tôi chạy theo gái và mất thói quen đó. Giờ này trong nhà thương điên, tôi khám phá lại. Tôi không vẽ anh hùng đeo dao giắt súng. Tôi vẽ một cành tre có se sẻ đậu và trên tấm khác, một con chim hạc có đầu mỏ đen, cánh màu hồng, thân màu hồng và đôi chân dài khẳng khiu.

Evelyne nhúng cọ trong những vũng màu tôi pha và nàng vẽ những ô vuông đầy kín khác màu, ô này nằm chồng tréo lên ô kia, như một bức tranh trừu tượng. Nàng khoe với tôi và hớn hở ra mặt. Tôi khen đẹp lắm, nàng đắc ý hỏi tôi:

— Thiệt hả anh? Thiệt hả? Từ thuở giờ em đâu có biết vẽ hình.

Tôi để ý nàng đã đổi cách xưng hô với tôi. Tôi cầm tranh nàng lên ngắm nghía gật gù ra vẻ người thưởng ngoạn sành điệu. Nàng mừng rỡ như con nít. Tôi cảm động. Làm cho người đàn bà hạnh phúc bao giờ cũng cảm động, như nhìn thấy con chim chạy tíu tít trong nắng. Nàng lại nhúng cọ vẽ những tảng tròn nhiều màu. Nàng nói đó là những bong bóng và mặt trời. Tôi lại gật gù thưởng thức. Mắt nàng rực vui và lần đầu tiên tôi thấy nàng thực sự *có mặt*, không còn xa vắng, lãng đãng. Bà hướng dẫn cũng khen nàng và tôi vẽ đẹp. Bà lấy đinh gút treo tranh của chúng tôi lên tấm bảng bằng gỗ mốp trong phòng ăn cho mấy người điên khác trong bệnh viện cùng thưởng thức. Tan buổi vẽ, tôi rủ Evelyne đi dạo. Nàng nói muốn về phòng xem tiếp quyển *Mickey*. Tôi một mình đánh hai vòng rồi về phòng viết nhựt ký.

"Ngày ..... tháng tư .....

"Hôm nay là sinh nhựt của tôi. Ngày tôi chào đời cách đây hơn ba mươi năm. Tôi được đẻ ra. Tôi ăn. Tôi uống. Tôi bài tiết. Tôi lớn lên. Thật vậy sao? Tôi. Tôi?

Đã có lần, trong lúc nổi loạn chống lại Thượng đế tôi những tưởng đã nêu lên được trọng tâm của vấn đề: "Tôi đâu đòi hỏi sinh ra làm người. Tôi đâu chọn lựa làm người Việt Nam. Khi tạo tôi ra Thượng đế đâu có hỏi ý kiến tôi." Thiệt cũng khổ tâm cho Thượng đế. Trước khi tạo tôi ra, biết tôi ở đâu mà ông ta hỏi? Tôi thường đặt ra vô số những vấn đề nguỵ tạo như vậy. Trong lúc tâm thần bất ổn, thấy cục đá nằm bên lề đường tôi cũng thắc mắc: "Tại sao cục đá này nằm đây? Tại sao cục đá phải là cục đá? Tại sao cục đá ù lì, câm nín? Cục đá có tự do chọn lựa? Yếu tính của cục đá này là gì?"

Nhưng đừng tưởng tôi xì-nẹt tại cục đá này nằm đây mà không nằm chỗ khác. Sẽ không có một "chỗ khác" nào thỏa mãn được câu hỏi tôi đặt ra đâu. Thượng đế có mang cục đá này về Thiên đàng chưa chắc tôi đã vừa ý. Điểm then chốt tôi muốn đặt ra là ý nghĩa của cục đá. Tôi muốn cái gì cũng phải có ý nghĩa. *Cục đá phải có ý nghĩa. Con*

chó cũng phải có ý nghĩa. Tôi cũng phải có ý nghĩa. Cuộc đời cũng phải có ý nghĩa. Ý nghĩa theo cảm quan của tôi, *dĩ nhiên. Tôi chỉ có thể chấp nhận tôi. Thiệt hết sức* logique. *Hết sức hợp lý. Tôi đã tìm ra được triết lý của cái* lỗ rún. *Ngó lỗ rún của mình mà lý luận. Mê lắm. Tôi* bắt *cuộc đời phải có ý nghĩa phù hợp với cảm quan của tôi. Không có thì tôi đi tìm. Tôi vác gói dấn thân vào con đường siêu hình. Tìm không ra tôi xì-nẹt, tôi nổi giận với Thượng đế và tuyên bố cuộc đời phi lý. Cuộc sống trở thành vô nghĩa vì tôi muốn gán cho nó một ý nghĩa. Tôi muốn con cá phải có cánh bay như chim. Cá không có cánh, tôi nổi giận. Nhưng rủi thời mọi con cá đều vỗ cánh bay đầy trời như chim chắc chắn tôi sẽ lại nổi giận và đặt một câu hỏi then chốt khác, chẳng hạn: tại sao cá chẳng phải là cá, mà chim chẳng phải là chim? Cuộc sống chỉ là một cái cớ cho tôi đặt câu hỏi.*

Ngày sinh nhựt! Tôi là thằng nhỏ đã sinh ra trong ngày đó, tháng đó, năm đó, bây giờ trở thành tôi nằm trong bệnh viện. Thằng nhỏ là cái bào thai ba tháng lớn lên trong bụng mẹ? Bào thai là cái trứng của má tôi được khai nở bởi con tinh trùng của ba tôi, một nửa sinh lý của cha, một nửa sinh lý của mẹ. Đó là tôi, *bắt đầu từ sự giao hợp.*

Không! Tôi không hề được sinh ra. Tôi (?) đã có sẵn trong vũ trụ từ đời đời kiếp kiếp. Sinh ra, chỉ là một cách nói, một dấu mốc trong thời gian. Thời gian do biến dịch mà có. Không có biến dịch không thể có thời gian. Không biến dịch không có cách gì biết được thời gian. Không biến dịch, chết tuyệt đối. Không có cái gì sinh ra cái gì được hết. Chỉ có một dòng biến dịch vô thủy vô chung. Vũ trụ chớp tắt không ngừng như một ánh đèn.

Chớp, có đó. Tắt, biến mất. Chớp, có đó. Vũ trụ khoảnh khắc trước không sinh ra vũ trụ khoảnh khắc sau. Vũ trụ bao giờ cũng xuất hiện mới mẻ, từng khoảnh khoắc. Khoảnh khắc nào cũng độc nhứt. Độc nhứt nào cũng mới mẻ. Vũ trụ, một tràng chuỗi toàn là độc nhứt, toàn là mới mẻ, vô thủy vô chung. Nói độc nhứt, không phải độc nhứt. Nói mới mẻ không phải mới mẻ. Không có hệ thống chuẩn, không thể so sánh. Ai so sánh? So sánh với gì? Đứng đâu mà so sánh? Làm sao biết? Biết vậy, chắc không? Khi sai đúng đã mất hết ý nghĩa, chỉ còn im lặng mà cảm thức. Không phải ta *cảm thức.*

Tôi ngày hôm nay không phải là tôi ngày hôm qua trở thành. Tôi lúc nào cũng mới trong vũ trụ lúc nào cũng mới. Nói tôi nhưng không phải là tôi. Tôi? Giới hạn của tôi ở chỗ nào. Chỗ nào là tôi, chỗ nào không phải là tôi?

Tiềm tàng trong vũ trụ từ vạn kiếp. Tôi lãng đãng trong bụi sao, trong khí trời, trong hạt muối, trong ngọn cỏ, trong ánh sáng, trong sức nóng, trong con tép, trong vỏ cua, trong thịt chim, trong nanh khủng long, trong tiết mùa, trong tốc độ của trăng sao, trong lăn lóc của trái đất. Không chỗ nào là tôi. Không chỗ nào không phải là tôi.

Rượu nằm trong ly không phải là tôi. Uống rượu vào bụng, rượu trở thành tôi. Bài tiết ra ngoài, rượu không phải tôi. Cuốn rún nối liền tôi với vũ trụ là đường ống vô hình bắt ráp mũi tôi vào không khí, không khí dính liền với trái đất, trái đất với thái dương hệ, thái dương hệ với ngân hà, ngân hà với vũ trụ chỉ cần đường ống tắt nghẽn, một phút, hai phút. Óc não chết ngắt. Sự kiêu hãnh của trí tuệ chấm dứt. Không có ranh giới minh định giữa cái tôi và cái không phải tôi. Tôi mật thiết với vũ trụ như ngón tay với thân thể. Không có sự trao đổi thường xuyên, không có sự giao thoa vô minh vô tận, sẽ không gì có thể có được. Tất cả đều có cùng lúc, *hoặc không gì có thể có cả.*

Hôm nay là sinh nhựt của tôi. Và cũng không phải là sinh nhựt của tôi..."

Buổi tối hôm đó trời mưa. Lâu lắm tôi mới được nghe trời đất gầm gừ, chớp xẹt và tiếng sét xé trời. Tôi không có nhu cầu cầm viết. Tôi lên phòng coi truyền hình. Máy đen trắng, hình ảnh thường răng cưa, nhún nhẩy, âm thanh tiếng mất tiếng còn. Ít khi tôi hiểu hết chuyện gì xảy ra trên màn ảnh nhỏ. Tôi lên đó, có mặt mọi người cho đỡ buồn. Vô tuồng đâu được nửa giờ tôi chợt nghe có tiếng dép lẹp xẹp bước vào phòng hát và giọng cười the thé khàn đục: nàng đã tới! Nàng là một người đàn bà son phấn lòe loẹt, mặc áo ngủ dài mỏng, để ửng lộ cái xì líp đen và cái xú chen đen bên trong — có khi màu đỏ, có khi không có xú chen — tóc chải cột đuôi phía sau, tai đeo vòng lớn, móng tay móng chân sơn đỏ choét. Nàng ôm trên tay một hộp kẹo thiếc, đi coi hát lần nào cũng vậy, cười nói tự nhiên như ở nhà, nhai kẹo rôm rốp. Tôi cũng được chẳn bẳn một cục kẹo the, bỏ vài miệng ngậm đỡ đắng.

Tối đó chiếu tuồng cao bồi có Gary Cooper, mọi người say mê theo dõi. Nàng ồn ào quá nên nhiều người "suỵt suỵt". Nàng cũng suỵt lại rồi cười ăng ắc coi như pha. Cái máy cà chớn lại nhẩy hình. Bình thường như vậy, giữ im lặng coi cũng khó hiểu rồi. Đằng này nàng lại đệm theo tiếng nút kẹo lách chách, thỉnh thoảng phụ đề một câu rồi chêm một tràng cười. Khán giả bất mãn phản đối. Thể theo nguyện vọng của đồng bào, nàng ra cuối phòng hát ngồi với một cô bạn để tha hồ đấu hót. Tôi chẳng tha thiết gì với cái truyền hình nhẩy cỡn kia nên cũng lò dò theo ngồi bên cạnh nàng tán gẫu chơi, coi bộ vui hơn. Tôi tò mò hỏi nàng:

— Coi mầy vui vẻ như vầy mà chui vào nhà thương điên thiệt cũng lạ.

Nàng bĩu môi:

— Tại mầy không thấy tao hồi lúc mới vào cách đây hai tháng đó chớ. Lúc đó tao cú rũ như con gà mắc toi. Bây giờ mới đỡ đỡ, chịu diện trở lại, chịu liếc tình với đàn ông.

Nàng lại cười ăng ắc rồi đưa tay bụm miệng. Tôi lại hỏi tiếp:

— Ở ngoài đời mày làm gì?

— Tao làm nghề đứng đường.

Nàng đáp tỉnh bơ, không do dự. Thấy mặt tôi ngớ ngẩn thộn ra, nàng nói:

— Bộ mày tưởng đĩ không biết điên hả?

Máu đàn ông nổi dậy, tôi phản ứng:

— Biết chớ! Hồi đó tao quen một con nhỏ khá xinh cũng làm đĩ. Khuya nào bà chủ cũng kêu dậy đi khách ba bốn lần. Tối nào nó cũng ngủ sật sừ, mơ màng chiêm bao thấy mình bị kéo đầu dậy đi khách, ban đầu nó chỉ ba trợn, thét rồi nó khùng thiệt phải chở vô nhà thương.

Nàng cướp lời:

— Trường hợp tao không phải vậy. Tao bị thằng kép đĩ đực của tao bỏ rơi. Nó đánh đập tao, lột tiền đi khách của tao chạy theo con đĩ khác. Thiệt chó đẻ! Tao còn thương nó quá nên mới phát điên.

Nàng gãi đùi, móng tay dài kêu sột soạt, lách cách. Thấy tôi không có ý kiến, nàng la:

— Bộ mầy tưởng đĩ không biết yêu hả?

Tôi chống chế:

— Tao đâu có nói vậy. Tao cũng đã có yêu đĩ nên biết sơ sơ...

— Đàn ông tụi bây xạo lắm. Chỉ có đàn bà mới biết yêu, đàn ông tụi bây đâu biết yêu, tụi bây chỉ khoái chơi đàn bà, chơi cho đã. Không phải vậy sao?

Tôi lúng túng. Biết mình không thể cãi lý với nàng được nên tôi cười cầu tài rồi xin nàng cục kẹo khác. Nàng cũng phá lên cười. Tôi để yên cho nàng đấu hót với cô bạn bên cạnh, trong bụng thấy vui vui. Phim kết thúc, thằng ăn cướp mặt rằn bị bắn chết. Ngoài đời, thằng đĩ đực của nàng giờ này chắc vẫn còn sống nhăn.

Dù sao với em bé đứng đường này khán giả còn có thể theo dõi diễn tiến trên màn ảnh được, chớ nếu để ông già nói xàm lọt vào phòng hát là vô phương. Ông ta chiếm đài phát thanh độc diễn cho tới lúc khán giả ra về hết và hai năm y tá tới xốc nách dẫn độ đương sự về tận phòng khóa lại, còn nghe tiếng phân trần chói lói vọng ra. Tôi không biết ông ta có bao giờ ngủ, và khi ngủ có còn nói làm xàm? Cái máy hát có thể hết pin, còn ông này coi bộ không thể nào hết điên được, và cái nút tắt ai đã tháo gỡ đâu mất.

Một buổi trưa đi ngoài hành lang, tôi chợt nghe có tiếng kêu giựt ngược:

— Mông-xừ Lê! Mông-xừ Lê!

Tôi ngần ngừ vì nhận ra tiếng của gọi của đài phát thanh. Tiếng gọi càng khẩn thiết:

— Mông-xừ Lê! Xin ông hãy giúp tôi! Xin ông vui lòng ghé lại.

Tôi không nỡ lòng đi thẳng nên quay lại bước vào phòng phát

thanh. Ông ta ngồi trên ghế, mặt nhăn nhúm coi bộ mệt mỏi, nhưng tiếng nói vẫn sang sảng:

— Tôi đứng không nổi, xin ông vui lòng mở tủ lấy hộ tôi cái áo.

Tôi mở tủ, tủ trống trơn chẳng thấy áo đâu. Ông nói:

— Ông xách cái túi trong tủ ra, tôi chỉ cho.

Tôi lôi cái túi du lịch *Air France* lớn màu xanh đặt lên bàn. Ông bảo tôi mở khóa kéo lôi ra từng món. Tôi làm theo. Mỗi món được lôi ra, ông kể tôi nghe lý lịch của nó, mua hồi nào, ở đâu, tại sao mua, mặc cả với người bán hàng ra sao, cửa hàng có gì đặc biệt, vân vân. Hết cái cạo râu đến bàn chải áo, hết bàn chải áo đến cái quần, hết cái quần đến cái dây nịt, nghe một hồi tôi choáng váng muốn xỉu. Hết dây nịt đến cái áo xanh, tôi mừng quá tưởng đã hoàn tất nhiệm vụ, nhưng ông bảo không phải, ông muốn cái áo kẻ ô. Tôi sốt ruột trút hết túi đồ lên giường, bới tìm. Không thấy cái áo kẻ ô nào hết. Tôi bực dọc:

— Không có cái áo kẻ ô trong nầy.

Ông nói hết sức tự nhiên:

— Vậy hả? Chắc vợ tôi đem về giặt rồi. Vậy xin ông vui lòng xếp đồ lại vào túi hộ tôi, tôi chỉ cho ông xếp.

Chương trình phát thanh tiếp tục ngon lành. Tôi cáu sườn nhét đại đồ vào túi, bỏ vô tủ đóng lại. Tôi dợm bước ra, ông ta níu cánh tay tôi cứng ngắc, đôi mắt nài nĩ. Tôi sắp xiêu lòng. Nhưng tôi lấy can đảm gỡ bàn tay ông và bước nhanh ra cửa, còn nghe tiếng gọi giựt ngược sau lưng:

— Mông-xừ Lê! Mông xừ Lê! Xin ông vui lòng...

Tôi bỏ chạy xuống cầu thang. Đi khỏi tiệm cà phê, vòng ra tiệm sách. Hy vọng bắt gặp con chim hồng đứng xòe cánh phơi nắng, hình như vậy. Không gặp ai, tôi bước vào tiệm sách, cũng không gặp ai. Tôi giở một tờ tạp chí, làm bộ lật ngó, rồi xếp lại đặt trả lên kệ, bước ra khỏi tiệm. Trời nắng nóng, xanh biếc. Tôi bỏ ý định đánh vòng. Tôi đi dọc theo con đường dẫn vào khu nhà cửa lưa thưa mà tôi vẫn sợ vào đó đi lạc. Xe cộ thỉnh thoảng vụt qua, tiếng máy mô tô rú ga xé màn nhĩ. Tôi lững thững vô chủ đích. Bỗng từ xa tôi ngỡ thấy mái tóc dài xõa trên lưng tựa băng gỗ vệ đường. Không lẽ nàng? Tôi đi sát ven tường để không bị khám phá. Tới gần. Đúng là Evelyne, không còn ngờ gì nữa. Nàng làm gì ngồi đây? Chỗ này sát bên trục lộ đâu phải chỗ phơi nắng. Trước băng gỗ là một cột sắt đánh dấu trạm xe buýt. Nàng đang đón xe trốn ra Paris chơi, có phải vậy?

Nàng mặc áo sơ mi trắng tinh tay dài có kết ren ở cổ tay, quần Jeans, giày trắng hở đế thấp, vai đeo túi nhỏ màu thuốc lá buộc dây thòng đến trước bụng. Mỗi lần xe vụt qua, gió cuốn tóc nàng phất phơ. Nàng có vẻ không quan ngại đến bụi bặm hay mùi xăng nhớt. Chuyến buýt xịch đổ, hành khách xuống xe. Nàng vẫn ngồi bất động. Xe rời trạm. Nàng không chờ xe đi Paris. Nàng đợi ai chăng? Lần nào

bắt gặp nàng tôi cũng có cảm tưởng nàng đang đón đợi tình nhân. Tôi đến đứng sau băng gỗ vỗ nhẹ lên vai nàng. Evelyne giật bắn người. Ngó lại thấy tôi, nàng bớt sợ mỉm cười. Nàng hỏi:

— Kìa anh? Đi đâu đó? Anh làm em hết hồn!

Cách xưng hô của nàng khiến tôi bạo dạn:

— Anh xuống tiệm sách không thấy em, nên đi lang thang, tình cờ tới đây.

Nàng đứng dậy phủi đít, gậm nhấm đầu móng tay. Xe vụt qua, tóc xòa lên mặt. Tay vén hất. Tóc điên gọi nắng. Cây trồng ven đường bị mé nhánh lúc tàn đông bây giờ nhú lá non, xanh như ngọc. Như tóc mai nhung mượt trên hai màng tang thả xuống nhu mì.

Cử chỉ cố hữu, tôi ngó trời:

— Bữa nay trời nóng, tưởng như mùa hè.

Nàng gật đầu, mắt liếc. Tôi ngó thấy tiệm tạp hóa, trước cửa có bày tủ cà rem trên vỉa hè.

— Evelyne khát nước không? Tới này anh mua cà rem ăn cho đỡ khát.

Nàng hớn hở, mắt sáng trưng. Nàng lựa cà rem mùi dâu, tôi mùi chanh. Hai đứa liếm láp như con nít, cười ngon ngoẻn. Tôi hỏi:

— Em biết khu phố trước mặt không?

— Em không biết.

— Vậy mình thử tới chơi cho biết.

Hai đứa nói chuyện vu vơ, bắt sang xi nê:

— Em có thích coi xi nê không?

Nàng đáp vội vàng:

— Thích chớ! Em thích lắm. Mà lâu rồi em không được coi xi nê. Không có ai dắt em đi hết.

Mặt nàng thoáng buồn, tiu nghỉu. Tôi an ủi:

— Nếu em thích thì hôm nào thuận tiện, mình trốn ra Paris coi xi nê, anh sẽ dắt em...

— Thiệt hả? Anh nói thiệt hả?

Mắt nàng lóng lánh. Tôi gật đầu:

— Thiệt chớ! Anh nói thiệt mà. Anh xin hứa với em.

Bàn về sở thích, nàng nói thích phim "Le Magicien d'Oz" và "Peau d'Âne". Tôi hỏi nàng đã coi "Les Dimanches de Ville d'Avray" chưa, nàng nói chưa. Tôi nói phim thú vị lắm, chuyện phim kể một anh chàng đánh giặc về hơi khùng khùng thường đến đón một cô gái nhỏ bị bỏ rơi ở trường học ngày cuối tuần. Cô gái tên Cybelle (si belle?). Một đêm lễ anh khật khùng leo lên đỉnh tháp chuông gỡ con gà bằng đồng trên đó về cho cô gái để làm quà tặng. Người trong làng nghi ngờ anh ta bắt cóc cô gái và có tà ý. Anh ta bị bắn tử trên tháp chuông rớt xuống chết tốt, không kịp trối trăn. Evelyne nói, miệng nàng thoang thoảng mùi dâu:

— Phim gì buồn quá, em không chịu coi đâu. Anh dắt cho em coi phim "Thằng Người Gỗ Pinocchio" vậy mà hay hơn. Em chưa coi. Anh hứa nghe.

— Ừ, anh xin hứa.

Hai đứa đi vào khu phố thưa thớt. Nhà cửa đen xì, đường sá hẹp lé, không có bờ lề. Mỗi lần có xe tới, hai đứa nép sát vách tường, còn sợ bị xe chẹt. May mắn có một tiệm cà phê ở góc đường. Tôi và nàng chui vào tiệm, ngồi ở góc vắng. Tiệm cũng trống vắng, chẳng có ai, ngoài hai đứa điên. Evelyne nói còn khát nước. Tôi gọi cho nàng ly bạc hà pha nước lọc, tôi thích màu xanh lục của bạc hà, nó gợi tôi nhớ tuổi ấu thơ, không biết hồi nào, lúc nào. Tô hủ tiếu, ly bạc hà, và Tết và nắng trên những bức tường vôi cao, tôi chẳng đòi hỏi gì hơn. Tôi gọi cho mình chai bia. Tôi nghĩ thầm mùi bạc hà sẽ làm phai nhạt mùi dâu trên môi nàng.

Evelyne bỗng lên tiếng, mặt thoáng tái:

— Em sợ!

Tôi nắm tay nàng ve vuốt:

— Em sợ gì? Đâu có gì đáng sợ. Đã có anh đây...

Tôi buông ra câu đó như một người hùng. Thực tình tôi cũng chẳng biết làm cách nào để bảo vệ nàng. Nàng sợ gì tôi cũng chẳng biết. Nàng nói:

— Em sợ trở về nhà, nhà của em, ba em, má em...

Tôi an ủi nàng:

— Em chớ quá sợ hãi, mọi chuyện rồi sẽ nguôi ngoai. Nhưng thiệt tình anh nghĩ tốt hơn hết là em nên bàn lại với ba em, để em và Isabelle ra ở riêng.

Mặt Evelyne nhợt nhạt:

— Isabelle chết rồi!

Tôi bắn người như bị điện giật:

— Sao? Em nói sao? Isabelle chết hồi nào? Mới chết đây hả?

Giọng nàng xa vắng:

— Isabelle chết hồi bảy tuổi... Hôm trước em có cho anh biết rồi mà.

Trong đầu óc khật khùng của hai đứa, tôi không biết nàng lẫn lộn hay tôi lú lẫn. Tôi chỉ ở, ở chiếu lệ, không dám vặn hỏi sợ đánh thức hoài niệm thương động cơn mê ngủ chập chờn dưới mái tóc sợi nhỏ yêu kiều. Nàng cúi đầu, tóc xòa trên bàn tay tôi đang nắm tay nàng.

Khi Evelyne ngửng đầu lên, mắt nàng có ngấn lệ. Tôi bối rối im lặng. Nàng nói tiếp:

— Bữa đó ba em chở Isabelle đi chơi, hồi đó tụi em ở nhà quê. Đường vắng, tới ngã tư bất ngờ có xe lớn phóng ra đâm vào xe ba em. Chị em chết ngay tại chỗ... Ba em thương Isabelle lắm. Ba em muốn phát điên sau tai nạn.

Nàng quẹt nước mắt. Tôi siết tay nàng, xúc động:

— Kể từ đó ba em gọi em là Isabelle, còn má em thì tiếp tục gọi em là Evelyne, nhiều lúc em không biết em là Isabelle, hay Evelyne nữa. Má em thường nhắc tới tai nạn và trách móc ba em. Má em sức khoẻ yếu kém, người gầy đét và đau yếu luôn.

Nàng đặt luôn bàn tay kia lên tay tôi níu siết như một bùa chú, phao nổi:

— Từ lâu ba má em ngủ riêng. Má em lại hay ghen tương.

Tôi buột miệng:

— Má em ghen với...

Tôi ngưng lại kịp. Tôi mân mê lọn tóc xõa. Tôi cầm ly bạc hà đưa cho nàng.

— Em uống đi. Ngoan đi rồi mai mốt anh dắt đi coi xi nê.

Mặt nàng bừng sáng trở lại:

— Thiệt hả anh? Anh hứa thiệt hả anh? Đi coi "Thằng Người Gỗ" nghe anh. Phim đó hay lắm.

Evelyne, anh xin hứa. Nếu phải leo lên chóp nhà thờ gỡ cho em con gà bằng đồng đúc cho em vui anh cũng tự nguyện. Mỗi người chúng ta đều đáng được chia xẻ nụ cười. Nhứt là em. Nụ cười trong lành thơm mùi dâu chín sau làn tóc tơ giăng.

Trời trưa xế. Tôi dắt nàng trở về bệnh viện. Hai đứa đi ngược lại con đường hồi nãy, không có bờ lề, người sát vào tường như kẻ trộm, tay nắm tay sợ lạc. Tới ngã quẹo ra đường lớn, hai đứa dừng lại ngó nhau, hai tay tôi nắm hai bàn tay nàng. Chợt tôi thèm muốn hôn nàng, tôi thèm hết sức. Hai đứa ngó nhau, trời nắng đã muộn, không dám làm gì hết, Evelyne, Isabelle, tôi cố gắng nhìn rõ, chợt nhớ lần hẹn đầu với người yêu đầu ở bờ sông, nàng đó... không dám làm gì hết.

Tôi bước vào phòng mình. Người đàn bà nằm trên giường, mặt úp, tóc xõa, chăn đắp lên tới cổ. Hơi thở đều như tiếng động xa xa quen thuộc ban đêm. Tôi ngồi ở ghế bành ngó ra cửa sổ có tiếng nhựa ngăn chận, chờ đợi. Nàng mệt ngủ. Phải để nàng ngủ. Tay chân cựa giật trong cơn mê, tội nghiệp. Tình yêu bền bỉ.

Khi giật mình thức dậy, Ánh ngạc nhiên hỏi anh về hồi nào. Em ở tiệm anh Thận ra mua mấy trái cam tới cho anh, chờ anh không được, em lên giường nằm, mệt quá ngủ quên. Sao, hôm nay anh thấy khỏe không? Ờ, cũng khoẻ, không có gì đáng lo. Anh còn ở trong này thì em còn lo. Em cứ lo cho anh hoài, anh đâu còn con nít nữa. Đáng lẽ anh lo cho em mới phải. Tôi mở tủ lấy cái quần jeans mua sôn hôm trước khoe với Ánh, như trúng mối ngon. Nàng dở ra ngắm nghía, thử khóa kéo, kêu lên, trời đất! quần này là quần đàn bà, anh mua chỗ ai vậy. Tôi sượng trân. Tôi không biết nói dóc. Ánh xoa đầu tôi, mỉm cười thông cảm. Nàng gọt cam cho tôi ăn rồi kể chuyện hai đứa nhỏ ở nhà và tin tức Việt Nam qua thư gia đình vừa nhận được.,

Từ hai tuần nay, mỗi sáng khi uống cà phê xong, tôi và gã sún răng xuống phòng tập thể dục. Làm những động tác căn bản của cơ thể, thở hít, đưa tay, dở chân, ưỡn ngực, ngồi xếp, giữ thăng bằng. Tôi ngỡ ngàng khám phá nhiều động tác tôi không còn làm được, hoặc làm rối rắm, bong trẹo, mất thăng bằng, té ngửa. Sau buổi tập tôi ra ngồi ở băng đá trên sân cỏ ngoài phòng tập, thở không khí thoáng mát. Trước mặt tôi cây trồng rải rác, cạnh băng đá là một thân cây có vỏ màu bạc trắng ngời ngời. Lá đã ra nhiều, từ xanh non ngả màu xanh lục thẫm.

Tôi có cảm tưởng cội cây vỏ màu bạc này không phải vừa mới có đây. Nó đã có từ vạn kiếp, cũng như tôi, bàng bạc đâu đó. Ngày nào cũng là sinh nhật., Tôi là nhánh cây, phần nối dài của thân cây màu bạc kia, vì lý do gì không rõ, khoảng khắc này ngồi đây, trên băng đá. Tôi chợt thấy vỏ cây lay động và di chuyển ngược về phía trên. Cả gốc cây sẽ đột ngột bỏ chạy và cất tiếng sủa như chó? Tôi ghé mắt cố nhìn kỹ. Vỏ cây nhúc nhích. Tôi tò mò đưa tay gỡ vỏ cây. Con bọ bên dưới vụt thoát chạy lên ngọn cây biến mất, không kịp nhận ra. Khoảng thân cây bị lột vỏ để lộ màu nâu, trên nền nâu có một chấm trắng nhỏ, như bột phấn. Tôi thổi lên đó, chấm trắng chợt cựa quậy và dời chỗ. Đó là con sâu nhỏ tí, thiệt bất ngờ và lạ lùng, phải gọi chấm phấn là sinh vật. Phải gọi? Tại sao phải gọi? Nó đã có từ đời nào, đâu đợi tôi gọi mới có. Trước đó nó và cây chỉ là một, tôi đặt nó tên "sâu trắng", cái tên như vết cắt, sự vật bị chia xẻ vô phương hàn gắn trong tâm thức. Ngôn ngữ như một thần chú, huyễn hoặc, dắt vào mê cung. Khởi đầu là *một* theo trật tự thiên nhiên của trời đất. Con người cho đó là hỗn mang. Để khép trời đất vào trật tự của mình cho dễ nhận hiểu, con người phân biệt, chia cắt, đặt tên cho sự vật. Và cái trật tự dựa trên *nhãn hiệu* đó, chính nó là hỗn mang.

Tôi đi một vòng ra chợ vì hôm nay có họp chợ trời. Mọi người tới lui tấp nập hết sức bình thường. Mọi người mua bán hết sức bình thường. Mọi người trả tiền rồi bỏ vật mua vào túi xách hết sức bình thường. Tôi thèm muốn được bình thường như mọi người. Không đặt câu hỏi, không thắc mắc. Mùa xuân trở về hết sức bình thường. Trời nắng hết sức bình thường. Chim gọi ríu rít hết sức bình thường. Thêm một ngày trời đẹp, rất đẹp! Bụng tôi thoắt quặn đau, càng lúc càng dồn thúc. Tôi vội vã trở về bệnh viện.

Ngồi trong cầu, tôi tống khứ thấy nhẹ người. Cơn đau đã qua. Tôi tận hưởng sự sung sướng tầm thường và tự nhiên đó. Dưới chân tôi có một tờ báo. Tôi cầm lên đọc, phát hiện bên dưới một quyển sách, trên bìa là hình một người đàn bà chụp phóng ảnh, đầu ngửa ra sau, đôi vú lớn nơ nớt. Tôi vứt tờ báo, nhặt quyển sách... Sách loại dâm dật, không biết ai bỏ quên. Bên trong toàn hình chụp những pha làm tình cụp lạc giữa đàn ông với đàn bà... Bộ phận tôi phản ứng. Lâu

lắm tôi mới khám phá lại cảm giác bị kích dục, động tình, rạo rực, thèm dâm. Cửa sổ nhỏ bên trên hé mở thoáng mát, ánh sáng lọt vào. Bên ngoài bệnh viện trời đất bao la,nắng xuân đẹp đẽ, chim xuân ríu rít. Bên trong bệnh viện, giữa bốn vách nhà cầu, tên điên ngốc đang mắn mó bộ phận sinh dục, tìm lại gạch nối giữa mình và đời sống sinh vật. Từ lâu tôi quên mình có một thân thể, từ lâu tôi đã sống như một người không có thân thể.

Tôi châm điếu thuốc nằm trên giường ngó ra cửa sổ kiếng nhựa nhả khói. Cảm giác uể oải dễ chịu. Màn vén hết hai bên. Năm nay mùa xuân sáng choang kỳ lạ. Tôi với tay lấy quyển nhựt ký đọc lại những trang mình đã viết. Như thể ai đã viết, không phải tôi. Tôi điên, tôi biết tôi điên, nhưng tôi không dè mình điên tới mức như vậy. Có lẽ tôi sẽ không bao giờ ra khỏi nơi nầy. Tôi vứt tập nhựt ký xuống sàn nhà, như vứt một con đỉa đói gớm ghiếc. Nằm lim dim một lát, tôi mở cửa định sang phòng Evelyne mượn lại quyển Mickey mua cho nàng hôm trước đọc chơi đỡ buồn.

Cửa phòng nàng khép hờ. Gõ cửa, không ai trả lời, tôi đẩy nhẹ cửa bước vào. Evelyne ngồi bất động trên ghế ở đầu giường, lưng quay ra cửa, tóc nâu đen xõa trên vai áo trắng hôm đầu tôi ngó thấy. Tôi bước tới trước mặt nàng gọi nhỏ:

— Evelyne!

Nàng ngước lên nhìn tôi, nét mặt bâng khuâng kỳ lạ, buồn bã khác hẳn mọi khi. Tôi lo lắng:

— Evelyne, em làm sao vậy?

Nàng cúi mặt rồi ngửng lên, mắt có ngấn lệ. Nàng nói chỉ đủ nghe:

— Em sắp rời khỏi nơi nầy. Người ta sẽ mang em tới một bệnh viện khác chiều mai.

Tôi choáng váng:

— Sao vậy? Đem em tới nơi khác chi vậy?

— Người ta nói ở đây không đủ phương tiện. Ở bệnh viện kia có chạy điện...

Tôi bủn rủn. Người ta sẽ tra hai cực điện lên màng tang Evelyne và phóng điện vào óc nàng, tóc nàng cháy khét lẹt. Làm sao chịu nổi!

— Người ta nói ở đó trị, em mới hết bệnh.

Nàng nhìn tôi, đôi mắt van lơn:

— Anh! em không muốn đi...

Nước mắt nàng rưng rưng lăn tròn xuống má. Nàng nhìn tôi chừng như tôi có thể bênh vực được nàng. Tôi thấy mình bất lực, phẫn uất và hèn nhát. Tôi đưa tay định vuốt tóc nàng. Tôi không biết nói lời gì để an ủi, vỗ về hoặc trấn an. Tôi dừng tay lại rồi vụt chạy ra khỏi phòng nàng như một tên hèn nhát. Tôi chạy ra ngoài bệnh viện.

Buổi tối, không thấy Evelyne ở phòng ăn. Gã râu quai hàm nói

hồi chiều thấy có hai nữ y tá vào phòng nàng, rồi nàng theo hai người lên dãy nhà bên kia, có lẽ để gặp bác sĩ trị liệu. Ăn xong tôi về phòng nằm nghe ngóng người ta đem Evelyne trở về. Chờ. Có tiếng động ngoài hành lang, không phải nàng. Lại chờ. Khoảng mười giờ, người nữ y tá đem tới cho tôi hai viên thuốc an thần và pha những giọt thuốc ngủ màu hồng. Một giờ sau, giấc ngủ chụp xuống như đám mây đen nghịt.

Buổi sáng vừa tỉnh ngủ tôi vội vàng nhảy xuống giường mở cửa ngó sang bên kia. Phòng Evelyne mở toang. Người đàn bà da đen đang thay khăn trải nệm mới, trắng tinh. Phòng trống trơn. Tôi hỏi thăm, người đàn bà không biết gì hết. Buổi trưa, nghe tiếng động tôi hé cửa ngó qua. Trước cửa phòng nàng một người đàn bà già nua mặc áo ngủ, tóc tai bù xù, đang đứng xớ rớ. Bệnh nhân mới. Cổ tôi vụt đau thắt, sắp rạn nứt, tôi nghẹt thở, nước mắt ứ ra, nóng hổi. Lẽ ra chiều nay người ta mới đem nàng đi. Tôi giận dữ, không biết giận ai. Đau xót.

Tôi bỏ ăn cơm trưa. Tôi đánh vòng ra hiệu cà phê, ra tiệm sách rồi lang thang xuống con phố nhỏ, hẹp lé, không có bờ lề. Tưởng có thể bất thần gặp lại nàng ở góc phố. Nàng đi lạc. Tôi đi lạc. Tôi quay trở về, chân mỏi, ngồi ở băng gỗ nàng ngồi bên trạm đón xe buýt hôm trước nhưng nàng không đón xe buýt. Tiếng động cơ nổ ồn ào, chát chúa. Lại một ngày nắng nóng, trời xanh. Rời đường lớn tôi trở lại khoảnh vườn nhỏ có hoa tulipes vàng đỏ. Ghế đá nóng hâm hấp. Mùa xuân vẫn tiếp tục nắng tốt. Một con ong lẻ loi đang đánh vòng. Lá cây đã đổi màu đậm hơn. "*... Đôi khi anh muốn tin trên đời đầy những trái cây thơm phức của Thượng đế. Mà bên những trái cây ngọt ngào đôi môi em, dòng sữa mật khởi đầu...*" (1) Người ta đang tra điện lên màng tang Evelyne, tóc nàng cháy khét. Nàng dẫy dụa, miệng há hốc, mắt trắng dã. Có thể vậy sao? Tôi ôm đầu rứt tóc, không muốn chấp nhận.

Không, Evelyne! Người ta sẽ không làm hư mái tóc xõa đẹp đẽ của em đâu. Một ngày nào đó gặp lại, anh sẽ vuốt tóc em, anh sẽ mua cho em quyển sách hình vẽ, anh sẽ mua cho em cây cà rem mùi dâu, anh sẽ mua cho em ly nước bạc hà màu xanh non của thời thơ ấu. Em sẽ không bao giờ lớn thêm, anh sẽ không bao giờ trưởng thành, hai đứa không ai lớn lên hết. Và anh sẽ đưa em đi coi xi nê, những tuồng thần thoại hoang đường. Em sẽ là Công Chúa Da Lừa xinh đẹp choàng lốt lông thú ẩn thân trong rừng, trốn chạy phụ vương đang muốn kết hôn với con cái của mình. Anh sẽ là Thằng Người Gỗ vụng về đi hết nhầm lẫn này đến nhầm lẫn khác. Cho đến bao giờ?

Evelyne ơi! Ngày nào em rời khỏi bệnh viện, anh rời khỏi bệnh viện, ngày nào anh và em hết khật khùng, anh hứa sẽ mua cho em cây cà rem và dắt em đi coi xi nê, sẽ không coi phim thằng khùng ăn cắp

con gà đồng, sẽ coi phim Thằng Người Gỗ như em vòi vĩnh.

Evelyne! Ngày nào ra khỏi bệnh viện, anh xin hứa. Giờ này, anh ngồi trên băng đá, nước mắt lưng tròng. Còn em ở đâu? Em đã bớt điên, hay có còn sống sót ?

(1) Thanh Tâm Tuyền.

Thanh Nhung
Tiêu hao.

Với chân dần vặt
Những ngày đi qua
Dặm hồn lá úa
Dặm hồn sương sa.

Nửa đời trắng tóc
Ăn năn hiện về
Điệu buồn sám hối
Những mùa xuân đi.

Say tìm đất lạ
Thơm áo khoa danh
Hồn thơ lạc lõng
Tiềm thức nương mình.

Bút khô màu mực
Tâm ý nhạt mờ
Thèm hoa cỏ mẹ
Nồng ngát hương thơ.

Luân hồi một kiếp
Ôi cánh chim di
Vượt trùng dương thẳm
Hun hút đường về.

Trời xa nhạt nắng
Nghe hồn vũng sâu
Giọt buồn lẳng lặng
Bâng khuâng cúi đầu.

Phạm Văn Kỳ Thanh

Hành trình vào âm nhạc Việt.

Lá thư thay lời dẫn nhập.

Anh X. mến,

Đến giờ phút này chúng ta phải thành thật với nhau và nhất là với chính mình. Sở dĩ tôi đặt vấn đề tiên quyết như vậy vì cách đây một năm, nói chuyện qua điện thoại, anh có nhắc đến câu nói của Baudelaire: "Bạn nên nhớ quy luật: thời gian là một con bạc tham lam, nó không cần ăn gian mà bao giờ cũng thắng". Tôi bắt đầu "rét", không phải riêng cho tôi nhưng cho anh lẫn bạn hữu chúng ta nữa. Chúng ta rời trường nhạc được hơn mười năm và đã kỷ niệm mười cái "ba mươi tháng tư". Không kể những người bạn học về ngành trình diễn (performing art). Họ vẫn lai rai sinh hoạt âm nhạc và mưu sinh một cách bình tĩnh. Riêng anh và tôi chuyên chú về hòa âm sáng tác, chúng ta hãy còn đang "loay hoay" về đề tài, cảm hứng, chất liệu và đối tượng. Đó là những bế tắc mà kiến thức trường ốc không giải quyết được.

Thú thật với anh nhiều lúc "bí" quá tôi mang những bài tập cũ về thập nhị cung (Dodecaphonic) ra khai triển. Cũng tính toán về quãng (interval) một cách khoa học, dùng hết hình tượng (form) nọ kia, lúc đàn thử thấy tác phẩm của mình khô, cứng như cao hổ cốt và nhạt như nước ốc. Lúc nghe lại những tác phẩm cả Schoenberg, bậc thầy của hình thái âm nhạc thập nhị cung mình vẫn thấy chưa cảm được. Lại có lần bị mấy anh bạn Mỹ rủ rê bắt chước Walter Carlos (1), tác giả "clockwork orange", thử xử dụng âm thanh điện tử trong âm nhạc. Rốt cục cũng chỉ là sự "đùa nghịch", vì không đủ phương tiện lẫn cảm tính để theo đuổi loại nhạc này. Vẫn biết làm nghệ thuật là phải luôn luôn vươn tới cái mới, nhưng "kẹt" cái là con tim mình chưa

hay có thể không bao giờ bắt kịp cái mới loại đó, vì cảm tính mình hướng tới dòng khác của sự sáng tạo.

Thế rồi một hôm lang thang ở thư viện trường nhạc thuộc đại học Berkeley, vớ được cuốn "Hát bội, sân khấu cổ truyền của Việt Nam" của ông Huỳnh Khắc Dụng viết bằng hai thứ tiếng Việt Pháp, có dẫn chứng hình vẽ mầu rất đẹp. Tò mò, tôi lật vài trang đầu xem. Trong phần này có đăng bài viết của ông Hàn Jules Lemaitre thuộc Hàn Lâm Viện Pháp dùng những lời lẽ xấu xa nhất có thể tưởng tượng nổi để thoá mạ bộ môn hát bội của ta. Tuy ông Hàn này đã trở thành người thiên cổ từ lâu (1914), nhưng bài viết của ông ta không tránh khỏi sự bất bình vì chạm tự ái của một người Việt, sáu mươi sáu năm sau (1970). Đó là thời điểm ông Huỳnh Khắc Dụng cho xuất bản cuốn sách nói trên, một cuốn sách viết về hát bội rất kỹ lưỡng, khoa học. Trong cả cuốn sách tác giả đã cẩn trọng nêu lên những tinh hoa của bộ môn sân khấu này với mục đích đánh đổ lập luận của những ai (kể cả người Việt) khinh thường hát bội. Phản ứng của một thính khán giả hát bội mãnh liệt như vậy khiến người làm văn học nghệ thuật phải suy nghĩ nhiều hơn về chức năng của mình đối với văn hóa Việt.

Đó là chuyện ông Hàn Tây, ngay tại Mỹ giới truyền thông cũng đã có những lầm lẫn rất khôi hài về âm nhạc Việt. Chẳng thế nhạc học gia Dave Whiteside phải than phiền: "Nhà sản xuất vô tuyến truyền hình đã có lần dùng hình ảnh trình tấu của một số nhạc sĩ Việt Nam để mở đầu cho cuốn phim nói về sự điêu tàn của cổ thành Ankor Wat. Lần khác, có người dùng bài hát chèo đò của dân ca Việt Nam để làm nhạc đệm cho cuốn phim giới thiệu những họa phẩm đời nhà Thanh bên Trung Hoa. Tệ hơn nữa, có nhà sản xuất phim ảnh lại ghép chương trình giới thiệu món ăn Tầu với âm nhạc của bài viết về sự thanh thản của nhạc Việt." (2).

Cứ như thế sự tò mò về âm nhạc Việt dẫn tôi đến những bài viết về nhạc Phạm Duy của Georges Etienne Gauthier, một nhạc sĩ Gia Nã Đại. Phải nói sau khi đọc loạt bài này tôi cảm thấy xấu hổ vì mối tri âm sâu xa Gauthier dành cho nhạc sĩ Phạm Duy nói riêng và tân nhạc Việt nói chung. Trong khi đó chúng ta, những người học nhạc quên hẳn âm nhạc Việt, một nguồn cảm tác vô tận.

Vì quan niệm âm nhạc Việt gồm ba dòng với đặc trưng *cổ truyền Á Đông, truyền thống dân gian* và *tân nhạc ảnh hưởng Tây phương*, chúng liên tục được song song bảo tồn và phát huy. Tuy nhiên màu sắc của ba đặc trưng ấy luôn luôn phản ánh đậm nhạt khác nhau trên âm nhạc của từng bộ môn khác nhau: ca, vũ, nhạc trình tấu cho nhạc khí và sân khấu. Như thế anh thấy tôi không khảo sát nhạc Việt theo từng loại nhạc, theo từng niên kỷ, theo từng bộ môn. Có như thế cuộc hành trình vào âm nhạc Việt tôi sắp mời anh và bạn hữu tham dự được tự

do hơn. Vì thế nào anh cũng thấy khi khảo sát về một đặc trưng tôi sẽ chạy xuôi ngược từ niên kỷ này sang niên kỷ khác và có thể nhẩy từ dòng âm nhạc này sang dòng âm nhạc khác. Nói như thế bắt đầu rắc rối rồi đấy. Để tôi lấy một thí dụ như thế này: Tôi đang khảo sát đặc trưng truyền thống dân gian (thường được gọi là dân ca), tôi thấy trên một nhạc bản nào đó có phản ánh mầu sắc cổ truyền (chỉ phản ánh thôi đấy nhé! Vì hai đặc trưng nằm ở hai dòng khác nhau có mầu sắc khác nhau; vì nếu mầu sắc giống nhau hoặc pha trộn lẫn nhau thì đâu có gọi là hai dòng song song). Tôi có thể nhẩy dòng để xem ánh đó chiếu từ khúc nào (niên kỷ) của dòng nhạc cổ truyền (có tính cách bác học) trên khúc nào của dòng nhạc truyền thống dân gian.

Trên mỗi dòng lớn đó lại có nhiều dòng nhỏ (thường gọi là các bộ môn như đã nói ở trên). Chẳng hạn, tôi đang khảo sát: Dòng âm nhạc truyền thống dân gian (dòng lớn). Tôi muốn đề cập đến âm nhạc của kịch bản chèo (thuộc bộ môn sân khấu dân gian và gọi là dòng nhỏ) xem nó có phản ánh âm nhạc của sân khấu cổ truyền (bộ môn sân khấu cổ truyền) hay không? Bắt buộc lúc ấy tôi phải nhẩy dòng và ngược xuôi theo niên kỷ.

Như anh thấy cuộc hành trình này sẽ rất bương bả, nhưng tôi hứa với anh một điều sau một năm lọt vào mê hồn trận, tôi chưa bị lạc lối trong những dòng nhạc Việt, nên chi đã nhận diện được những dòng chính và phần nào có thể mời anh tham dự vào cuộc hành trình đầy hào hứng này. Tuy nhiên một lần nữa tôi nhắc lại nếu chúng ta đồng ý cùng đi chuyến này, chúng ta phải thành thật với nhau và với chính mình. Vì đường lắm chông gai, khó nhọc, có thể chúng ta đuối sức cần có bạn đồng hành tiếp súc. Có thể chúng ta phải bỏ những đoạn đường hiểm trở vì không có phương tiện vượt qua.

Ba dòng âm nhạc lớn tôi đề cập trên nằm trong dòng sinh mệnh của văn hóa dân tộc, và chúng ta cũng nên hiểu rằng đang sống ở đất tạm dung tài liệu và phương tiện thiếu thốn trong khi đó dòng sinh mệnh văn hóa vẫn chảy xiết trong lòng mỗi người Việt (dù ở đâu), tất nhiên những khó khăn phải có. Ngoài ra, chúng ta phải chấp nhận sự tranh đấu với những cường đạo mắc phải bả ngoại nhân luôn luôn thả thuốc độc xuống dòng sinh mệnh văn hóa. Có người bị ngộ độc đã trở nên hung dữ, có người mê sảng mất trí, có người thờ thẫn ngu ngơ.

Trở lại lãnh vực âm nhạc, vì nhận thấy tác hại của độc dược mầu hồng, tôi xin được trình bày với anh thêm một vấn đề nữa là đặc tính của âm nhạc Việt. Nếu dòng âm nhạc Việt là một dòng sông hiền hòa đầy phù sa, hai bên bờ không có những cường đạo văn hóa (bán linh hồn cho quỷ) như những dòng sông của dân tộc khác thì chúng ta cứ tự tại an nhiên, đắm mình trong mỹ cảm thuần túy của nghệ thuật. Ngược lại, dòng sông âm nhạc Việt đang sôi sục trong lòng bằng hữu chúng ta khắp mọi nơi khiến chúng ta không thể không đặt lại rõ ràng

những đặc tính của âm nhạc Việt. Vốn tính "dĩ hòa vi quý" hay "hòa hợp hoà giải" (cũng là một cách nói) chúng ta đã tránh né vấn đề này nhiều rồi, chúng ta cũng chẳng còn một cơ hội khác để tránh né, vì, trên địa cầu này không còn khoảnh đất nào để chúng ta lưu vong thêm một lần nữa.

Như đã nói trên, chuyến đi vào âm nhạc Việt đầy gian nan vì lũ cường đạo văn hóa hơn năm mươi năm nay đã thả biết bao độc dược hồng xuống dòng sông âm nhạc khiến nhiều người lầm tưởng phù sa. Để khỏi bị ngộ độc, tôi xin anh và bằng hữu cùng tôi bắt đầu tẩy độc để cho cuộc hành trình bớt hiểm nguy.

Thôi để khỏi lòng vòng mất thì giờ của anh, tôi xin vào đề. Tôi muốn bàn về những đặc tính âm nhạc Việt liên quan đến bản chất, nội dung, hình thức, phương cách và màu sắc của sự diễn đạt, giai cấp tính và sự xung đột giai cấp. Âm nhạc là một ngành của văn hóa, vì vậy khi đề cập đến những vấn đề liên quan đến âm nhạc tôi không khỏi phóng chiếu đến hoặc thu nhỏ lại những liên hệ qua lại giữa âm nhạc và văn hóa.

Bản chất âm nhạc Việt.

Trong đề cương văn hoá của đảng cộng sản Đông Dương năm 1943 có ghi: *"Văn hóa mới Việt Nam do đảng cộng sản Đông Dương lãnh đạo chủ trương phải là văn hóa xã hội chủ nghĩa hay văn hóa Sô Viết (như văn hóa Liên Sô chẳng hạn). Văn hóa mới Việt Nam là một thứ văn hóa có tính chất dân tộc về hình thức và tân dân chủ về nội dung. Chính vì thế, nó cách mạng nhất và tiến bộ nhất ở Đông Dương trong giai đoạn này".* Lập trường này của cộng sản Việt Nam cho đến ngày nay đã hơn bốn mươi năm vẫn không đổi và tất nhiên được "lải nhải" liên tục trong khắp các tài liệu khảo cứu, lý luận và sáng tác văn hóa.

Năm 1978, sau khi chiếm trọn miền Nam Việt Nam, Trường Chinh lại khẳng định: *"Nhất định trong tương lai gần gũi, chúng ta xây dựng được nền văn hóa mới có nội dung xã hội chủ nghĩa* và *tính chất dân tộc như chúng ta hằng mong mỏi." (3).*

Năm năm sau, nghĩa là vào năm 1982, Tố Hữu, một trong những tay cường đạo văn hóa "gộc" lại nhắc lời đàn anh một lần nữa: *"Chúng ta được hạnh phúc sống và sáng tạo trên đất nước Việt Nam sục sôi cách mạng, có đảng lãnh đạo, đảng của trí tuệ, của lương tâm, của dân tộc và của thời đại. Trên đất nước ấy, đã có một nền văn học nghệ thuật thật sự cách mạng, ngày càng đậm đà màu sắc dân tộc* và *bản chất xã hội chủ nghĩa" (4).*

Trên chặng đường gần bốn mươi năm, văn hóa Việt dưới chế độ cộng sản chỉ được *mang tính chất dân tộc về hình thức* còn *nội dung của nó ẩn hình dưới lớp bao che tân dân chủ* (kiểu cộng sản), *rồi lộ*

mặt xã hội chủ nghĩa, và cuối cùng *hiện nguyên hình bản chất xã hội chủ nghĩa,* khi ấy *dân tộc tính chỉ còn là màu sắc.*

Sự biến hình của chính sách văn hóa cộng sản từ tân dân chủ (kiểu cộng sản) sang xã hội chủ nghĩa, rồi thẩm thấu vào nội dung hóa thành bản chất qua những thời điểm đáng để ý. Năm 1943, dù khẳng định trong đề cương văn hóa là nền văn hóa mới Việt Nam phải là xã hội chủ nghĩa, nhưng vì muốn quyến rũ những văn nghệ sĩ có tinh thần yêu nước nên họ đã trấn an bằng từ nghữ *tân dân chủ.* Chữ *"tân" ở* đây là cái bẫy tối nguy hiểm. Vì nó mà sau này họ ngụy biện cho rằng dân chủ mới theo họ khác với tinh thần dân chủ Tây Âu bắt nguồn từ cách mạng Pháp (1789). Nội dung tân dân chủ theo ý họ sẽ biến thành xã hội chủ nghĩa và sau này là bản chất xã hội chủ nghĩa. Điều này được Lê Duẩn, lãnh tụ đảng cộng sản Việt Nam xác nhận vào năm 1978: *"Sự kết thúc thắng lợi của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng có nghĩa là sự mở đầu của cách mạng xã hội chủ nghĩa". (5)*

Tạm ngừng ở thời điểm 1982 nền văn hóa Việt dưới chế độ cộng sản chỉ còn *màu sắc dân tộc, bản chất hoàn toàn xã hội chủ nghĩa.* Trên con đường đi đến quốc tế vô sản màu sắc dân tộc dần sẽ biến mất. Theo nguyên lý tất yếu của hóa học đã gọi là màu tất phải có lúc phai. Lúc ấy bản chất hiện nguyên hình với độc tính sắc hồng của nó.

Một dòng sông văn hóa chứa đầy nước độc như vậy chắc chắn không hợp với tì vị dân tộc Việt. Nếu không tẩy được độc tố thì cũng đành lấp dòng sông độc, đào dòng mới từ mạch lớn trong lòng dân tộc để có nước trong ngọt tinh khiết uống cho thỏa cơn khát.

Cũng bởi tì vị không quen hoặc không hợp cho nên bốn mươi chín triệu người Việt trong nước không thể nuốt nổi bo bo vì nó mang đầy quốc tế tính, dù bên tai lúc nào cũng có tiếng reo vui của một triệu người còn lại (gồm đảng và đảng viên cộng sản mà họ gọi là nhân dân của họ) về những yến tiệc sắp được dọn ra ở một thiên đường nào đó. Thu hẹp lại phạm vi âm nhạc, nền âm nhạc của ta có *màu sắc dân tộc rất rõ* và *bản chất đầy ắp tình tự dân tộc, tình yêu quê hương, phát xuất rõ tình người.* Tình cảm này *không thể là* thứ tình cảm người cộng sản lý luận lòng vòng có tính đảng, tính nhân dân (nhân dân đây hiểu theo nghĩa chỉ toàn đảng viên cộng sản) rồi rốt cục là tình yêu bộ chính trị với thành viên thuộc giai cấp phong kiến kiểu mới và độc tài hung ác không kém các bạo chúa trong lịch sử nhân loại, đang thi hành nhiệm vụ chính trị, quân sự quốc tế được giao phó bởi đế quốc Nga Sô.

Bản chất tình tự dân tộc, tình yêu quê hương, đồng bào và đồng loại có thể nhận thấy ngay trong cả ba đặc trưng cổ truyền, dân gian và tân nhạc trong những khung cảnh giải trí, hội hè, làm việc, khắc phục thiên nhiên và chống ngoại xâm.

Ở thời điểm 1954, giả sử một em bé Việt Nam mới được sinh ra,

khi bóng dáng người lính Pháp cuối cùng rút khỏi toàn cõi Việt Nam. Hai mươi mốt năm sau vào ngày 20-4-1975, nếu sinh trưởng ở miền Bắc nay cậu đã trở thành thanh niên được đảng gửi vào miền Nam "chống Mỹ cứu nước". Người Mỹ đã ra đi từ năm 1973, những viên đạn cậu bắn xối xả suốt tháng tư 1975 và trước đó toàn nhằm vào xác anh em đồng bào.

Thế rồi một thế hệ nữa kế tiếp. Cậu bé bảy tuổi vào thời điểm 1975 lớn lên ở cả hai miền Nam Bắc, mười năm sau lại trở thành những thanh niên 17 (1985) được đảng gửi sang Lào, Cao Miên để nã đạn vào đồng loại lân bang.

Kể từ khi thực dân Pháp rời gót khỏi Việt Nam do công lao kháng chiến của toàn dân Việt (sau cộng sản cướp hết công này), hai thế hệ thanh niên đã và đang được làm phân bón cho nghĩa vụ quốc tế. Năm 1954, 1975, 1985 chỉ là những cái mốc cắm xuống dòng lịch sử để dễ nhận thấy những biến chuyển của lịch sử, thật ra từ 1954 đến 1985 hàng triệu thanh nhiên Việt xếp lớp như ngói đi vào chỗ chết để đảng nghiêm chỉnh thi hành *nghĩa vụ quốc tế* do đàn anh Nga Sô giao phó.

Không có độ dầy nào của màu sắc dân tộc đủ che nổi cái bản chất của một nền văn hóa xã hội chủ nghĩa, *quốc tế vô sản*. Một nền văn hóa tuyên truyền cho những con đường đi vào cõi chết và giết chóc. Đời người so với một triều đại đã ngắn, một triều đại so với cả lịch sử lại ngắn hơn. Những gì còn lại ở văn hóa sau khi một triều đại bị thay thế? Nhìn vào lịch sử, bài suy tôn "Ai bao năm từng lê gót nơi quê người..." cũng chẳng còn ai hát, bài ca ngợi "Hồ Chí Minh đẹp nhất tên người" cũng sẽ bị chìm vào quên lãng. Còn lại chăng, ở âm nhạc nói riêng, là những tác phẩm nói lên tình tự dân tộc xây dựng trên cung bực của âm giai đầy Việt tính. Và chắc chắn rằng dù màu sắc của âm nhạc có phai nhạt đôi chút vì giao lưu văn hóa, nhưng chỗ phai nhạt đó cũng chỉ lộ ra bản chất tình tự dân tộc, lòng yêu mến quê hương, đồng bào, phát xuất từ tình người. *(còn tiếp)*

---

(1) Nhạc sĩ Walter Carlos nay đã chuyển giống thành phái nữ, tên mới là Wendy Carlos, sáng tác mới của bà là "TRON" và nhất là "Moonscope", rất nổi tiếng tại Hoa Kỳ.

(2) Dale R. Whiteside, Traditions and directions in the music of Vietnam. *University of Northern Colorado, Museum of Anthropology.* Miscelloneous series, *No. 28, May 1971.*

(3) Trường Chinh và Đặng Đức Siêu, sổ tay văn hóa Việt Nam, *nhà xuất bản Văn Hóa, Hà Nội 1978, trang 361, đoạn 1.*

(4) Tố Hữu, Văn học là cuộc đời trích trong *Văn nghệ vũ khí của cách mạng, nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội 1982, trang 13, đoạn 1.*

(5) Lê Duẩn, Dưới lá cờ vẻ vang của đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội tiến lên giành những thắng lợi mới, Hà Nội: Nhà xuất bản Sự Thật, 1978 trang 77, 78.

Nguyễn Mai Thạch
Trường hận.

Mười năm luân lạc rừng xanh,
Mấy độ giang hồ đất khách,
Ngõ mến thềm yêu ly cách.
Ôi! Sông Hương,
Dòng êm, nước ngọt, lòng dâng nhớ thương.

Đâu sen hồ từ bi,
Hương ngát buồn thanh khiết,
Như hương chiều giã biệt,
Mẹ gầy bên cửa nhìn bước con đi?
Ngậm ngùi cha tựa gối,
Chia sẻ chí nam nhi.
Tóc dài run vai nhỏ,
Em dấu lệ chia ly.

Đầu thành xưa trầm lặng,
Gạch xếp sầu năm tháng cách xa?
Sân cũ ngạt ngào mai rụng trắng,
Nắng chiều đông ngã bóng cha già.
Hạc nội lạc về non thế kỷ,
Bụi phồn hoa, lòng ẩn sĩ,
Chiến chinh tàn tạ mộng điền viên !

Lửa hồng reo ấm mái hiên,
Mẹ ngừng tay mứt bánh,
Thầm tính mấy xuân trôi.
Ngẩng đầu nhìn hoa rụng,
Chợt thấy tháng ngày rơi.

Bâng khuâng trang sách mở,
Âm thầm em cảm thông
Mấy mùa dài thương nhớ
Mấy năm dài hi sinh,
Lặng lẽ ai quên mình.
Mắt vương buồn ý mẹ:
"Tết này chắc có anh".

Đen tối ngày vô tận,
Đêm không bao giờ tàn,
Lòng không nguôi trường hận
Sớm tung cánh lìa đàn
Tha hương ngày xanh xưa lãng phí !
Vĩ tuyến khôn ngăn tình vạn lý,
Quê hương khói lửa cháy tâm sầu.
Tóc hoa râm, xót cha đầu bạc,
Răng buốt đau thương mẹ giã trầu.
Ly loạn, ưu phiền, cao tuổi hạc,
Thềm chờ ngõ đợi não nề,
Bến nào con trôi giạt,
Ngày tù không hẹn về. *Thái Nguyên, 1971*

Lê Mỹ Hương

Lỗ lầm.

truyện ngắn.

Ông láng giềng của tôi là một người to lớn như hội pháp. Của giống người. Ông có con chó cũng to lớn như một con bò con. Lông vàng sậm, mõm đen và đôi tai lúc nào cũng đứng sững như nghe ngóng điều gì. Tên nó là Kuých, không rõ là "quit" hay "quick" chỉ nghe ông gọi nó là "Kuých" thì tôi cứ phiên âm nó ra tiếng ta như vậy. Con Kuých có một lý lịch tốt đẹp hoàn toàn về tinh thần phục vụ chủ nhân và về sự trung thành tuyệt đối của nó đối với gia đình này. Không riêng ở xứ nào, con chó đều có đức tính quý giá ấy. Ở nước ta, tính thông minh và nhạy cảm của con chó đã được đưa vào ca dao: "Lạc đường nắm đuôi chó, lạc ngõ nắm đuôi trâu".

Riêng tôi trong thời kỳ kháng chiến, đã từng được chứng kiến lòng trung thành của con chó Vàng nhà tôi. Tây ruồng. Cả nhà chạy hết. Chiều tối trở về. Nhà cửa hóa tro than. Im vắng lạ lùng. Gọi hàng xóm không thấy ai lên tiếng. Thì giữa lúc ấy con Vàng từ trong bụi chuối héo queo vì lửa táp, chạy ra vẫy đuôi mừng.

Con chó Kuých của ông láng giềng làm cho tôi nhớ con Vàng của tôi năm xưa. Con Kuých cũng tốt nết, sủa ai thì sủa chớ không sủa đám trẻ nhà tôi. Dường như nó cũng biết có tình thân giữa tôi và chủ nó. Các con tôi cho nó ăn luôn. Có gì cho nấy. Đầu bánh mì, hột gà chiên, sườn bò v.v... Nhiều khi chơi bóng, thằng con trai tôi làm lọt trái bóng sang sân nhà ông, nó chạy sang nhặt, con Kuých chỉ nhìn chứ không sủa.

Mỗi buổi sáng tôi thức dậy đi làm, thường tôi gặp ông bạn cũng đang bước ra hoặc đang khởi động máy xe. Dù trời mưa hay giá lạnh, tôi vẫn thấy con Kuých nằm ở trước cửa cái. Khi chủ nó mở cửa bước ra thì nó đứng dậy ngoắc đuôi nghếch mõm, rên rỉ chào mừng chủ.

Đôi khi nó nhảy xổm lên, cả cặp dò nó đặt cả trên ngực chủ. Người xứ này vốn yêu loài vật hơn các xứ khác, nên trước cái cử chỉ thân ái đó, con Kuých đã không bị rầy la mà còn được đáp lại bằng sự âu yếm. Ông áp mõm nó vào má ông và nói những tiếng dịu dàng như nói với tình nhân.

Nhiều lúc ông khoe với tôi: "Đây là một con chó tuyệt hảo. Tôi yêu nó chỉ kém con tôi thôi. Tôi lấy làm tự hào về nó!"

Tôi từ ngày sang đây được biết rất rõ rằng người dân xứ này có trái tim rất bao la. Yêu người, yêu thú vật, yêu cả kẻ thù vừa lăng nhục mình hôm qua. Nhưng đó là tính của họ, mình không thể có ý kiến gì, mình ăn nhờ ở đậu, chẳng mắc mớ gì.

Một buổi chiều khi ông đi làm về, như thường lệ, ông ngồi bên sân nhà ông, tôi ngồi bên sân nhà tôi, hai bên nói chuyện từ trời mây mưa gió đến hội nghị Salt 1, Salt 2 v.v... Câu chuyện đang vui nhộn, thì ở đâu không biết có con chó đen chạy qua ngõ. Cọn Kuých đang nằm ghếch mõm bên bàn chân chủ vụt đứng dậy, phóng vút ra đường và đuổi theo con chó lạ kia. Cuộc ác chiến diễn ra ngay ở giữa lòng đường. Con chó đen bị yếu thế vì con Kuých ngoạm đúng vào cổ họng nó, nó cố dãy mà không thoát. Nó kêu rên thảm thiết, bộc lộ sự đau đớn vô cùng. Ông láng giềng chạy ra quát tháo với tất cả uy quyền của một người chủ, nhưng con Kuých vì quá hăng máu đã không nghe tiếng quát của chủ hoặc nó có nghe mà nó bất tuân thì không rõ.

Tôi cũng chạy ra vừa xem vừa la tiếp, nhưng cũng vô hiệu. Cuối cùng, với kinh nghiệm bản thân, ông láng giềng chạy vào nhà lấy một sợi dây thường buộc ngang cổ con Kuých. Rồi ông đưa cho tôi một mối, ông giữ một mối, hai bên siết lại hết sức mình. Con Kuých bị siết họng nghẹt thở mới chịu há mõm ra, nhờ đó mà kẻ địch được cơ hội thoát thân... và chạy bán sống bán chết. Chắc không đời nào nó dám đi qua cửa nhà này nữa.

Sau trận hỗn chiến đó, ông láng giềng của tôi tỏ vẻ lo âu về tư cách của con Kuých. Ông nó: "Nó có thể cắn người lắm. Vì rằng nó đã dính máu, nó ngây rồi!"

Tôi nói: "Nó giữ nhà cho ông thì chó lạ tới nó phải đuổi chứ!"

Ông lặng thinh không nói gì. Hồi lâu mới lắc đầu: "Nó mà cắn người ngoài đường thì tao là người phải gánh chịu trách nhiệm. Tao không muốn chịu trách nhiệm về một con vật...

— mà ông yêu như con ông! — Tôi tiếp — và giữ nhà cho ông cả chục năm!

Lần này ông thở dài và không nói gì thêm.

Cũng vào một buổi chiều, lúc ông đi làm về, ông được nghe bà vợ tố cáo về tư cách của con Kuých. Bà cũng to người phốp pháp như chồng. Và cũng như chồng, bà rất yêu chó, nhưng lại khác chồng, bà nuôi một con chó bé tí xíu. Khi bà ôm nó vào lòng thì nó nằm gọn trên

nửa cánh tay trước của bà. Bà cưng con chó này. (Tôi không biết tên nó, vì không nghe ai gọi tên nó bao giờ) cưng cũng như con bà, theo chỗ tôi thấy. Hễ bà bước ra khỏi cửa là con chó đã để trên tay bà rồi. Bà lái xe, nó nằm bên đùi bà.

Theo ông láng giềng nói thì nó có giường riêng trong nhà. Thỉnh thoảng bà lại bế nó đi thăm đốc tờ ở nhà thương chó. Bữa chiều đó, bà ôm cục cưng của bà trong lòng, bà thuật lại rằng ở nhà con Kuých đã dã man đuổi theo con mèo hàng xóm làm con mèo phóng lên rào không kịp, bị con Kuých cắn vật suýt chết. Chưa hết, con Kuých còn cắn rụng hết ba cái lông đuôi của con gà quí giá của ông hàng xóm phía sau nhà. Con gà này không rõ vì lẽ gì hôm nay lại bay qua đây dạo cảnh nên mới xảy ra điều gớm ghê đó. Con Kuých nằm im trước cửa ngay chỗ bà đang đứng với cục cưng của bà trên tay. Nó là loại vô dụng mà được biệt đãi còn con Kuých có công mà hóa ra tên tội phạm.

Ông láng giềng nghe xong, chép miệng: "Con gà chọi đó quí giá mấy trăm đô la. Ông ta sắp mang nó sang Mếch-xích-cô để chọi ra tiền đó... Chao ôi! Rụng tới ba cái lông đuôi kia à? Kỳ này ổng thua độ, ổng sẽ đổ tội cho mình cho coi".

— Vâng, bà vợ vừa nựng cục cưng vừa tru tréo. Con Kuých đã sanh tật rồi. Không để nó ở đây được. Có ngày mình sẽ có trát tòa đòi.

— Tôi đã nghĩ tới chuyện đó từ lúc nó cắn con chó đen kia.

Hôm sau khi tôi đi làm về, ông quơ tay khoe với tôi: "Tôi đã tống khứ nó đi rồi!"

— Nó nào? Tôi hỏi?

— Con Kuých! — Ông láng giềng tiếp — Tôi mang nó đi cách đây mười "mao" mà bỏ. Thế là xong! Khỏi phải lo chịu trách nhiệm nữa!

Ông nói với giọng hả hê của một người đạt thành trong một ý định đã thực hiện được.

— Nó tốt thực, con Kuých ấy mà, nhưng khi cần vứt là vứt bạn hiểu không?

— Vâng. Không cần thì vứt — Tôi nói đẩy đưa.

Nhưng sáng hôm sau khi tôi thức dậy đi làm tôi vẫn quen thói nhìn sang cửa cái nhà bên, thì tôi lại thấy một anh chó nằm ở chỗ của con Kuých. Hay là ông ta vừa tậu một anh chó mới? Tôi bèn tìm hiểu ngay, bằng cách gọi to: "Kuých, Kuých!" Con chó nghếch mõm nhìn sang tôi. Vừa lúc đó thì ông láng giềng mở cửa bước ra. Con chó đứng dậy nghếch mõm, vẫy đuôi và chồm lên gác cả bộ dò lem luốc của nó lên ngực ông ta. Tôi không lầm, đó là con Kuých. Nó đã trở về, từ mười "mao" xa lắc.

Ông láng giềng không tỏ vẻ vui mừng, cũng không cáu tức, mà cứ lẳng lặng ra đi làm. Tôi cũng lặng lẽ đi. Bụng nghĩ chắc ông láng giềng sẽ xót thương con vật mà không đem quẳng nó đi nữa. Nhưng không

phải như tôi nghĩ. Buổi chiều đó khi cơm nước xong, ông tốt một điếu xì gà to tướng gặm gặm rồi bảo tôi: "Lần này tao sẽ bỏ nó xa hơn và tận ở đồng quê kia đấy!"

Rồi ông lấy cái dây da mới toanh tròng vào cổ con Kuých, lại móc một sợi dây xích sắt vào tròng dây da kia rồi cầm sợi xích mà lôi con Kuých ra đường, nơi đó, bà vợ ông đang đứng, một tay ôm cục cưng dính vào ngực, một tay mở đít xe chiếc Station Wagon cũ. Con vật không biết gì cứ ngoan ngoãn theo chủ ra đường và theo lệnh chủ nhảy tót lên ngồi trong xe. Ông ném sợi dây xích vào xe rồi co chân đạp cái cửa xe đóng sầm lại.

Rồi bà vợ ra ngồi ở băng trước vẫn với cục cưng dính cứng trên tay, trong lúc ông chồng lái xe vút đi. Tôi đứng bên sân nhà tôi mục kích cả cái cảnh đó. Nét mặt của ông có vẻ nghiêm trọng vì điếu xì gà hơn là vì hành động tống khứ con Kuých lần thứ hai. Lần này, ý chừng để cho chắc ăn hơn, ông đem cả bà vợ theo để làm cố vấn.

Mờ mờ tối ông mới trở về. Ông khoe với tôi: "Tôi chạy ngoằn ngoèo, nó không thể nào nhớ nổi đường về... Hơn nữa, tôi đã xích nó cẩn thận vào một gốc cây ở ven rừng. Nó không thể đứt dây xích nổi". Rồi với vẻ vừa yên tâm vừa đắc thắng, ông ngồi gặm một điếu xì gà mới trong bóng tối.

Nhưng sáng hôm sau, tôi cũng lại thấy con Kuých nằm ở bệ cửa cái. Vì là ngày chủ nhật nên ông dậy trưa. Thế mà con Kuých vẫn nằm đó chờ chủ thức dậy đi ra để biểu lộ sự trung thành, sự sung sướng hằng ngày đối với chủ.

Mãi tới hơn 9 giờ, ông mới mở cửa bước ra. Tôi đang chơi với các con tôi bên sân nhà. Tôi nhìn sang thì thấy con chó Kuých chỉ đứng dậy, đầu nó mọp xuống, và đuôi nó chỉ vẫy khe khẽ chứ không ríu rít như mọi ngày. Có lẽ nó hiểu ra dã tâm của chủ nó, nhưng vì lòng trung thành cố hữu của giòng giống nó, nên nó lại tìm đường trở về cố hương.

Các con tôi ùa cả lại hàng rào nhìn xem con Kuých. Mắt bên trái của nó bị thương máu đổ dọc xuống mõm. Trông nó có vẻ bi đát quá. Có lẽ nó đã chiến đấu nhiều trận ở dọc đường với nhiều kẻ lạ nên mới bị thương đến thế. Hình như cổ nó cũng bị tuột da lòi thịt đỏ hói. Chắc nó phải dùng hết sức để dãy thoát khỏi cái tròng dây da siết chặt cổ nó do chủ nó buộc vào để cho thú rừng xé xác nó, làm cho niềm tự hào trước đây của ông không còn làm bận ông nữa.

Suốt một ngày chủ nhật, tôi không thấy con Kuých xuất hiện. Các con tôi cho tôi biết là nó nằm dưới gầm xe, và "có vẻ buồn lắm". Nó chui trốn.

Tôi cũng buồn lây, nhưng ông láng giềng của tôi thì không buồn mà lại bực. Ông nói với tôi: "Tôi không thể hiểu được con chó này. Tôi đã bỏ nó xa 30 "mao" mà nó vẫn mò về được là sao?"

Sáng hôm sau, tôi thấy con Kuých nằm ngủ im trên thềm nhà với vẻ yên tâm rằng, với lòng trung thành của nó đã được thử thách hai lần, nó sẽ được ông chủ chấp nhận, mà bỏ hẳn cái ý định sắt đá "tống khứ" nó đi. Con chó Kuých được sống, được cho ăn một cách bình thường. Tôi và lũ con tôi lấy làm vui mừng vì đã không mất một người bạn tốt.

Nhưng vào một buổi trưa, tôi thấy ông và bà đang loay hoay làm gì ở trước sân. Cục cưng của bà to bằng con chuột cống đứng dưới váy của bà mà sủa gâu gâu trong lúc bà đang phành miệng một chiếc túi ni-lông to, đen. Thấy tôi nhìn sang. Ông cắt nghĩa: "Tôi đã cho nó một liều thuố... ốc độc". Ông vừa nói vừa ôm xác con Kuých lên tuôn gọn vào bao ni-lông. Bà vợ ghê tởm, quay mặt, rồi cúi xuống ôm cục cưng lên đi thẳng vào nhà. Ông túm miệng túi ni-lông, lôi nó ra đường và ném nó lên thùng xe truck. Tôi cũng đi ra theo, nhìn. Con Kuých hãy còn dãy dụa. Ông lại cắt nghĩa: "Vợ tôi bảo tôi cho nó hai liều, tôi nghĩ chỉ một là đủ giết nó." Rồi ông mở máy xe chạy vút đi.

Khi ông trở về, ông có vẻ hơi buồn. Ông bảo rằng ông đã vứt con Kuých trong khu đổ rác. Ông có vẻ yên tâm, hay để giấu đi sự xúc động trong lòng, ông lấy xì-gà ra hút mặc dù ông không có thói quen gậm xì gà vào buổi trưa.

Tối hôm đó tôi đang ngủ. Bỗng nghe tiếng chó tru áo não ngoài cửa ngõ. Linh tính báo cho tôi biết là con chó Kuých đã lại trở về. Nó không chết ư? Tội nghiệp! Với chiếc đèn pin trên tay tôi ra cửa rào thì thấy đúng là con Kuých, nhưng nó đã nằm ngay cửa rào nhà tôi chớ không phải cửa rào của nó. Không hiểu tại sao! Có lẽ vì nó kiệt sức nó chỉ lê thân tới đây rồi không còn sức lết đi nữa, dù chỉ vài bước. Hay là cái liều thuốc độc đã làm cho bộ óc nó như hư hỏng mà nhận lầm cửa ngõ nhà tôi ra cửa ngõ nhà nó? Hay là... nó đã hiểu ra lòng dạ của chủ nó nên dù nhớ cố hương muốn về mà không dám về hẳn đó mà chỉ về bên nhà tôi?

Tôi quả tình muốn ôm con vật mà khóc, mà đem vô nhà để nuôi. Nhưng tôi biết là con Kuých đang hấp hối, nó không còn sống nổi. Con mắt trái bị thương của nó thì máu be bét,mắt bên phải thì đã lờ đờ, hết ánh sáng. Toàn thân dài ngoằn, sóng soài thoi thóp và hôi hám. Có lẽ nó đã dùng hết sức tàn của nó để phá thủng chiếc túi ni-lông và đội cái "mồ rác" để vượt về đây.

Đôi mắt nó nhìn tôi, như nói: ...! Nói gì? Tôi khom xuống để nhìn, để nghe. Có lẽ ông láng giềng của tôi có đôi tai thính lắm cho nên, khi tôi vừa đứng lên thì ông ta đã đứng sau lưng tôi rồi. Ông đã nghe tiếng con Kuých tru và đã ra đây đứng sau lưng tôi mà không nói gì, từ lâu.

Ông khom xuống xốc con Kuých như bế một người ốm vào nhà. Tôi rọi đèn cho ông đi và mở cửa cho ông vào nhà. Ông mang con chó

vào phòng khách, đặt nó trên sô-pha. Ông có vẻ lúng túng, ân hận trước sự hấp hối của con vật. Tôi lặng lẽ trở về nhà. Tôi thức tới sáng luôn, không ngủ được, cứ bị cặp mắt của con Kuých ám ảnh. Khi tôi bừng mắt dậy thì mặt trời đã cao. Ông láng giềng ngồi giữa sân nhìn ra đường, hai bàn tay sè ra để trên hai bắp vế, mắt như ngó mông qua làn khói của điếu xì-gà đã cháy quá nửa.

Tôi bước ra sân, chưa kịp hỏi gì thì ông đã nói: "Con Kuých đã chết rồi! Tôi đã đem nó đến bác sĩ để cứu cấp, nhưng bác sĩ nói đã quá muộn!"

— Trời ơi! — Tôi kêu lên, đau đớn.

— Bác sĩ nói ruột nó đã đứt từng đoạn.

Tôi lặng người ra. Ông láng giềng ngồi im như gỗ. Hai hàng nước mắt của ông chảy dọc xuống như hai con sông lấp lánh. Ông không chùi. Ông cứ để vậy, bệu bạo nói tiếp:

— Nếu như nó có linh hồn thì linh hồn nó sẽ oán hận tôi vô biên!

Rồi lại nói tiếp:

— Nếu nó sống lại được nó sẽ không thèm ngó tôi nữa.

— Không, nó vẫn vẫy đuôi mừng ông chứ, ông là chủ... cũ của nó mà!

— Đây là lỡ lầm lớn nhất của đời tôi. This is the biggest mistake of my life. Tôi không bao giờ còn có được con Kuých nữa!

Hai dòng sông lệ trên má ông vụt đầy lên, tràn trề.

Hoa Kỳ, ngày 15-6-85
Lê Mỹ Hương

SỬA CHỮA

Trong VHNT số 2, bài *Nhận định* của họa sĩ Nguyễn Quỳnh có một vài chỗ sai sót quan trọng, xin được sửa lại :

* Trước *lời nói đầu*, tác giả có trích hai câu sau đây của Hsieh Ho (500 sau Công Nguyên).

"Tranh luôn luôn có tranh hay tranh dở...
Nhưng nghệ thuật cổ kim chỉ có một mà thôi".

* Ngoài ra:

1.08 Câu "Vì kinh nghiệm siêu hình... đức tin" thừa vì câu này thuộc về câu 1.07

1.25 In là "hoặc *có* ý niệm" xin đọc là "hoặc *về* ý niệm"

6.11 Trong bản thảo cả câu này in *chữ đứng* chứ không phải *chữ nghiêng*.

Hoàng Xuân Sơn

Điều ghi nhận ở một nơi đến.

Ở phố X có đôi điều buồn bã.
có bạn ra đường ngợ mặt nhìn nhau
đầu cúi gầm bước đi vội vã
(phải cuộc sống bon chen hằn thêm mặc cảm da mầu?)

Ở phố X mùa đông dài sáu tháng
có áo bành tô che kín mặt mày
đội tuyết đi xem cuộc đời lạ lẫm
một ngày buồn khói rụng trên tay.

Ở phố X phố nhà đủ cỡ
tìm đâu ra một lối hẹp vừa
một ngõ thân thương níu đời ở trọ
có bạn bè về kể chuyện nắng mưa.

Ở phố X thèm ngồi quán ngọ
nhớ bóng me cao đụt nắng bên đường
những chuyến xe qua mịt mù bụi đỏ
một tối đi về me vẫn chờ cơm.

Ở phố X giày mòn gót vẹt
có bước ngược xuôi tất tả kiếm tìm
có bus-metro hằng ngày nhẫn mặt
và cuộc đời còn đeo mãi dấu than !

Ở phố X có người cố tình quên tiếng Mẹ
nhìn bạn tới sau bằng mắt nửa vời
ôi tình chung dẫu kẻ lành người khó
hai tiếng đồng bào rẻ rúng đầu môi!

Ở phố X có người hủn nhục
sống vẫn thân tâm nhìn kẻ tội đờ
tội bỏ quê hương tội làm mất nước
nên vẫn đêm dài mắt trắng buồn lo.

Ở phố X có đôi điều chân, giả
Có bạn ra đường xin hỏi một câu.

Nguyễn Văn Sâm

Nói với khoảng không.

Nắng đổ lửa mà tôi không có tới một miếng giẻ rách để che cái lưng da mèo tam thể lốm đốm chỗ tím bầm, rách nát, tăn-tăn, xon xót máu ri rỉ ứa. Cái áo tôi vẫn nằm đó, cách không đầy một thước khi một thằng oắt con trong bọn chúng sau khi dân trong xã đã tản mác hết, đứng ngó quanh quất một hồi rồi buồn tình đưa tay giựt mạnh ra khỏi mình tôi, hỉnh mũi, khinh khỉnh liệng xuống đất, nhăn mặt, phủi tay bước mau vô trụ sở không thèm ngó tới cái bản mặt tôi để coi phản ứng như thế nào. Lúc đó tôi vừa bực mình vừa tức cười, thằng ranh con hỉ mũi chưa sạch đã bày đặt học cách làm bộ làm tịch ta đây, nhưng bây giờ ngó cái áo, tôi tiên tiếc, nếu nó không đi ngang, hay nó không hiện hữu trên đời nầy thì tôi bớt khổ vì nắng sương, vì bầy ruồi quái ác kia. Bầy ruồi mắc dịch mắc toi không biết ở đâu rủ nhau tới đây nhiều quá, chúng cứ thọc mấy cái vòi khốn nạn vô miệng các vết thương no nê thưởng thức bữa tiệc máu người. Đau nhói tim, buốt thấu tới mây xanh chứ phải chơi sao? Chúng mê man rít như tôi mấy bữa trước còn ở trong phòng giam, được nửa điếu thuốc Vàm Cỏ do bạn bè cùng tù thương tình quăng cho, rít lấy rít để sau thời gian đằng đẵng thèm thuồng.

Như Ngài thấy đó, tay chân tôi bị cột chặt như đòn bánh tét, như con heo bị khiêng đi thọc huyết khi làng có đình đám; bốn chưn bị cột chụm lại, một cây đòn xỏ ngang. Tòn teng. Rên than en-éc. Nước miếng trắng xóa nhểu-nhảo. Mặc tình. Người ta vẫn khiêng, công việc

vẫn tiếp tục. Vậy nên tôi không than van hay chưởi bới gì hết. Cắn răng chịu đựng, im lặng là vàng. Không phải sự im lặng đồng tình, mà là sự im lặng khinh bỉ phản đối. Đứng yên lâu quá rồi tôi thèm được nhúc nhích, luôn tiện tống lôi tống khứ bọn ruồi hút máu ác độc nầy đi, nhưng cây cột trụ chết bầm dính cứng ngắc dưới đất hợp với mấy sợi dây luộc mắc dịch dai nhách như những ngón tay thép của một người khổng lồ ác độc giữ lại, chỉ cho phép tôi gồng mình chịu đựng, đứng chết trân như trời trồng, không cách nào khác hơn. Trở về với mấy con ruồi. Cả đàn cả đống, vo ve, xì xào bay lên đậu xuống hí ha hí hửng như mấy thằng công an cười cười nói nói ậm-ọe gỡ gạc bằng miệng bằng tay mấy người đàn bà buôn chui coi bộ sạch nước cản mỗi khi xe đò ngừng lại trạm trách nhiệm của chúng ở đằng cái nhà trước mặt. Tôi nhăn mặt bực bội vì mấy con ruồi, tôi muốn nổi máu xung thiên lên vì mấy thằng nhóc đó. Cả hai hòa hợp như một ban đại hòa tấu trình bày tính chất vô nhân, nhịp nhàng, xướng họa, đầy đủ bi tráng hăng say, hồ hởi. Tôi chỉ việc nhắm mắt, như con đà điểu trốn chạy thực tế để xua đuổi những hình ảnh đau lòng ra khỏi thị quan, nhưng đối với bầy ruồi kia thì là một vấn đề.

Tôi rùng vai, nhăn mặt, cố nhúc nhích mấy thớ thịt giờ đây cũng bắt đầu làm biếng không muốn hoạt động nữa, hi vọng chúng sợ hãi, nhưng chúng chỉ chớp cánh bay lên một chút, một chút thôi, rồi đáp xuống tiếp tục tận hưởng bữa tiệc ngon lành đã được dọn sẵn. Tôi bị mất tự do mà! Chúng biết tỏng điều đó nên cứ nhởn nha, nhởn nhơ. Rù rì, rủ rỉ. Vo vẻ, vo ve. Tôi nghe rõ ràng âm thanh của máu chuyền từ vết thương trên mặt mình, qua mấy cái vòi nhỏ, vô thân thể béo tròn, lầm lầm lì lì, tuy nhỏ bằng hột đậu nhưng tỏ ra rất chăm chỉ bòn rút chút sinh lực quý giá cuối cùng của tôi. Đâu cũng vậy, cũng nguyên tắc đó, yếu mạnh, bóc lột. Trước khi bị cột dính khứn ở đây, tháng trước chứ đâu lâu lắc gì, tôi đã phải hồ hởi phấn khởi cơm bới cơm xách cùng với mấy ngàn người khác giầm mình dưới nước ối đọng, hôi thúi, tanh tưởi như nước sông Nại Hà múc sình, xắn đất không công cả tháng, về nhà phờ phạc, mụn ghẻ nổi cùng hết mình mẩy rồi.

Phải ruồi thôi đâu, còn đệ tử của ông nữa. Tôi có thể nói như vậy được không hả? Mặt trời đó. Chói chang trên đỉnh đầu, kiên nhẫn nạo ra từng chút nước nhỏ mọn trong người, trong cổ, trong miệng tôi. Rác muốn xé cần cổ. Mỗi hơi thở như hơi lửa táp cháy đốc giọng, như ai đó cào từ trong phổi tôi cào ra. Tôi thấm ướt cuống họng bằng cách nuốt hơi, hi vọng khí trời thấm.mát, nhưng càng nuốt, xương quai hàm hai bên càng bướng bỉnh, nó cứng lại, đau thốn như lúc bị bịnh quai bị. Tôi thử đủ mọi cách, nào là thở ra bằng miệng, nào là nín thở, nhưng tất cả mọi cách đều vô hiệu. Tôi muốn chết giấc. Thét rồi tôi trân mình chịu đựng, không dám nhúc nhích, không dám nuốt nước miếng, không dám nuốt hơi, cố gắng tiêu thụ một số thật ít năng

lượng để cơ thể có thể chịu đựng được lâu dài hơn. Tôi biết mình cuối cùng sẽ thất bại, thảm hại như anh chàng võ sĩ về già thiếu miếng thịt bò trong truyện của Jack London. Gục đầu dưới nắng cháy da ban ngày hay chết cóng trong sương lạnh buốt tủy ban đêm, tôi chưa biết được. Nhưng tôi biết chắc chắn rằng bản năng sinh tồn sẽ giúp tôi chống chõi lại sự tàn lụn của thể chất để kéo dài sự sống đến lúc cần thiết. Chắc chắn là tinh thần sẽ thắng cái thân thể yếu đuối nầy. Như sự đánh gục nguyên tắc căn bản mà chúng thường rao giảng.

Tất cả tùy thuộc vào tôi. Vào sự quyết sống của mình. Tôi biết tôi làm được. Tôi mệt yếu lắm rồi, nhưng với quyết tâm tôi chắc chắn Thần Chết cũng phải đứng chờ cho tới khi tôi xong việc. Chắc Ngài ngạc nhiên hỏi: Để làm gì? Ích lợi gì một vài giờ phù phiếm trên cõi đời nầy khi mình sắp từ giã nó với một ý nghĩa ?

Tôi đợi nàng. Bữa nay thứ năm rồi, Ngài biết không? Ở mà thời gian có nghĩa gì với Ngài đâu, chỉ là cái mốc loài người chúng tôi bày đặt cho tiện việc sổ sách, chứ Ngài, Ngài tính từng thời kỳ địa tầng. Cả triệu năm cũng còn nhỏ. Ủa mà tôi đi quá xa. Trở về chuyện thứ năm. Tụi nó đem tôi ra đây hồi trưa thứ ba. Thằng trưởng ban hẹn đào, hẹn điếc gì đó ở xa, vọt cuối tuần nên về trễ. Nhờ tình yêu của nó mà tôi được dời cục hình lại một ngày. Cám ơn tình yêu. Nếu chuyện của nó thật sự là tình yêu. Chuyện nầy cũng hiu-hắc nữa. Chỉ nẩy lộc, đâm cành kết trái khi có hạt giống tốt và môi trường thuận lợi. Hạt giống tình cảm đã bị ung thối vì quyền thế và mù quáng làm sao tình yêu còn đất đứng để phát triển? Tôi đã chịu đựng được từ đó tới giờ nhằm nhò gì với sáu chục giờ nữa. Tôi đủ sức đợi. Chúa nhật nầy trên đường bố hàng, nàng sẽ thăm tôi. Xe cộ lâu lắc, khó khăn, không biết chừng nào mới tới. Sớm nhất cũng năm sáu giờ sáng. Không phải đợi tới chừng đó tôi mới chờ nàng, mong nàng. Tôi đã ngóng trông từng giây, từng phút ngay từ lúc mới bị kéo lê kéo lết ra đây lận. Có khi tôi ao ước nàng đổi thời khóa biểu, đi ngang đây trước giờ dự định, thứ sáu thứ bảy gì đó. Tôi muốn được gặp nàng càng sớm càng tốt. Không phải để hôn hít, ôm ấp. Cần gì đâu chuyện đó? Không phải để khóc than kể lể nước mắt vắn dài. Cải lương quá. Đã chấp nhận làm viên gạch lót đường, cần gì những thứ đó ?

Hai tuần trước, tôi cho nàng biết mình đang bị theo dõi và có thể nguy hiểm bất cứ lúc nào, một người bạn cùng đơn vị của tổ chức đã sa lưới cách đây một tháng. Tôi chấp nhận bị bắt để chúng tin rằng tổ chức của tôi theo đội hai người hầu bảo toàn phần còn lại của đơn vị. Đó là qui luật cách mạng. Hi sinh. Mấy năm nay tuy chánh quyền bị cưỡng chiếm nhưng tôi chưa bị trầy vi tróc vảy gì nhiều. Binh sĩ địa phương quân nghe chửi bới ba ngày. Nhằm nhò gì? Công ăn chuyện làm không có. Bình thường thôi! Quốc nạn mà. Coi như trải qua một cơn hồng thủy, thiên tai nắng hạn. Thủy lợi không công một năm hai

tháng. Cũng được đi. Ích lợi chung! Tôi chỉ còn mẹ già. Không vợ con, anh em không ai bị giết, không ai đi học tập. Làm chuyện nước, đâu phải vì bất mãn, vì muốn sửa lại cuộc đời của riêng mình. Tôi vẫn cười mũi mấy thằng cách mạng hí hửng ở địa phương. Ngày 1 tháng 5 năm 75 thằng Tư hớt tóc, chột mắt, biệt danh "Tư bài lận" chủ cái tiệm ọp ẹp đằng góc đường trong khu xóm tôi tiếp thu Tòa Hành Chánh. Bà năm què bán cơm trước bịnh viện, người nổi tiếng què mà đanh đá luôn luôn chửi bới khách hàng bệnh tật nếu họ run rẩy làm đổ cơm hay nước mắm trên cái bàn ăn dơ dáy của bà ta, tiếp quản Bịnh Viện. Thằng hạ sĩ nhất Tâm già, tài xế chuyên viên ăn cắp xăng và bán đồ phụ tùng trước đây bị phạt lên phạt xuống bây giờ đại diện người anh em bên kia nhận Tiểu Khu. Hỏi họ lý tưởng cách mạng, được trả lời phân chia lại đồng đều của cải, không còn người giàu, người nghèo, không còn bất công. Tôi biết ý niệm nầy hiện ra trong lòng họ với những tính toán, ganh tỵ. Tôi biết khi nhảy vào cuộc chơi "cách mạng" họ đã cân phân được thua. Không có gì để mất, nhưng hi vọng có quá nhiều để được. Cách mạng mà! Đời mà! Nói chuyện về tụi nó, bắt tôi nhớ tới cha tôi, người cha tôi không nhớ rõ mặt. Lờ mờ đâu trong xa thẳm dưới đáy huyệt ký ức hồi hai ba tuổi có một ông nào đó lạ quắc lạ quơ thỉnh thoảng ban đêm tới nhà ẵm tôi, tôi sợ hãi khóc ré lên. Mẹ tôi luôn luôn quấn quít ông ta hay lăng xăng dưới bếp bận bịu với những món ăn, bỏ tôi một mình chơi với mấy món đồ chơi đã chán chê và buồn ngủ. Đêm đó thức giấc thế nào tôi cũng khóc ré lên vì chung quanh chỗ nằm là khoảng rộng mênh mông, sự ấm áp và che chở của người mẹ thương yêu quen thuộc hằng đêm không có. Mẹ tôi có dỗ dành cũng gượng gạo bồn chồn. Tôi không nhớ rõ mình có nghĩ về chuyện cha tôi đã ra đi hay chưa. Tôi chỉ biết mình lại ngủ thiếp trong tức tưởi vì mẹ tôi lớn tiếng dọa nạt. Mộng mị phủ tràn trong giấc ngủ. Chuyện nầy kéo dài tới khi tôi lên năm tuổi, lúc bắt đầu biết ganh ghét cha tôi thì ông không về nữa. Mẹ tôi chưa bao giờ hé môi nhắc gì đến ông ta, chỉ lo tảo tần nuôi chúng tôi ăn học.

Rồi tôi quên bẵng đi người cha xa lạ đó. Sau nầy tôi mới biết cha mình bị Tây bắn chết hồi năm 51, 52 gì đó lúc mà theo lời bà ngoại tôi mỗi lần có chuyện lên Sàigòn bà thèm đi coi cải lương nhưng không dám bén mảng tới rạp vì gần như tuần nào cũng có nạn lựu đạn liệng trong rạp hát, không rạp Nguyễn Văn Hảo, thì Thành Xương hay Aristo. Tôi có đọc được một hai bức thư người gởi cho mẹ tôi, mà bà trân trọng giữ gìn trong hộp nữ trang. Lá thư đã rách ở những lằn xếp, được viết trên giấy tập học trò có gạch hàng và chừa lề bằng một đường gạch đỏ từ trên xuống dưới. Đại khái người than nhân loại đã đi trật đường. Nhóm mạnh đi khai thác sự chậm tiến kỹ thuật của nhóm yếu, bòn rút tài nguyên của các dân tộc nầy. Nhóm yếu vùng dậy, cuối cùng tìm sự hỗ trợ của một lý thuyết đặt nền tảng trên bạo

động, đặt mục tiêu trên sự thành công, bất chấp phương tiện. Người đã đau lòng chứng kiến từng đoàn từng lũ dân vô tội chết oan vì bị nghi ngờ trong đó có một người làm điềm chỉ cho Pháp. Người đã bất mãn vì sự chèn ép của cấp trên nịnh nọt, bò lên chức vụ cao cấp vì thuộc về một nhóm bí mật nào đó đang lèo lái công cuộc kháng chiến. Người được rủ rê gia nhập nhưng còn chần chờ vì chưa thỏa mãn những vấn nạn tự đặt về nguyên tắc đấu tranh. Những bức thư đó tôi đọc từ lâu lắm; từ lúc còn ở một hai năm đầu trung học.

Và tôi được yêu... Cùng một lứa bên trời lận đận. Lũ chúng tôi một lũ sanh nhằm thế kỷ, đồng điệu. Gặp gỡ nhau phải cảm thương thôi! Tình yêu tươi mát hồn nhưng không dập lửa hờn khi càng ngày bi kịch bên ngoài càng tiếp tục đập vào nhãn quan nhiều hơn. Quá nhiều. Không đếm xuể. Tôi năn nỉ một người bạn thân khi thấy anh này có vẻ gì là lạ. Úp úp mở mở. Tôi gia nhập tổ chức nửa năm sau đó. Học tập.... Nhận định tình hình. Kết hợp. Phát triển cơ sở. Thời cơ chưa thuận tiện cho những hoạt động phô trương. Thỉnh thoảng một mớ truyền đơn nhắc nhở sự có mặt. Thế thôi! Trụ và bảo toàn lực lượng. Lắm khi nhìn những ánh mắt của dân chúng sáng ngời tin tưởng, một sự tin tưởng tuyệt đối của người đẩm thuyền trước tấm ván bập bềnh cách vài sải tay, tôi vừa vui vừa thẹn. Trường hợp cháy kho đạn thành Tuy Hạ là một điển hình. Người ta náo nức tuôn chạy ra đường. Người ta hớn hở reo hò. Tới rồi! Tới rồi! Người ta phóng đại tưởng tượng về những chuyện trời long đất lở. Mọi người như được quấn ngược ống chỉ thời gian, cởi mở, phóng tâm, rút ra khỏi cái mu thủ thế ba năm nay để rồi sau đó lại tiu nghỉu, thở dài. Một vài người bồng bột bị nạn về sự vui mừng đó. Tôi đau nhói tự trách. Tôi mặc cảm sự bất lực của tổ chức. Rồi phong trào non nớt của chúng tôi cuối cùng cũng không thoát khỏi màn lưới chó săn của nhóm quá nhiều kinh nghiệm phá hoại trong thời gian chưa cướp được chánh quyền trước đây...

Tôi bị cột nơi nầy như Ngài biết đó. Hôm qua lại có màn tập họp để xét xử. Cái trò sử dụng dân chúng thực hiện mưu đồ ở đây như cơm bữa. Mấy tên cò mồi la hét cho tới mỏi miệng. Dân chúng dàu dàu, che mặt, để tay lên tim. Im lặng nặng nề kết băng không khí mỗi khi tên trưởng ban công an tuyên bố điều gì. Tôi được an ủi bằng những cặp mắt đỏ, những cánh tay quẹt vội nước mắt. Tình người không thiếu dầu cho hoàn cảnh đã loạn cuồng, lòng ái quốc như một chảo dầu đang cần cái chết của tôi để đun sôi. Một vài bác xe lam ngừng lại nhìn thoáng qua cảnh tượng, lầm bầm chửi thề rồi rồ gaz chạy tiếp. Tôi biết bác bực mình, tức tối. Tôi biết bác không chịu được. Bao nhiêu đó đã đủ, tôi không đòi hỏi hơn. Tôi cần kể lể dài dòng không nhỉ? Mà thôi... Cuối cùng chánh án tòa án nhân dân xã, *"Tư bài lận"* đó, đứng lên buộc tội tôi rồi hỏi có ai phản đối hay

không? Không ai trả lời. Hắn tuyên bố đồng bào đã im lặng đồng tình với lời buộc tội đứng đắn của hắn. Tội của tôi đã được nhân dân xác nhận.

Tới giờ tôi vẫn buồn cười. Khôn chứ phải không Ngài? Mà là sự khôn vặt. Vậy là tôi chờ chết. Điều quan trọng với tôi không phải là sự hiện diện của mình trên đời này, mà là những chuyện khác. Tôi đã làm xong. Nhập cuộc vào phía chính nghĩa. Sống chết cho tình yêu. Tôi hãnh diện để nói như vậy và tôi chắc tụi nó sẽ tức hộc gạch khi thấy một tử tù vẫn có người yêu đến nhỏ những giọt nước mắt, còn chúng nếu nằm xuống chỉ được những bãi nước miếng, những cái bĩu môi. Nàng đến, chắc chắn như vậy. Không có điều gì để nghi ngờ. Khi nghe tôi nói tôi có thể bị nạn, nàng chỉ mỉm cười. Ngục hình, tình yêu, tin tưởng những thứ đó làm lớn con người hơn là sự trốn chạy để tìm lấy an toàn. Tôi khuyên giải, tôi làm mặt giận nhưng cuối cùng tôi chịu thua nàng, có Nguyễn Thái Học, phải có Nguyễn Thị Giang, thêm nữa. Không có chế độ nào bắt người tình vì người kia phạm tội. Mất nàng nói sự quyết tâm, làm sao tôi cản? Đó là tình yêu. Đó là tư cách con người. Nàng nói mình chấp nhận tại sao tôi không chấp nhận được sự khổ của nàng?

Nàng sẽ đến. Làm sao cấm cản được. Làm sao xóa bỏ được tình người đối với những người đã tắm trong tình thương từ lúc chào đời? Sự kiện nầy tôi biết sẽ là bài học quý giá cho chúng. Mấy chục năm trầm mình trong đui mù tình cảm, họ có lý để tàn ác. Nhưng tôi chắc ở với chúng tôi một thời gian tất cả sẽ đổi thay, họ sẽ lột xác, sẽ xét lại, sẽ trở về bản tính con người. Tôi chắc như vậy. Nhưng đó là chuyện tương lai. Hiện tại, tôi biết mình không thể thoát được. Họ làm theo cách thế của họ, khác với chúng tôi. Trước đây, bắt được tù binh hay tiếp nhận hàng binh, chúng tôi cho ăn uống đầy đủ, chữa trị thương tích, thuyết phục, lôi kéo hay đem ra tòa xử, bình đẳng, công bình, không định kiến và cũng không trừu tượng hóa. Nơi người nào tôi cũng nhìn thấy hình ảnh Việt Nam trong mắt, trong dáng đi, điệu đứng. Tôi cũng thấy qua họ, con thơ, vợ yếu, mẹ già. Nhưng khoảng một năm trước ngày miền Nam sụp đổ tôi bị bắt trong một trận bị công đồn bằng chiến thuật biển người. Xin Ngài nghe kỹ, tôi không sợ hãi, không rúng động, mà chỉ bàng hoàng đau xót khi nghe người chỉ huy của họ ra lệnh giết tất cả tù binh ngụy đánh thuê ác ôn côn đồ. Họ tự khoác lên người cái áo chính nghĩa và khoác lên người khác bộ áo ngụy tà để theo đó mà hành xử tùy loại, tùy nhóm, tùy giai đoạn, không biết tới một con người cụ thể nào trước mặt.

Lúc đó may mà tôi thoát được nhờ tinh thần hi sinh cao cả của mấy người bạn, nhờ sức chịu đựng dẻo dai, nhờ thuộc nằm lòng cẩm nang mưu sinh thoát hiểm để giờ đây lần nữa chứng kiến được bản chất của họ. Tôi trần tình với Ngài như là sự thực hiện bổn phận với

bạn bè đã chết. Tôi đã làm hết sức mình trước ngày bị bắt. Tôi dùng những hơi thở chót để nói với Ngài. Ngài hiện hữu hay không? Ngài đã chết hay chưa không thành vấn đề. Tôi trần tình, cứ việc trần tình. Những vấn đề khác thuộc về lãnh vực mà tôi không có khả năng giải quyết. Không phải vì tuyệt vọng nên tôi nói với Ngài để cầu xin ân huệ. Tôi cố gắng làm điều gì thật có ý nghĩa trong khoảng thời gian chót. Tôi muốn chứng minh trong một xã hội tha hóa, nơi cai trị bởi những hình nhân bằng đá được hà một hơi sinh khí bằng bùa phép danh từ, đối diện với cả bản án tử hình, hành động vì tình yêu vẫn có...

Mấy giờ rồi? Trời chưa sáng mà. Sao tôi nghe loáng thoáng có tiếng chân người. Ngài thấy đó, tôi nói có sai đâu, nàng đã tới. Ủa, tôi sao vầy nè? Mắt mở không được. Chân tôi đã tê lâu không còn chống đỡ nổi cho thân hình, tôi còn trụ được là nhờ mấy sợi dây luộc cột dính như Ngài biết đó. Miệng khô cháy tôi không ú ớ được đã đành, nhưng tôi phải mở mắt ra được chớ? Đầu tôi nhức nhối, tôi quay mòng mòng trên không trung cách mặt đất độ vài chục thước. Không cần. Tôi phải thấy nàng mới được. Tôi sẽ diễn tả bằng mắt để nàng biết chuyện gì phải làm. Ồ mà tiếng chân đã gần lắm. Coi bộ nàng tới với bạn bè chớ không phải chỉ một mình. Càng tốt, chuyện nầy, thêm nhiều người chứng kiến cũng không sao. Việc quan trọng là nàng đã tới. Hình như không phải nàng. Tôi nghe tiếng chân hơi mạnh. Xì xào giọng vịt đực. Cái gì? Tôi không hiểu gì hết. Anh Ba vớt cú nầy thiệt đẹp. Thằng con đó tử nạn thì em nhỏ trước sau gì cũng thuộc về ảnh như mấy đứa bị đá đít trước kia mà thôi. Làm bộ làm tịch, ỏng-ẻo, chưởi bới rồi cuối cùng cũng bị vớt, mà vớt bạo nữa. Mang bầu cả lũ. Con nhỏ nầy ngon lắm, tiếc là anh Ba hơi già. Cho tao, tao lạy mỗi ngày để được... cái gì.... thì tao cũng lạy. Tao thấy nó khóc tao thương quá. Tụi nầy lẩm nhẩm gì vậy? Tôi không còn nghe chân tôi tê dại nữa. Chỗ nhức nhối ở đầu gối sưng vù kia cũng hết đau. Chỗ thôn thốn ê ẩm nơi thắt lưng phía sau với chỗ tức tức cạnh be sườn bây giờ tôi cũng nghe rất thảnh thơi. Sao kỳ vậy kìa? Không lẽ tôi đương chết từ dưới chân chết lên. Bậy nà! Nàng chưa tới mà!

Ờ mà Ngài có nghe không hả? Sao tôi chỉ thấy lặng trang chung quanh, chỉ có nhạc đưa ma của loài trùng loài dế. Trời chưa sáng sao? Phải sáng để nàng tới chớ. Ủa? Sao tôi cảm thấy mình không còn chút gì minh mẫn hết? Tôi thua cuộc rồi? Không lẽ Ngài không hiện hữu? Không lẽ Ngài chỉ là Ông Xanh? Chỉ là kẻ cắc cớ chết đuối người trên cạn mà chơi, đành hanh quá ngán, coi thiên hạ nhân gian như thứ đồ chó rơm? Vô tình?

San Antonio, Texas 5-1985
Nguyễn Văn Sâm

Như Chi

An phận.

Chim nhạn bay qua sông
Bóng chìm trong nước mát
Dấu tích có còn không
Khi nhạn bay đi mất ?

Ta học làm dòng nước
Phản chiếu vật soi mình
Không giữ gì ở lại
Mãi mãi vẫn vô tình.

Ta học làm hư không
Chẳng ngại gì mưa gió
Chẳng lo tháng năm qua
Vẫn mặc tình dung chứa.

... Đời trôi trong nụ cười
Trời xanh trong nắng sớm
Dù mây bay mây bay
Hư không thường chẳng động.

Hôm qua là quá khứ
Ngày mai là tương lai
Có chi là quan trọng
Khi ở ngoài tầm tay ?

Hôm qua không còn nữa
Ngày mai chưa đến nơi
Ta đâu chờ đâu nhớ
Khi có cả "hôm nay".

Bắt tay vào công việc
Ta có sáng, trưa, chiều
Khi hoàn thành tất cả
Ta còn cả một đêm.

Có cả trời xanh ngắt
Cả gió mát trời trưa
Cả mây chiều bảng lãng
Đã đủ một ngày chưa ?

Dù cuộc đời vất vả
Cơm cũng đủ no lòng
Áo quần cũng đủ mặc
Nhà ở cũng yên thân.

Người ta ai cũng chết
Ta sắp xếp sẵn sàng
Chẳng còn chi lo sợ
Chẳng còn gì tính toan.

Ta làm tiên hạ giới
Chẳng đợi đến Thiên đàng
Mỗi ngày ta một mới
Trong tuyệt vời bình an.

Lòng muốn chia sẻ với
Chẳng biết ai tâm đầu
Khỏi một niềm mong đợi
Chẳng biết là bao lâu ?

Texas 1-6-1985

Nguyễn thị NgọcNhung

Yêu một người

Năm tôi mê thơ của một người ký tên Kim Ngư, tôi đang học đệ nhị trung học tư thục. Người ký tên Kim Ngư, nữ sinh Gia Long. Bài thơ đăng trên báo xuân. Tôi không biết Kim Ngư học lớp mấy nhưng bài thơ làm tôi sầu cảm và đâm ra thương nhớ vẩn vơ. Nàng học trường công trong khi tôi lẽo đẽo nơi trường tư, điều đó khiến tôi mặc cảm khá nhiều. Tôi mê bài thơ của Kim Ngư đến độ nằm ngủ tôi cũng mơ thấy lời thơ. Tôi bắt đầu thêu dệt người đẹp trong mộng, tóc dài đen mướt, dáng ẻo lả thanh tao, mắt to mơ huyền, tay chân trắng muốt thon dài. Người đẹp tôi vẽ vời không khác chi mấy nhân vật tiểu thuyết trữ tình của mấy ông văn sĩ Bắc kỳ nghiện thuốc phiện. Người đẹp nào cũng được các ông ấy tả dáng ẻo lả ốm o gầy mòn như sắp chết vì ho lao. Chẳng qua, lúc ấy, bắt đầu đọc văn lãng mạn và Bồ Tùng Linh, tôi cứ mơ màng tưởng đến Kim Ngư như người đẹp trong tranh. Nhiều khi tôi mầy mò đi tìm tranh lụa, kiểu như Bồ từng viết, nhưng vô ích, một là loại tranh đó không có thật, hai là tôi tìm chưa đến nơi đến chốn. Sau Tết Nguyên đán năm đó, tôi tìm kiếm thăm hỏi những người bạn có chị hay em gái học Gia Long. Tôi như người mò kim đáy biển, nhưng đam mê là một thứ không giải thích được. Tôi cắt bài thơ lộng kiến treo trên tường phòng, đối diện bàn học. Ngoài ra, tôi bắt đầu sưu tầm những bài thơ lãng mạn, nói về mối tình vô vọng. Tôi tự bi thảm hóa, xem như mình yêu người trong tuyệt vọng

khốn cùng. Trường Gia Long lớn, biết bao con gái, biết bao cái tên đẹp đẽ mà tôi chỉ muốn tìm Kim Ngư. Em của thằng bạn thân cho biết có người tên Ngự, Hồng Ngự chớ không phải Kim Ngư. Tôi hy vọng, đốc thúc em gái bạn hỏi thăm, biết đâu nàng lấy biệt danh, bút tự chăng. Nhưng tôi đã hy vọng hão huyền. Nàng Hồng Ngự nào đó chưa bao giờ làm thơ, viết văn. Nỗi đam mê của tôi chưa được thỏa mãn nên ấm ức dồn nén. Ra đường, trông cô nào áo dài thanh tao, tôi lại nghi ngờ đó là Kim Ngư. Thậm chí, tôi còn lên trường Gia Long đợi giờ về, nhìn các cô áo trắng dập dìu tưởng tượng như mình đang âm thầm theo một mối tình chết. Bài thơ tôi học thuộc lòng, nằm sâu trong tâm tưởng.

Cái thời vụng dại trẻ con ấy rồi cũng qua. Nỗi đam mê của tôi về Kim Ngư chìm lắng đâu đó nhưng thơ lãng mạn vẫn được tôi yêu thích. Có lẽ nhờ bài thơ của Kim Ngư mà tôi tìm thấy hình ảnh tuyệt diệu của thơ, nhất là thơ trữ tình. Tôi vẫn thuộc thơ, vẫn ngủ với thơ, yêu thơ, mê thơ, đọc thơ, ngâm thơ như thời học trò ngu dại, lời thơ nhiều khi làm tôi rung động sâu xa, cảm kích tận cùng. Năm tôi gặp Kim Ngư, mười mấy năm sau bài thơ báo xuân, bầu trời thơ của tôi sụp đổ theo nàng.

Tôi làm cho một hãng chế tạo máy in cho hệ thống điện toán cỡ trung bình. Chân technician, hãng nào cũng như hãng nào, khác nhau dăm ba đồng lương giờ mà thôi. Tôi đi làm, đều đặn cần mẫn. Tôi sống mẫu mực, có lẽ vì tuổi đời làm mệt mỏi. Người yêu của tôi, làm chung hãng. Nàng không đẹp, mặt mụn vì đau gan, thấp và đẫy. Nhưng cần gì bề ngoài, nàng là con nhà đàng hoàng, lễ nghĩa đầy đủ. Nơi này, hơi khó tìm một người con gái dịu dàng con nhà gia giáo. Những người khác, thì đã có người gắm ghé hoặc nhìn cao. Giờ ăn trưa, tôi và nàng hay ra bãi cỏ trước hãng, ngồi dưới tàn cây ăn cơm. Nhàn, tên của nàng, đem cơm theo, luôn cả phần cho tôi. Tôi cảm động với những săn sóc nhỏ nhặt của Nhàn. Thường thì tôi đọc mấy câu thơ tình cho Nhàn nghe. Nàng tập yêu thơ như tôi. Có khi nàng ra tiệm sách, tìm mua tập thơ mới tặng tôi. Mối tình của chúng tôi, lặng lẽ chớ không sôi nổi như tôi thường tưởng tượng từ lúc mới lớn. Hai đứa quen nhau vì làm chung chỗ, ra về cùng giờ, nhà ở tiện đường. Gặp nhau quen mặt rồi thì đâm ra nhớ nhau. Cũng có đôi lúc, tôi không chắc tôi yêu nàng, mà chỉ thương cái dịu dàng chăm sóc của Nhàn, sự nhẫn nhục chịu đựng và tính tình đằm thắm của nàng. Nàng lặng lẽ như đám mây trắng, không vẩn đục nhưng cũng không nhiều hình ảnh lạ lùng như đám mây ngũ sắc. Nàng trôi lơ lửng trong cuộc đời. Kiểu người như nàng thường bị lu mờ hay dễ dàng bị lãng quên trong đám đông nhiều con gái. Đôi khi tôi không cảm thấy sự có mặt của Nhàn khi hai đứa ngồi gần nhau. Nàng lặng lẽ như mặt hồ không cả gợn sóng. Mẫu người như nàng chỉ làm vợ chớ không làm tình

nhân được. Nàng thiếu sự hấp dẫn lôi cuốn của một cô tình nhân đầy bóng sắc màu mè nhưng tôi ưa chuộng người vợ nơi Nhàn hơn, vì điều đó phù hợp với con người nàng. Đàn ông chỉ chuộng đàn bà đẹp làm tình nhân nhưng lại ưa người mẫu mực làm vợ. Gia đình tôi và Nhàn cũng ngầm thỏa thuận trước sự kết đôi của hai đứa. Tuy không nói ra, tôi và Nhàn đều biết rằng sẽ có lúc đám cưới thành hình. Tôi chưa nói yêu Nhàn vì cho rằng điều đó thừa, Nhàn chưa nói yêu tôi nhưng cử chỉ săn sóc đã thay lời nói. Cho đến khi...

Sáng đó, người đàn bà đi ngang bàn tôi làm. Nàng có dáng dấp sang trọng của một người quý phái. Đôi mắt lớn được trang điểm khéo léo khiến cái nhìn của nàng thăm thẳm. Nàng mặc áo blouse màu ngà, váy và áo jacket xanh đen. Nơi cổ áo và tay áo, hàng ren diềm dúa đính đều. Tóc nàng cắt ngắn lộ cái cổ cao. Người đàn bà Á Châu đó có dáng cao, rất cao, chân dài và đều đặn. Nàng đi với manager của khu tôi làm. Hắn ta giải thích dài dòng khi đưa nàng ngang mấy dãy bàn dài, máy móc ráp nửa vời. Nàng nghe chăm chú, thỉnh thoảng cười mỉm nhẹ, nét trang nghiêm. Tôi chưa bao giờ thấy người đàn bà nào vừa đẹp, vừa trông có vẻ thông minh và nghiêm nghị như nàng. Tôi nhìn trộm hai người cho đến khi họ đi khuất sang nơi khác. Buổi trưa, ngồi nơi bãi cỏ, Nhàn thầm thì với tôi có người mới vào làm trên văn phòng. Tôi thờ ơ không để ý. Giọng Nhàn có vẻ sốt sắng.

— Cô đó là người Việt Nam. Em gặp trong rest room. Người gì mà dễ thương quá. Nói chuyện vui vẻ, mặt đẹp lại còn ăn mặc sang trọng nữa. Anh à, cô đó tên Ngư, Kim Ngư. Mỹ đọc không được chữ ư nên nghe như là Ngu, chỉ phải dùng chữ lót làm tên. Gọi là Kim, Kimberly, dễ quá anh hả.

Tôi không nghe đoạn cuối câu nói của Nhàn. Đầu óc tôi ngừng lại ở hai chữ Kim Ngư vừa nghe. Kim Ngư, Kim Ngư. Tôi tưởng như có trống lệnh trong người mình. Kim Ngư. Số trời run rủi sao? Nàng là người làm bài thơ năm nào đó sao? Phải Kim Ngư đó không hay chỉ là một sự trùng tên hữu ý? Tôi ngồi thừ ra nhìn đâu đâu, tâm trí ngổn ngang đầy câu hỏi tại sao. Nhàn sực nhận ra sự im lặng trống vắng của tôi. Nàng nắm tay tôi hỏi nhẹ:

— Anh sao vậy? Mặt tự nhiên xanh dờn. Hay là anh bị trúng gió?

Tôi lắc đầu. Lời nói nghẹn trong cổ họng. Tôi đằng hắng như sửa giọng. Che giấu nỗi cảm xúc đang dấy lên.

— À, cô mới vào làm department nào vậy em?

— Engineering. Cô ấy là kỹ sư, design, trong nhóm của ông Harper.

Tôi nghe choáng váng. Cái mặc cảm thua kém ngày nào lại trở về với cơn đam mê cũ kỹ. Nếu như đó thật sự là Kim Ngư của bài thơ tôi yêu năm nào... thì ông trời cũng trớ trêu cho lắm. Tôi đứng dậy kéo Nhàn trở vào hãng. Nàng thu xếp mấy cái hộp nylon đựng thức ăn.

— Chưa hết giờ ăn mà anh.

Tôi không trả lời, chỉ muốn trở lại chỗ làm của mình, trở lại công việc dở dang. Tôi phải làm điều gì bận rộn để không tiếp tục nghĩ ngợi xa vời. Đó không thể nào là Kim Ngư của mười mấy năm về trước.

Tôi theo dõi người đàn bà, mỗi ngày. Tôi để ý đến giờ đi, giờ đến của nàng một cách bí mật. Không ai biết, tôi đang theo dõi bước chân của người đàn bà đẹp đẽ kia. Nàng đi làm giờ giấc bất thường như những người kỹ sư khác trong hãng. Giờ về cũng thế. Nhiều lúc tôi làm overtime khi ra về vẫn thấy xe nàng đậu ngoài bãi. Giờ ăn trưa, nàng không xuống phòng ăn mà thường đi một mình hoặc đi với mấy người chung department. Mỗi lần nàng đi ngang, một mình, tôi để ý thấy nét mặt có vẻ buồn xa vắng, hơi lạnh lùng. Nàng đi, mắt nhìn thẳng, không liếc, không nhìn ngang dọc, tựa như nàng đi trên con đường chỉ riêng nàng thấy. Khi đi chung với người khác thì nét mặt nàng đổi hẳn, tươi hơn, vui hơn nhưng vẫn xa vắng như ở nơi nào. Nhàn thường gặp nàng ở rest room và kể tôi nghe cuộc đối thoại giữa hai người. Nhàn không biết rằng tôi nghe lời kể của nàng ngấu nghiến như con hổ đói. Tôi muốn biết nhiều hơn nữa về người đàn bà cao hơn tôi nửa đầu.

— Chị ấy trông trẻ thế mà lớn tuổi hơn em nhiều đó anh. Người trí thức mà nói chuyện đàng hoàng dễ sợ. Mấy người kia không quen cứ bảo là chị ấy lối. Em đâu có thấy lối gì đâu. Gặp em chị vẫn nói chuyện bình thường. À chị ấy còn mời đến nhà chơi nữa đấy.

Tôi hay giả vờ như không để ý đến chuyện đàn bà.

— Thế à. Rồi em nói sao?

Nhàn vô tình:

— Em cảm ơn chị ấy nhưng mình không quen thân ai lại nhận lời kỳ cục vậy. Thành ra thôi. Chị ấy là người Sàigòn.

Tôi hỏi tới nhưng vẫn làm ra vẻ thờ ơ:

— Em làm thế là phải. Bạn thì từ từ mới thành bạn được. Người Sàigòn hở. Trung học chị ấy học ở đâu?

— Em không có hỏi.

Tôi thất vọng nhưng không dám bảo Nhàn hỏi. Một buổi chiều Kim Ngư đi về sớm, ngang qua nơi tôi đứng, nàng bỗng tuột tay, đống giấy tờ sút sổ bay đầy. Tôi chưa kịp bỏ việc chạy đi lượm giấy cho nàng, một cơ hội tốt không ngờ, thì hai ba người từ đâu chạy đến lượm. Tôi đứng nhìn cơ hội vuột qua tay. Người đẹp có khác, lúc nào cũng có người sẵn sàng giúp đỡ. Tôi trở lại với thú đam mê ngày cũ. Thơ tình tôi đọc vanh vách, lúc nào cũng cho mình là người thất tình. Nhàn ngỡ người đàn bà tôi mơ tưởng, thất tình là nàng, một hình thức bi thảm hóa của tôi nên không hề ngờ vực. Thỉnh thoảng nàng còn phụ họa, cùng tôi đọc những bài thơ ướt át não nùng. Dần dần tôi nằm mơ thấy Kim Ngư. Có khi thấy nắm bàn tay ngón dài có những

móng màu tím nhạt. Có khi thấy vuốt cái cổ trắng cao của nàng. Hay táo bạo hơn, ôm thân hình thon và mát rượi trong tay, nhìn tận mặt đôi mắt lớn sâu chứa đựng cả mặt hồ. Tôi không biết là mình thay đổi, bắt đầu lạnh nhạt cùng Nhàn. Tôi không để ý đến lối phục sức của Nhàn, gương mặt của nàng cũng như cách trang điểm. Kim Ngư đã chiếm cả đầu óc của tôi. Nhìn đâu tôi cũng chỉ thấy có Kim Ngư, cách ăn mặc sang trọng của nàng, lối trang điểm lôi cuốn, đôi môi hồng san hô với nụ cười mỉm nửa vời. Tội viết tên nàng đầy giấy, vụng dại như tên học trò năm nào, viết lồng trên hai đứa, vẽ hoa lá giăng quanh tên Kim Ngư. Kể cũng lạ, nỗi đam mê ở người đàn ông tuổi ba mươi sáu như tôi. Tôi tưởng mình đã chai đá, hết còn rung động vụn vặt như thời mới lớn. Cái đắm say cũ kỹ vẫn còn nguyên không thay đổi, có lẽ tôi cố dồn nén chôn vùi nên sự trở lại của nó có phần nào tăng trưởng theo thời gian. Nhưng tôi không giấu được Nhàn lâu. Nàng tình cờ thấy mẩu giấy tôi chép bài thơ của Kim Ngư, viết tên Kim Ngư đầy những chỗ trống lồng chung với tên tôi. Nhàn ngần ngừ một chập khá lâu rồi mới hỏi tôi:

— Anh quen với chị Kim Ngư lâu rồi phải không?

Tôi lắc đầu. Nhàn không tin. Nàng không tin rằng tôi mơ đắm một người chưa bao giờ quen biết. Vả lại, tôi giải thích thế nào với Nhàn về nỗi đam mê vô lý của mình? Yêu người tưởng tượng qua một bài thơ thời mài đũng quần trung học xa xưa đến nay vẫn còn sao? Kim Ngư này với Kim Ngư kia, không phải là một sao? Chỉ có thể là một người chớ không phải hai người trùng tên được. Tên ngộ nghĩnh thế kia, không thể nào có hai người. Đúng là cái ghen của đàn bà, thật ghê gớm.

Một trưa, Nhàn hớn hở báo cho tôi biết rằng Kim Ngư đã có chồng được sáu năm. Nàng kể thao thao bất tuyệt. Kim Ngư có chồng năm nào, đám cưới ở đâu, ra sao. Chồng Kim Ngư làm gì, hãng nào. Gia đình hai bên còn hay mất, chị em lớn nhỏ ra sao, Nhàn kể vanh vách. Nàng có dáng đắc thắng của một con gà mái, đi lại khệnh khạng trước mặt gà trống trong chuồng. Tôi nhân dịp, hỏi bất kể cơn ghen của Nhàn:

— Em biết nhiều thế? Vậy thì cô ấy học trung học ở trường nào?

— Regina Pacis!

Tôi chới với hụt hẫng. Regina Pacis? Thế thì không phải Kim Ngư với bài thơ báo xuân trường Gia Long rồi. Thế thì tôi đã gặp lầm người mơ tưởng. Tôi nhìn Nhàn không tin:

— Em có chắc không?

Nhàn đắc ý cười. Nàng biết chuyện Kim Ngư với bài thơ trường Gia Long.

— Chắc. Em hỏi chị ấy mà. Chị học trường Regina Pacis, lúc nhỏ học ở Colette. Dân trường tây mà anh, sao lại không sang được. Con

nhà dòng dõi chớ đâu phải dân trơn như mình. Nhưng cũng lạ, ít người nào hiền lành vui vẻ như chị ấy. Cái đó thì em phải công nhận là người đàng hoàng, có học mà không hợm mình, kiêu ngạo. Lúc nào gặp em cũng hỏi thăm thân mật như bạn thân - như sực nhận ra mình khen "tình địch", Nhàn dứt câu bất thần - ờ mà, cũng không phải bạn mình.

Tôi im lặng không hỏi thêm. Hình như người tưởng tượng của bài thơ đã nhập vào Kim Ngư bằng xương bằng thịt kia. Tôi bắt đầu yêu thật sự người đàn bà quý phái đó. Tôi chưa bao giờ yêu ai nồng nàn, kể cả Nhàn. Giữa Nhàn và tôi, tình cảm đến chậm nhưng không phải là tình yêu. Tôi chưa nằm mơ thấy Nhàn hay tưởng nhớ đến nàng một cách điên cuồng tuyệt vọng như với Kim Ngư. Tôi không dám cho Nhàn biết rằng tôi đã yêu Kim Ngư. Người đàn bà hơn tôi mọi thứ, kể cả dáng dấp bên ngoài. Tình yêu là thứ tình cảm mộng mị làm mặt người tối tăm. Đó là tôi, ngu đần trong cái tình yêu một chiều vô lý. Nàng có chồng rồi, điều đó không làm tôi phiền muộn vì tôi yêu nàng qua hình ảnh thêu dệt, qua xa cách chớ không bằng ý nghĩ chiếm đoạt. Tôi chỉ mơ ước mà không hề muốn hiện thực mơ ước ấy. Tôi yêu Kim Ngư, mỗi sáng đi làm, thấy nàng đi ngang, dáng đài các nghiêm trang làm tôi kính nể. Không, tôi không hề có tư tưởng làm quen hay đối diện Kim Ngư. Nàng có thể không phải là tác giả của bài thơ năm cũ nhưng tôi vẫn yêu dấu hình ảnh thật của Kim Ngư, lẫn lộn với hình dáng tôi đã từng thêu dệt. Chưa bao giờ Kim Ngư nhìn tôi, vì lẽ nàng nhìn thẳng, mắt không liếc, tôi đứng sau bàn nhưng tôi như là cái bàn trong mắt nàng. Tôi phục cái trang nghiêm nơi Kim Ngư. Người đẹp như nàng, biết bao anh vây quanh, sẵn sàng đưa nàng vào cuộc ngoại tình chốc lát. Nhưng cái nhìn cương nghị của nàng dễ dàng làm tan biến những ý nghĩ đen tối mờ ám của những tên đàn ông hảo ngọt. Chúng chỉ có thể mơ ước sau lưng Kim Ngư chớ không dám lời ong tiếng bướm với nàng. Đôi lúc, Nhàn tỏ vẻ ghen tuông với cái thẳng thắn của Kim Ngư. Nhàn cầu mong Kim Ngư sa ngã, để thần tượng trong mắt tôi sụp đổ. Tâm lý thường tình của đàn bà khi ghen tuông. Tôi bảo Nhàn rằng:

— Em vô lý lắm. Anh đâu có quen biết gì với cô Kim Ngư đó. Em không thấy là vô lý sao khi em ghen với cô ấy? Nói anh nghe thử. Có bao giờ cô ấy hỏi em về anh? Anh sợ rằng cô ấy chưa biết tên anh nữa kìa.

Nhàn nghiêm mặt:

— Biết tên anh chớ.

Tôi thấy mình lọt bẫy của mình giăng ra.

— Làm sao biết được? Em khéo tưởng tượng.

— Em nói chớ ai, thử xem cô ấy có quen anh trước kia không mà giờ giả vờ như không biết.

Tôi hỏi lại lo lắng:

— Rồi cô ấy nói sao?

— Chẳng có gì quan trọng. Cô ấy không có quen người nào tên như anh cả.

Tôi thở phào nhẹ nhõm nhưng lòng hơi tiếc nuối với sự lãnh đạm hờ hững của Kim Ngư.

— À, thấy chưa. Đã bảo không ai quen ai cả mà cứ nghi ngờ hoài.

Nhàn liếc xéo tôi dò xét:

— Vậy sao anh cứ viết tên cô ấy đầy cả phòng? Không mê sao lại viết tên người ta lồng với lên mình? Tên như vậy in thiệp cưới chắc đẹp lắm.

— Anh đã bảo em rồi. Anh mê thơ của cô Kim Ngư học trường Gia Long. Chuyện con nít mà em hỏi hoài. Anh mê cô Kim Ngư đó chớ không phải cô Kim Ngư này. Mà chỉ mê bài thơ chớ không có mê người. Có gặp bao giờ đâu mà mê.

Nhàn không hài lòng lắm với câu giải thích của tôi nhưng nàng không có tật hỏi đi hỏi lại như mấy bà vợ ghen chồng. Nàng đã nghi để tâm mà theo dõi.

Tết Tây năm đó, Nhàn rủ tôi lên nhà một người quen. Nàng cứ bí mật ỡm ờ bảo tôi rằng người này có quen với tôi, bạn cũ của tôi nhưng nàng muốn dành cho tôi một ngạc nhiên. Tôi không chút nghi ngờ Nhàn. Nàng không có thủ đoạn hay mồi miếng như những người đàn bà khác. Nhưng tôi đã lầm. Đàn bà khi ghen, hầu như ai cũng như ai cả. Hiền cách mấy cũng có thể biến thành thủ đoạn không kém gì người khác. Tình cảm làm đàn bà mờ mắt, tối tăm tư tưởng lẫn lương tâm. Nhàn chỉ đường cho tôi lái. Nàng cứ cười tủm tỉm một mình. Tôi đi theo hướng nàng chỉ không chút ngờ vực cho đến khi tôi thấy xe Kim Ngư bên lề đường thì Nhàn vừa bảo tôi chạy xe chậm lại. Nhàn nhìn tôi cười tinh quái. Tôi vụt thấy nơi Nhàn, người đàn bà khác mà tôi chưa từng thấy. Nếu tôi từ chối không vào nhà Kim Ngư, Nhàn sẽ buộc tội tôi là có tình ý nên trốn tránh. Còn vào thì tôi không muốn chút nào. Tôi yêu Kim Ngư và biết mình đặt tình yêu không đúng chỗ nên tôi không muốn xây dựng những cơ hội đường lối cho mối tình bất trắc phát triển. Nhàn lôi tôi đến trước cửa nhà bấm chuông. Nụ cười đắc thắng trên môi Nhàn khiến tôi rùng mình. Nàng yêu tôi mù quáng. Người mở cửa không phải là Kim Ngư. Tôi thở phào tưởng như nếu đó là Kim Ngư, nàng sẽ đọc thấy tình cảm của tôi trong mắt nhìn. Một trong những khách mời của Kim Ngư, người mở cửa. Cô ta mời chúng tôi vào bên trong chào chủ nhà. Khách đứng ngồi lẫn lộn, nhóm Việt nhóm Mỹ. Tôi thấy một vài người quen làm chung hãng, bắt tay chào hỏi. Nhàn đẩy lưng tôi xuống nhà bếp. Gian nhà bếp rất rộng, đèn sáng trưng, dăm ba người lúi húi sắp xếp thức ăn. Nhàn kéo tôi lại gần một người đang khom lưng nhìn vào lò nướng

sát tường. Đó là Kim Ngư. Nàng mặc áo lụa trắng lốm đốm chấm vàng nhạt. Nàng bắt tay tôi thật chặt. Nhàn nhíu chân mày như thầm ra hiệu. Kim Ngư nắm tay Nhàn dẫn ra sau vườn. Tôi đi theo như người mơ ngủ. Quả thật, bàn tay của nàng mềm với ngón dài như tôi nhiều lần tưởng tượng. Kim Ngư chỉ gật đầu mà không nói lời nào, cái bắt tay thay thế cho tất cả. Nàng tự nhiên nhưng tôi lại là người lúng túng vụng về. Ánh mắt của Kim Ngư cũng thế, nghiêm trang và buồn sâu không chút ẩn ý, trong khi tôi nhìn quanh cố che dấu ý nghĩ trong đầu. Kim Ngư kéo Nhàn lại gần người đàn ông đang nói chuyện với hai ba người khác. Tôi theo sau. Tôi và hắn nhìn nhau chăm chú, mấy giây rồi tiến đến gần hơn, vui vẻ. Nụ cười nhẹ của tôi như để đáp lại ánh mắt ngỡ ngàng của Nhàn.

— Hê, lâu lắm mới gặp mày.

Chồng của Kim Ngư, Thành, bạn tôi lúc còn bé. Hai đứa học chung trường nhưng không chung lớp. Ngoài tình bạn học còn tình láng giềng. Tôi bặt tin từ năm 75. Nghe nói nó ở ngoại quốc mà chẳng biết xứ nào để kiếm. Từ đó Nhàn im lặng một cách kỳ lạ. Có lẽ nàng hối tiếc đã đưa tôi lên nhà Kim Ngư. Thành là bạn tôi, dĩ nhiên tôi sẽ có cớ để lui tới nhà Kim Ngư nhiều hơn. Đêm đó, chúng tôi ở lại khuya hơn để ôn chuyện cũ với Thành. Tôi với nó còn biết bao chuyện để hỏi han thăm dò. Thành chợt nói một câu làm tôi lạnh mình.

— Ngư làm thơ hay lắm mày.

Nhàn nhìn tôi, ánh mắt lạ lùng. Tôi tìm cách lảng tránh.

— Vậy hả. Còn mày thì sao? Thơ thẩn nổi nữa không hay là già quá rồi nên cụt hứng?

— Tao hả. Tao vẫn mê thơ bả như thường. Hồi đó tao quen bả là nhờ bài thơ đăng trên báo xuân Gia Long.

Tôi và Nhàn nhìn nhau. Kim Ngư bận rộn sau nhà bếp. Nhàn ngần ngừ hỏi Thành:

— Em tưởng chị ấy học ở Regina Pacis sao lại có thơ ở Gia Long?

Thành cười:

— Em của Ngư học Gia Long. Thấy Ngư làm bài thơ hay quá, cô ấy bèn đem đăng ở báo xuân. Năm đó em Kim Ngư làm trưởng ban báo chí toàn trường. Tụi tôi quen nhau cũng nhờ bài thơ đó.

Tôi lục lọi trí nhớ, trở về năm đệ nhị xưa cũ. Thành học chung trường tư thục với tôi. Sau giờ học hai đứa thường đi chơi chung, hắn có bao giờ kể tôi nghe về bài thơ và một người tên Kim Ngư đâu. Thành lại nói:

— Đáng lẽ tao phải cảm ơn mày mới phải.

Tôi ngạc nhiên:

— Hả? Cảm ơn gì?

— Nhờ bài thơ mày chép tao mới quen Kim Ngư. Tao đâu có

mua ba cái báo xuân đó. Mày biết tao mà. Tao không ưa báo xuân báo xiếc. Mày chép bài thơ lộng kiếng treo trên tường chỗ bàn học của may, nhớ không? Lúc đọc bài thơ, tự nhiên tao lại mến. Em tao học Gia Long. Chung lớp với em Kim Ngư, tên Hồng Ngự.

Tôi bỗng thấy rõ, tại sao mình đã không gặp Kim Ngư dù tôi đó đường gần đúng. Có lẽ em của Thành đã không nói thật hết với tôi rằng Kim Ngư là chị của Hồng Ngự. Cô bé còn bảo với tôi rằng cô Hồng Ngự đó chưa bao giờ viết thơ văn. Không thơ văn gì cả sao lại làm trưởng ban báo chí? Tôi đã bị gạt ra khỏi vòng chiến một cách cố ý mà không hề ngờ vực. Hèn chi Thành chẳng nói lời nào với tôi về Kim Ngư khi hắn đã quen nàng. Cái tình cảm quả thật làm nhiều người tối mắt. Thành hỏi tôi không cố ý:

— Bài thơ của bả, mày còn giữ không? Tao nhớ hồi đó mày cũng mê bài thơ đó dữ lắm. Bây giờ bả làm nhiều bài thơ hay độc đáo lại không chịu gởi báo đăng. Tao nói hoài mà bả không chịu. Bả nói làm thơ chơi chớ đăng làm chi, làm cho mình chớ đâu phải làm cho thiên hạ!

Tôi gặp lại Thành, tuần lễ sau Tết Tây. Hắn đi với người đàn bà tay ẵm một bé gái. Người đàn bà gương mặt không có nét đặc biệt nhưng thân hình khêu gợi, cái lối gợi tình đĩ thõa nhưng đứa bé gái đủ để giải thích mọi chuyện, kể cả lý do Kim Ngư từng nói với Nhàn về quyết định không con của nàng. Gặp tôi, Thành lúng túng ra mặt. Tôi vờ như không thấy kéo Nhàn ra ngoài tiệm ăn, lấy cớ không đói. Tôi đã hiểu tại sao Kim Ngư lúc nào cũng có một vẻ buồn thăm thẳm. Không phải mình lúc nào cũng đều gặp may mắn trong đời. Tại sao Thành luôn luôn nhắc đến Ngư bằng chữ "bả", cái từ ngữ không tình cảm. Tại sao Kim Ngư vẫn còn làm thơ dù đã gần bốn mươi. Thơ làm cho mình chớ không cho thiên hạ. Đúng rồi, cái nỗi lòng của mình, thiên hạ nào đáng để hiểu? Điều tôi không hiểu, tại sao họ không ly dị nhau.

Tôi bỏ hãng, đi làm nơi khác. Nhàn vẫn làm chỗ cũ, vẫn nhắc đến Kim Ngư với tôi. Mọi lời mời đến nhà đều được tôi từ chối. Tôi không muốn vì trót hiểu được nỗi buồn của Kim Ngư mà yêu nàng mù quáng hơn. Tôi cho những tập thơ trữ tình vào thùng giấy bỏ ở nhà xe.

Buổi sáng, ngày tôi và Nhàn làm đám cưới. Lần cuối thấy lại Kim Ngư với đôi mắt buồn đi cạnh Thành hờ hững, gương mặt trang nghiêm luôn nhìn thẳng, nhìn thẳng cuộc đời không hài lòng, không lối thoát. □

Nguyễn Thị Ngọc Nhung

Trịnh Y Thư

Thảo Vấn.

1

Sáng ra thấy tóc chấm vai
Chợt hay năm tháng đã dài đời nhau
Ngại ngùng gượng cả tiếng chào
Tìm se hốc ngực tuổi nào quạnh hiu
Mộng quanh những tảng mây chiều
Đời quanh những ngọn sóng triều vụt tan
Quen dần giấc ngủ hoang mang
Gối kinh lở dở vẫn đang miệt mài
Dấu đi những vết tàn phai
Còn dư một cõi lạc loài đời nhau.

2

Vèo bay cánh nhạn mù khơi
Còn ta lấy mảnh mây trời làm riêng
Tâm nghe ụp đổ trống chiêng
Mà hồn biên tái ngả nghiêng dốc sầu
Dường như tàn một canh thâu
Vẫn quanh quẩn hỏi về đâu cội tình
Ra sân thăm ngọn hoa quỳnh
Quỳnh rơi trên đá lặng thinh nguyệt tà
Lấy tay vuốt mặt cầm hoa
Khói sương bỗng dậy che nhòa tâm tư.

3

Xuân xưa cô nhỏ đi đâu
Để rơi khăn lụa gieo sầu mắt mơ
Xuân nay cô nhỏ hững hờ
Lại quên khăn lụa dưới bờ liễu dương

Ai trêu cô nhỏ rưng rưng
Tóc mây bỏ rối mặt bừng phấn hoa
Nhớ nhau còn nụ hoa cà
Gửi về góc biển đã xa ngọn ngành
Gió lay ngọn cỏ mong manh
Vừa rơi hàng lệ đã thành cố nhân.

4

Xong chưa một kiếp gian nan
Còn bao nhiêu mộng mới tàn cuộc chơi
Lẻ loi khoác áo sương trời
Bước đi nửa bước lá rơi ngập hồn
Biển mù quẩn bóng hoàng hôn
Nhìn chim về núi bỗng nôn nao lòng
Tháng năm thôi đã rêu phong
Xa nhau từ độ hai dòng nước xuôi
Ngẩn ngơ trông áng mây trôi
Mới hay khói sóng cuối đời vàng pha.

5

Nửa đêm còn bó gối ngồi
Nghe con dế gáy mà ngùi ngùi đau
Nửa đêm ở giữa chốn nào
Mạch tim đã nguội còn thao thức chờ
Đến từng nhịp thở bơ vơ
Nửa đời sau trước người hờ hững qua
Nghe con dế gáy thiết tha
Tiếng gần quanh quẽ tiếng xa mịt mùng
Trong chăn vẫn lạnh vô cùng
Còn chăng chút lửa cuối vùng vô cương.

Trịnh Y Thư

VƯỜN VĂN THỜ CŨ

NGUYỄN THẠCH ĐẢN, Houston — Cả làng xúm lại đọc thư em, người bảo tác giả bức thư thuộc đấng mày râu rậm rạp, kẻ nhất định phán rằng "người" thuộc phái quần thoa yếm mỏng. Vậy, "râu" hay "yếm" đây? Bài viết càng ngày càng khá, cố lên! Về các quyển của Võ Phiến, em thử liên lạc tờ Văn Học Nghệ Thuật, *5621 Baltimore St., Los Angeles, CA 90042 xem sao, biết đâu tác giả còn giữ lại dăm ba quyển, đợi người "đáng mặt thì trao"! Chị xin mạn phép chép ra đây một đoạn thư của em, để các nhà văn hóa Việt Nam ở hải ngoại lưu ý thêm về nhu cầu của một giới trẻ: các em đã có một thời gian theo học các chương trình giáo dục dưới chế độ xã hội chủ nghĩa :*

"... Hồi còn học ở Việt Nam, dưới chế độ cộng sản, cứ nghe cái luận điệu phê bình về nhà văn Võ Phiến nào đó là tên bồi bút, tên viết thuê của Mỹ v.v... nhưng tụi em tìm hoài các tác phẩm của ông ta không thấy. Cộng sản "thẳng tay" nhất là với cuốn Mưa đêm cuối năm. *Đủ thứ luận điệu. Tụi em bậm gan đốp chát lại ông thầy (cũng may là người miền Nam). Nhưng cuối cùng mới biết, cả ông thầy lẫn học trò đều chưa đọc qua bất cứ một tác phẩm nào của Võ Phiến. Thế mà đòi chê! Đó, chị thấy không! Sang đây thì tìm đỏ con mắt cũng không thấy các tác phẩm ấy được in lại. Ngay cả sách của Nhật Tiến, như* Chuyện bé Phượng. Thềm Hoang, *hay Lê Tất Điều như* Những giọt mực... *Rốt cuộc, trong đầu đám trẻ như tụi em chỉ sót lại ấn tượng của những lời chửi bới từ trong trường cũ mà thôi. Chửi và chê cho đã mà không biết có cái gì trong đó. Cứ theo "khuôn" mà "phang" thôi!..."*

Mong quí vị trong làng lưu ý trường hợp như em nêu trên đây.

Chị cũng như em, đều mong "thấy mặt" Làng Văn *mỗi tháng hai, ba lần, "vui hơn". Nhưng khó lắm em ạ, họa chăng hôm nào có ông thần tài Lottario gõ cửa, may ra! Thân mến.*

*
* *

Đoạn trên đây, chúng tôi mạn phép trích lại từ mục "Thư đi tin lại" do Nguyên Hương phụ trách, tên tạp chí *Làng Văn*, xuất bản ở Gia Nã Đại, số 11 tháng 7 năm 1985.

Nguyên Hương lưu ý chúng ta về một nhu cầu của giới trẻ: Họ cần biết về những tác phẩm và tác giả đang bị cọng sản vu cáo ở trong nước.

Ngoài ra, chúng tôi nhận thấy thêm một nhu cầu khác của giới... không còn trẻ nữa: Trong lớp người chủ động của cuộc tị nạn can đảm để tìm tự do hiện nay, đa số thuộc lứa tuổi trung niên, tứ tuần trở lên. Ba mươi năm trước, bước vào trung học, họ bắt đầu đọc văn thơ của Nguyễn Mạnh Côn, Nguyễn Đình Toàn, Nhã Ca, Doãn Quốc Sỹ... những buồn vui của họ trong hai mươi năm liền liên hệ với nền văn học 54-75 của miền Nam. Thơ văn thời ấy để lại nơi họ biết bao kỷ niệm sâu xa. Thơ văn thời ấy là một thứ quê hương tinh thần của họ. Ở quê nhà, thơ văn ấy bị tiêu hủy. Ở hải ngoại, không dễ tìm được sách báo Việt ngữ mười năm trước. Họ bâng khuâng tiếc nhớ...

Vì những nhu cầu ấy, bắt đầu từ số này, mặc dù khuôn khổ eo hẹp của tờ báo, chúng tôi vẫn cố gắng dành ra trên mỗi số VHNT một khoản nhỏ một mảnh vườn con con để trình bày thơ văn của thời 54-75 tại miền Nam. Một mảnh vườn cũ thân yêu: vườn thơ, vườn văn.

Mỗi kỳ báo VHNT chỉ đăng một bài ở mục này mà thôi. Vì sự liên lạc với các tác giả không phải lúc nào cũng được thuận tiện dễ dàng, chúng tôi trân trọng yêu cầu những nhà văn (hay đại diện) nào không bằng lòng cho đăng lại tác phẩm của mình hay chỉ cho đăng lại với những điều kiện riêng, vui lòng cho chúng tôi biết trước để khỏi có điều đáng tiếc về sau.

Tô Thùy Yên

Trời mưa đêm xa nhà.

Ga dầm mưa chịu co ro
Cưu mang tầu thấm rét chờ sáng đi
Khoác rừng đầy núi ngời lì
Vân vi đường sắt phân ly mấy cành
Vài thân súc gỗ tênh hênh
Cỏ ôm ấp hẳn lãng quên tay người
Đèn le lói vết thương tươi
Trời da thi thể mưa ngùi chấm than
Hiên ga nhỏ giọt cường toan
Xuống tim quằn quại hàng hàng ưu tư
Trong cơ thể máu chần chừ
Ngoài trời khói thuốc vật vờ ngại bay
Là gì đây để giải khuây
Ngắm tay mới biết mình gầy hơn xưa
Ngồi chờ tầu góc ga thưa
Nghe hồn ẩm mốc một mùa lạnh căm.

Tạp chí Văn (Saigon) (số 44, trang 81)

Nguyễn Đình Hòa

Tự điển hay từ điển ?

Văn - Học Nghệ - Thuật, bộ mới, số 3 (tháng 7 năm 1985) có mục "Đấu tranh trong tự điển" (trang 384). Tôi xin góp bàn về hai từ dùng để gọi hai loại sách khác nhau : *tự điển* và *từ điển*.

Tự điển là sách kê những chữ khối vuông (như chữ Hán hoặc chữ Nôm, được dùng ở Việt Nam khi xưa) (*tự* là 'chữ'). Còn *từ điển* là sách kê những từ và từ ngữ (*từ* là 'tiếng', có thể là tiếng đơn hoặc tiếng kép, tiếng ghép). Về tiếng Trung quốc, bên tàu có *Khang hi Tự điển*, rồi về sau có những sách tham khảo về từ vựng học lấy tên là *Từ Hải, Từ Nguyên, Từ Thông, v.v...*

Loại trên thường xếp các chữ khối vuông theo thứ tự bộ thủ, rồi chua nghĩa, ví dụ *Hán Việt tự điển* của Thiều Chửu (Hà nội: Đuốc Tuệ, 1942; bản chụp Khai Trí in lại ở Sàigòn không đề năm, 817 trang), nhưng cũng có khi xếp theo thứ tự tự mẫu, tức là thứ tự các con chữ a-b-c, ví dụ *Tự điển chữ Nôm* của Nguyễn Quang Xỹ và Vũ Văn Kính (Sàigòn: Trung tâm Học liệu, 1971, 863 trang, đằng trước có phần nôm sang quốc ngữ, 102 trang).

Loại dưới, *từ điển*, thường xếp các từ và từ ngữ theo thứ tự tự mẫu, ví dụ *Giản yếu Hán Việt từ điển,* Quyển Thượng, A-M, 592 trang + Quyển Hạ, N-X, 605 trang; chữ Y nằm ở Quyển Thượng, của Đào Duy Anh (Huế: Quan-Hải, 1932; bản chụp hình Minh Tân in lại ở Paris năm 1950 và Trường Thi in lại ở Sàigòn năm 1957); hoặc *Hán Việt từ điển* của Nguyễn Văn Khôn, (Sàigòn: Khai Trí, 1960), 1155

trang + Đính chính trang 1156-1161.

Trong Phàm Lệ (không đánh số trang) của cuốn *Hán Việt từ điển*, học giả họ Đào giải thích "Làm sao sách này gọi là Từ điển? Từ điển khác Tự điển thế nào?" Cụ Đào nói như sau :

"Tự ta gọi là chữ, là do nhiều nét hợp lại mà thành, mà từ là lời nói dùng để chỉ tỏ những sự vật... Muốn tra khảo về chữ (tự) thì có sách Tự điển, muốn tra khảo về lời (từ) thì phải cần sách Từ điển... Từ điển là gồm cả Tự điển ở trong, mà Tự điển chỉ là bộ phận gốc của Từ điển trích riêng ra vậy."

Trang tít có ghi là sách đó liệt kê "5.000 đơn tự và 40,000 từ ngữ", nhưng thật ra lại có "hơn 5 nghìn chữ một" và tất cả "chừng 4 vạn điều về từ ngữ và thành ngữ "mà Quốc văn đã mượn trong Hán văn, và những từ ngữ trong Hán văn mà Quốc văn có thể mượn thêm nữa để dùng cho rộng".

Riêng cuốn *Việt Nam Tự Điển của Hội Khai Trí Tiến Đức (Hà nội: Trung Bắc Tân Văn, 1931; bản chụp hình Mặc Lâm in lại ở Sàigòn không đề năm)* thì kê các tiếng một (không chua chữ Nôm, chỉ chua chữ Hán thôi), rồi dưới mỗi mục từ đó, kê các từ kép, phần lớn là từ Hán Việt, với định nghĩa.

Ngày nay chúng ta không dùng chữ khối vuông nữa mà chỉ dùng chữ quốc ngữ thôi. Vậy khi nói đến một cuốn sách ghi các từ trong một ngôn ngữ, chúng ta nên dùng danh từ *từ điển* thì đúng hơn. Ví dụ, cuốn từ điển trứ danh *Oxford English Dictionary*, xuất bản dần trong khoảng 40 năm, 1888-1928, rồi sau đó có bổ sung: *A Supplement to the Oxford English Dictionary*, gồm bốn tập, nhưng mới ra có 3 -- từ A đến G, từ H đến N, từ O đến Scz (Oxford: Clarendon Press, 1972). Còn khoa từ điển học *(lexicography)* thì chỉ có một vài trường đại học, như đại học Nam Illinois, đại học Bang Indiana, ở Mỹ, và đại học Exeter, ở Anh, là dạy đều thôi.

Nguyễn Đình Hòa

MỜI ĐỌC

Tạp chí TUỔI NGỌC

Tờ báo Văn nghệ & sáng tác của tuổi trẻ Việt nam hải ngoại, xuất bản 2 tháng một lần.

Chủ nhiệm : Hồ văn Xuân Nhi

Chủ biên : Thụy Vy

Liên lạc : P.O. Box 762 Los Alamitos CA 90720

ĐT (714) 527-1320 – (714) 537-7083

Giá báo dài hạn : 6 số: 15 mỹ kim - 12 số: 30 mỹ kim

Ngoài Hoa kỳ và Canada xin gửi thêm 2 mỹ kim mỗi số cho cước phí máy bay

Nguyễn Văn phụ trách

Thời sự văn học nghệ thuật.

Lại Nhất Linh.

Chiều ngày 7-7-1985 lúc hai giờ, tại toà soạn báo Người Việt, một số đông văn nghệ sĩ và ký giả Việt Nam đã hội họp để làm lễ tưởng niệm nhà văn Nhất Linh . Nhà văn Nhất Linh đã từng dùng độc dược quyên sinh cách đây 22 năm vì quốc sự. Đây là lần đầu tiên tại hải ngoại giới cầm bút Việt Nam tổ chức lễ tưởng niệm nhà lãnh tụ văn nghệ tiền chiến, đồng thời cũng là một lãnh tụ chính trị này.

Cách đây hai năm cũng vào dịp tháng 7, một loạt nhiều tạp chí Việt ngữ ở nhiều tiểu bang Hoa Kỳ đã cùng nhau ra số đặc biệt để kỷ niệm Nhất Linh. Và năm nay, tạp chí VHNT số tháng 7 năm 1985 cũng dành để tưởng niệm Nhất Linh.

Đã xa rồi cái thời của những phân chia cũ mới của những cách biệt khuynh hướng nghệ thuật. Sau ngày mất nước về tay độc tài cộng sản, cộng đồng Việt Nam ở hải ngoại càng ngày càng nhất trí đậm tình tưởng nhớ đến các văn nhân trí thức đã chọn phía tự do, sống chết bênh vực tự do.

An Tiêm tái xuất giang hồ ?

Năm 1965 ở Sàigòn, một nhà xuất bản rất độc đáo ra đời: An Tiêm.

Nhà An Tiêm độc đáo, và được coi như rất ... chịu chơi. In sách thì in thật đẹp. Chọn sách thì rất ư phóng khoáng: có độ in liền miền thơ Bùi Giáng, hết cuốn nọ tới cuốn kia, tới tấp mưa sa gió táp. Rồi lại in Nguyễn Đức Sơn!... Một nhà xuất bản phóng khoáng như thế, chịu thế nào được cộng sản? Cho nên sau 1975, ông An Tiêm đã dần dần tìm được cách... dzọt sang Pháp.

Lần lữa sinh sống ở Paris bấy lâu, vừa rồi ông An Tiêm tuyên bố với bạn hữu: sẽ cho sống lại nhà An Tiên nội trong năm nay, để kỷ niệm 20 năm!

Mạnh mẽ thay tiếng gọi đầy ma lực của bút mực! Ông An Tiêm lần này phải cố gắng nhiều: xuất bản sách Việt ngữ ở Pháp là chuyện gian nan lắm đấy nhá. Từ mười năm nay, ở Mỹ có những nhà Đại Nam, Sống Mới, Diên Hồng v.v...; ở Pháp chỉ có mỗi một nhà Quê Mẹ in rất lai rai.

Dẫu sao, mong rằng An Tiêm cứ thành công.

Phát huy.

Tháng 6 năm 1985 Trần Cao Lĩnh đi Âu Châu, triển lãm hình ảnh "Việt Nam quê hương muôn thuở" qua các nước Đức, Đan Mạch, Pháp, Bỉ, Hòa Lan.

Tháng 7-1985, Phạm Duy lại lên đường đi một vòng Âu Châu nữa, tung ra một cuộn băng mới, giới thiệu một đề tài nhạc mới : *Lá Diêu Bông, Thông điệp mùa xuân* gồm một số ca khúc Phạm Duy phổ nhạc thơ của Hoàng Cầm , Đoàn Phú Tứ, và những ca khúc mới khác.

Cũng trong vòng tháng 6, tháng 7 năm 1985, tạp chí *Nhân Văn* rồi đến tạp chí *Lửa Việt* loan báo cuộc ra mắt ấn bản Úc Châu.

Như thế, vào giữa năm 1985, trong nhiều ngành nghệ thuật, có những hoạt động từ Hoa Kỳ (Mỹ Châu), tỏa rộng ra khắp Âu Châu lẫn Úc Châu, Hoa Kỳ là xứ tập trung nhiều Việt kiều tị nạn nhất. Chiều hướng phát triển ấy có lẽ là một chiều hướng thuận.

Lại còn một cách tỏa rộng khác nữa. Tháng 5-85 cặp Trần Quang Hải và Bạch yến, theo lời mời của hội ADDIM đã đi hát hai chục buổi ở các trường khắp vùng Haute Savoie (Pháp). Sau đó ký hợp đồng, tiếp tục hát trong năm 1986. Lại cũng trong tháng 5-85 ca sĩ Bạch Yến hát bản tân nhạc "Tân hôn dạ khúc" trên đài truyền hình FR3 của Pháp. Nghệ thuật Việt Nam tỏa rộng theo chiều hướng này — chiều hướng tỏa rộng sâu vào đời sống bản xứ — lại cũng hay nữa.

Lại một chiều hướng nữa.

Báo Việt ngữ đồng thời phát hành hai ấn bản ở hai cõi lục địa: nghe phấn khởi quá!

Tuy vậy mà xem tận nơi, thì ngay tại báo quán "trung ương" ở Hoa Kỳ, chủ báo vừa gõ máy xếp chữ, vừa lay-ao, vừa gói báo, vừa dán nhãn địa chỉ từng độc giả v.v..., trông vất vả nhọc nhằn hơn các chủ báo ở Sàigòn ngày xưa nhiều.

Nói thế không phải cho rằng làm báo ở Hoa Kỳ tất nhiên phải... chậm tiến hơn ở Sàigòn. Chỉ có báo ta là đề cao đức khiêm tốn thôi; báo bản xứ làm ăn kiểu khác.

Chẳng hạn các tạp chí *Esquire, New Yorker, US News World Report* v.v..., tất cả 115 tờ khác nhau, tờ thì đặt báo quán ở Los Angeles, tờ thì ở New York, Chicago v.v..., tại báo quán của họ chẳng có bàn giấy nào làm công việc phục vụ bạn đọc dài hạn về những chuyện đổi địa chỉ, gia hạn, khiếu nại báo chậm báo lạc v.v... cả. Có kẻ làm những công việc vặt vãnh ấy cho họ.

"Kẻ" ấy là hãng Noedata, trụ sở đặt tại thị xã Boulder, tiểu bang Colorado. Có ngày Neodata nhận hàng triệu thư từ độc giả gửi về, hàng năm họ gửi đi 202 triệu thư tín, xài tới 36 triệu bạc tem.

Hãng Neodata là một hãng lớn nhất, ngoài ra còn lắm công ty khác làm công việc này.

Giải tỏa các công việc... phi văn chương, các báo Việt ngữ đang tiến mạnh trên chiều hướng ấy là cái chắc. Nhưng tới nơi, hãy còn lâu. Bây giờ hãy tạm đề cao đức khiêm tốn.

Hồ Quí Ly tại Hoa Kỳ.

Từ cuốn *Đại Việt sử ký toàn thư* của Phan Phù Tiên và Ngô Sĩ Liên hồi thế kỷ thứ 15, cho đến *Việt Nam sử lược* của Trần Trọng Kim đầu thế kỷ 20, các sử gia ta đều chỉ trích Hồ Quí Ly về tội đoạt ngôi nhà Trần. Sử gia phong kiến chê nặng, cụ Trần thì rộng rãi hơn, có nêu công lao và tài năng của họ Hồ.

Nhưng tất cả đều không vừa ý sử gia John K. Whitmore nước Cờ Hoa.

Tiến sĩ John K. Whitmore là giáo sư tại các đại học Yale, Michigan, Virginia vừa hoàn tất một tác phẩm quan trọng về Hồ Quí Ly. Cuốn *Vietnam, Ho Qui Ly, and the Ming (1371-1421)* sắp do Yale Southeast Asia Studies xuất bản vào tháng 9-1985 tới đây trong tủ sách Lạc Việt.

Không đem quan điểm luân lý Khổng học ra phán đoán một nhà chính trị, sử gia Mỹ gạt bỏ mọi thành kiến, hoàn toàn ca ngợi sự nghiệp cải cách của họ Hồ trong ngót 200 trang sách. Chúng ta vui mừng thấy giới học giả Mỹ có những cố gắng đi sâu vào con đường tìm hiểu dân tộc Việt Nam.

Tác phẩm của John K. Whitmore là cuốn thứ hai trong tủ sách Lạc Việt. Cuốn thứ nhất là *Flowers from Hell*, thơ Nguyễn Chí Thiện, do Huỳnh Sanh Thông chọn và dịch.

Văn hóa Mỹ trên đường Tây tiến.

Từ hồi nào tới giờ muốn làm văn nghệ ở Mỹ phải đổ xô về Đông Bắc. Bao nhiêu nhà xuất bản lớn tập trung vào Nữu Ước cả. Chỉ có Nữu Ước mới "tung" lên được những best-seller, tạo nổi những tên tuổi lớn. Các nơi khác muốn in sách cứ tự do in, nhưng ấy là in... cho

vui mà thôi.

Bỗng đâu gần đây cuốn *Son of the morning star* của Evan Connell do nhà North Point Press xuất bản thình lình nhảy vọt vào danh sách best-seller và cứ thế đứng lì trong danh sách suốt 6 tháng liền. Nhà xuất bản dự trù năm đầu bán độ 15.000 cuốn; không ngờ đã bán được tới 150.000 cuốn bìa cứng. Chủ nhân kêu: "Thật là một sai lầm mát ruột".

North Point Press, tên gì lạ hoắc vậy? — Đó là một nhà xuất bản be bé ở Berkeley, xứ Cali, mới ra đời từ bảy năm nay. Mới toanh! Mới và hung hăng, và tiến mạnh.

Sau North Point có nhà Black Sparrow Press, ở Santa Barbara, khởi đầu từ 1966, do một cặp vợ chồng, làm ăn lối cò con, mà rất độc đáo. Gặp một nhân viên bưu điện say sưa mà viết hợp ý mình, nhà xuất bản đề nghị trả cho anh nhân viên nọ mỗi tháng $100, bắt anh ta nằm nhà viết truyện. Anh ta OK. Cứ thế, cho tới nay nhà Balck Sparrow đã in của Charles Bukowski 15 tác phẩm, nhiều cuốn được dịch ra 12 thứ tiếng, thuộc hạng best-seller bên Âu Châu, bán đến hàng triệu bản!

Sau nữa có nhà xuất bản William Kaufmann ở Los Altos (cũng Cali nữa), chuyên về những sách kỹ thuật, cũng đang trên đà phát triển mạnh.

Bà con ta có thể gật gù nhận định: xứ Cali trước vẫn ấm ớ tối tăm, dân Việt Nam vừa di tản đến chẳng mấy chốc mà văn hóa đã có mòi khá. Gần đèn thì sáng có khác. □

Những ngày mai huy hoàng.

Đọc sách Tiệp Khắc gần đây, bà con ta quen đọc Milan Kundera với Josef Skvorecky. Những nhà văn Tiệp lưu vong ấy hay thật.

Nhưng "hay" hơn nữa có lẽ là hạng nhà văn Tiệp Khắc không chịu lưu vong sau mùa xuân tàn bạo ở Prague. Chẳng hạn như Vaclav Havel, như Ludvik Vaculik, như Ivan Klima v.v... Sau khi Nga xua xe tăng vào thủ đô Tiệp, nghiền nát chút tự do vừa manh nha tại một xứ cọng sản, rất nhiều thanh niên, trí thức, văn nghệ sĩ bỏ ra đi, nhưng có số chọn ở lại. Tất nhiên kẻ ở, bị đày đọa, bị bịt mồm bịt miệng; nhưng cũng không hiếm những cây bút tiếp tục múa may trong bóng tối, âm thầm, bí mật.

Một tác phẩm của Ivan Klima vừa lọt ra bên ngoài, được George Theiner dịch ra Anh văn và do nhà Readers International xuất bản. Tác phẩm có cái nhan đề mỉa mai: *Những buổi mai đẹp của tôi (My merry mornings).*

Những buổi mai của Ivan Klima "đẹp đẽ", vui tươi một cách kinh hoàng. Tất cả là bảy buổi mai, tức trọn một tuần lễ. Bảy buổi mai, bảy

thiên truyện ngắn. Bảy thiên truyện mà như thể bảy bài thơ; nó không có đầu đuôi, không liên tục, nó kết cấu lạ lùng... Bảy thiên truyện gợi lên hình ảnh một xã hội trong đó có những tiểu thuyết gia bị đưa vào phục vụ trong trại nuôi gà, những ký giả đi gác đêm, những giáo sư triết học đi chụm lửa đun nước trong nhà máy, những đứa bé chỉ mơ giết... bố, những cán bộ tham nhũng, ăn cắp như máy... Cán bộ "lãnh đạo" cơ xưởng là cả một vị chúa tể điều khiển một tổ chức buôn bán chợ đen phát tài vô kể; cán bộ "lãnh đạo" việc phân phối nhà cửa thì tha hồ phân phối trên căn bản đổi phòng lấy tiền (hay lấy tình). Đúng thế, nhân dân có tiền thì hối lộ bằng tiền, có tình thì hối lộ bằng tình, cán bộ nhận tất. Cán bộ đẳng lúc nào cũng rộng lượng.

Nhân dân cứ thế hồ hởi, cán bộ cứ thế hi sinh, cuộc đời cứ thế tươi đẹp, đẹp suốt bảy hôm mỗi tuần.

Tác phẩm nước Tiệp mà như truyền thần cuộc sống ở xã hội Việt Nam ngày nay.

Một nhận định về tuổi già.

Năm 1982 Garcia Marquez được giải Nobel văn chương. Năm 1985 ông đang hè hụi hoàn tất một cuốn tiểu thuyết về tình yêu của một cặp uyên ương trên dưới tám mươi tuổi (nói cho đích xác thì chàng tám mươi hai, còn nàng bảy mươi tám tuổi).

Yêu đương kiểu tám mươi tuổi là yêu thế nào nhỉ? Nhiều người tò mò muốn biết rõ thêm một tí. Marlise Simone chịu khó tìm đến phỏng vấn văn hào lão thành đầy danh vọng xứ Colombie.

Nhà văn rất thông minh, rất nhạy cảm, nên vừa được hỏi qua thì biết ngay là phỏng vấn viên muốn rõ thêm về "vấn đề" gì. Ông rất sốt sắng, giải thích ngay: đại phàm cái món tình dục mình không bỏ nó thì nó không bỏ mình đâu. Nghĩa là mình cứ hoạt động đều đều, đừng có ngừng ngang xương mà hỏng. Hễ ngừng máy hơi lâu lâu, là khó "đề" lại lắm. Khó lắm đấy nhá. Vì vậy, nên để máy nổ luôn cho nóng máy. Nhớ đừng có tắt máy bao giờ cả. Tuổi tác, đâu có quan hệ gì? Ngày xưa, ông nội tôi đã già lắm mà vẫn cứ "hoạt động" đều đặn cho đến hơi thở cuối cùng. Đó chính là vấn đề đang được đề cập đến trong cuốn truyện của tôi đấy.

Sáng tác và nghiên cứu.

Ông già này coi bộ rành rẽ dữ: nào chuyện nổ máy, chuyện "đề" máy khó khăn v.v..., ông am hiểu kỹ quá. Thế nhưng Garcia Marquez mới có 57 tuổi, đã "ngừng máy" bao giờ đâu mà thạo đời quá vậy? Chắc là ông phải khảo cứu rộng rãi lắm lắm. Bèn hỏi ông đọc những thứ sách nào về tuổi già? Ông tiết lộ: Chỉ đọc có mỗi một cuốn *La Vieillesse* của Simone de Beauvoir, cuốn này lại không hề nghiên cứu

về khía cạnh dục tình!

Ủa, vậy ông nghiên cứu cách nào? Quan sát ngoài đời chăng? Văn hào có nói đến hoạt động tình dục rất mẫn cán của ông nội; thế còn những nhân vật khác trong gia đình thì sao? Song thân của ông chẳng hạn ?

Garcia Marquez tỏ ra rất thẳng thắn. Ông bảo cha mẹ ông sống chung sáu mươi năm, sinh ra mười sáu người con. Quá bốn mươi hai tuổi, mẹ ông còn sinh con, tức là còn nổ máy. Văn hào giải Nobel rất tò mò muốn biết những gì xảy ra giữa hai đấng sinh thành vào tuổi bảy mươi, nhưng ông không tiện hỏi thẳng, bởi vì ở Colombie cũng như ở Á Đông, chuyện như thế khó hỏi lắm, nhất là hỏi thẳng cha mẹ.

Vậy thì sách không xem sách, đời cũng không quan sát điều tra được mấy. Nhà văn căn cứ vào đâu mà viết về đời sống dục tình của các nhân vật già? — *"Vào óc tưởng tượng, óc sáng tạo"*: nhà văn bảo thế.

Ấy vậy mà hồi ông chưa tới tuổi tứ tuần, ông có viết cuốn truyện *Trăm năm quạnh quẽ*, trong đó có nhiều nhân vật già nua. Sau này một học giả nọ đem ra nghiên cứu về vấn đề tuổi già, khen nức nở. G. Marquez có nghe nói tới chuyện ấy, nhưng vẫn chưa có dịp đọc cuốn sách nghiên cứu kia!

Óc sáng tạo.

Đây không phải là trường hợp duy nhất. Ở một chỗ khác trong cuốn *Trăm năm quạnh quẽ* truyện đề cập tới những cuộc tranh đấu năm 1928 ở Colombie giữa dân bản xứ và các chủ đồn điền trồng chuối người ngoại quốc.

Lần này G. Marquez chịu khó đi hỏi han, điều tra. Người ta bảo ông trong cuộc xung đột bấy giờ, có mười bảy người chết.

Nhà văn liền nổi cáu: Lịch sử chỉ cung cấp có mười bảy xác chết, làm sao ông xây dựng được tác phẩm ngoạn mục? Ông liền huy động tới óc tưởng tượng óc sáng tạo. Con số mười bảy tức thì được nâng lên thành ra ba nghìn. Ba nghìn xác chết, chất đầy một chuyến tàu: thế mới rùng rợn, mới khủng khiếp chứ.

Thế rồi về sau, nhân dịp một ngày lễ kỷ niệm biến cố đau thương nọ, có một diễn giả hùng hồn vung tay múa chân trước cử tọa, cực lực lên án cuộc tàn sát dã man... ba nghìn dân lao động tại một đồn điền chuối ở Colombie năm 1928. Garcia Marquez bụm miệng cười. Cười mệt nghỉ.

Không trách nhà văn ít ham khảo cứu sách vở, nhất là sách... tiểu thuyết!

Heinrich Boell không còn nữa.

Trong khi ông Nobel này nghiên cứu về món ái tình của các cụ già tám mươi tuổi, thì một ông Nobel khác mới 67 tuổi đã từ giã cõi trần. Đang viết cuốn truyện về tình già là cụ Gabriel Marquez; vừa ra đi là cụ Heinrich Boell.

H. Boell là một nhà văn Đức, tác giả bốn chục cuốn sách, từng được dịch ra 45 thứ tiếng (không biết trong đó có tính đến tiếng Việt chăng, bởi vì trước 1975 nhiều dịch phẩm của H. Boell đã lưu hành ở Nam Việt Nam).

Thuở sinh thời, nhà văn này từng làm mệt óc nhiều người. Hồi trai trẻ, ông bị bắt lính, trong đệ nhị thế chiến ông lính ấy đánh đá bị thương đến ba lần, nhưng vừa đánh vừa cầu mong cho nước mình thua trận. Bởi vì H. Boell chống độc tài, chống quốc xã, yêu hòa bình.

Sau thế chiến thứ hai, ông viết sách, tiếp tục công kích độc tài và chống chiến tranh; ông xuất bản tác phẩm của A. Soljenitsyne. Gần đây từ đầu thập niên 1980, ông chống Hoa Kỳ đặt hỏa tiễn ở Âu Châu, rồi loay hoay thế nào ông lại ủng hộ phong trào tả phái Xanh (Greens party)

H. Boell sinh ngày 21 tháng 12 năm 1917 ở Cologne, được giải Nobel văn chương năm 1972.

Quận Cam, qui tụ thêm nhiều văn nghệ sĩ mới tới.

Quận Cam, tiểu bang Cali Hoa Kỳ, nơi vẫn được cộng đồng tị nạn Việt Nam hải ngoại xem là thủ đô tị nạn, ngày càng có sức thu hút được nhiều văn nghệ sĩ tới định cư.

Nội trong tháng vừa qua, đã có ba người cầm bút từ Việt Nam vượt biên qua trại tị nạn và được đi định cư tại quận Cam. Đó là nhà thơ *Lâm Tương Dũ* từ trại tị nạn Bataan Phi Luật Tân qua, nhà văn *Định Nguyên* và nhà văn *Thái Lãng* từ trại tị nạn Galang, Nam Dương tới.

Ngành hội họa có họa sĩ *Nghiêu Đề* cùng với gia đình đã đến San Diego, Cali theo chương trình đoàn tụ ODP sau một thời gian lưu lại tại trại Bataan để học Anh văn và đời sống Mỹ. Đôi vợ chồng họa sĩ *Nguyễn Đồng - Nguyễn Thị Hợp* sau mấy năm định cư tại Tây Đức nay đã quyết định sang định cư tại quận Cam để theo đuổi sự nghiệp hội họa.

Ngành báo chí thì nhà báo Lê Đình Điểu cũng đã quyết định rời Paris để qua quận Cam cộng tác với tờ Người Việt.

Văn Học Nghệ Thuật xin có lời chào mừng các bạn văn nghệ mới tới !

Điểm sách

Bình minh câm.

Thơ của Nguyễn Đức Bạt Ngàn, tác giả ấn hành, bìa do tác giả, trang bài do Thi Vũ trình bày, in tại ấn quán Quê Mẹ, Paris, Pháp, 80 trang. Giá 8 Mỹ kim.

Cuốn sách có hình thức trang nhã đẹp đẽ, như mọi ấn phẩm do nhà Quê Mẹ thực hiện. Điều ấy cần thiết đối với một thi phẩm, nhất là thi phẩm đầu tay của một tác giả đã từng viết trên hai mươi năm, như Nguyễn Đức Bạt Ngàn.

Nguyễn Đức Bạt Ngàn đã làm thơ trước 1975, đã ở lại Việt Nam sau 1975, tiếp tục làm thơ, và đã thoát ra hải ngoại, sống lưu vong, và lại tiếp tục làm thơ.

Bình minh câm có một điều đáng lưu ý trước tiên: Nó là một tập thơ được hoàn thành trong nước trong khoảng trước và sau 1975, để rồi được in ở hải ngoại.

Thơ viết trong nước, dưới chế độ mới, có những câu như :

"Bây giờ ở trên tổ quốc này
con người cầm trái tim đi đổi gạo
cầm tâm hồn đem bán rẻ anh em
mong tăng công để còn được sống".

(Tâm thương)

Nghe cứ như thơ Nguyễn Chí Thiện! Cũng là "tiếng vọng từ địa ngục" cả.

Tuy vậy, từ địa ngục không phải các tiếng vọng luôn luôn giống nhau. Ở Nguyễn Chí Thiện là uất hận, chống đối mãnh liệt, ở Nguyễn Đức Bạt Ngàn không có thế. Tiếng thơ của Nguyễn Đức Bạt Ngàn là tiếng thơ gửi mẹ và gửi ... "hư không".

"... gọi ngàn xưa gọi ngàn sau
gọi em cổ lụy gọi sầu *theo anh".*

(Hương cau)

"...mừng thương yêu dấu hơi phù
nghìn sau mộng *có đền bù cho nhau..."*

(Mười thương)

Những *sầu*, những *mộng*, những *hư phù* ấy khó tìm thấy trong tác phẩm của những người sống lâu năm trong cái thế giới những người "cầm trái tim đi đổi". Cho nên chúng ta nghĩ rằng có lẽ đó là cái phần trước tháng 4-75, chứ không phải sau 1975. Chúng ta còn chờ đợi nhiều thay đổi ở Nguyễn Đức Bạt Ngàn sau 1975, ở Nguyễn Đức Bạt Ngàn lưu vong...

Mây vẫn nhớ ngàn.

Tên truyện là bốn chữ bay bướm, tha thiết. Tên tác giả còn bay bướm, thơ mộng hơn: *Đường phượng bay*. Mở vài trang đầu, người đọc gặp lời giới thiệu của một tu sĩ: Linh mục Việt Châu. Xem phần lời bạt lại gặp một tu sĩ lừng danh nữa: linh mục triết gia Kim Định.

Rồi lại thấy cuốn sách có một tên khác: "Vì tôi là linh mục".

Người đọc thích truyện tình, bị tên truyện và tên tác giả lôi cuốn, mở cuốn sách ra đụng đầu ngay một lúc với ba vị linh mục, tưởng mình vớ nhầm cuốn sách giáo lý, giật mình, hơi bẽn lẽn.

Nhưng *Mây vẫn nhớ ngàn* đích thực là một tiểu thuyết mô tả mối tình giữa một tu sĩ trẻ và một nữ y tá trong bối cảnh Sàigòn tháng 4-năm 1975. Triết gia Kim Định viết: "Tổng chi, đây là một cuốn tiểu thuyết có hạng".

Tu sĩ Phạm Thiên Thư, nhờ yêu, đã tặng cho đời nhiều bài thơ tình độc đáo. Sự đóng góp của tu sĩ *Đường Phượng Bay* hẳn sẽ được chào mừng nồng nhiệt. Độc giả ham truyện yêu đương không dám khích lệ các tu sĩ cứ yêu vung vít để... đóng góp cho văn chương.

Tuy nhiên, đã lỡ có yêu rồi thì xin cứ chia xẻ cho người đọc những kinh nghiệm, những vấn đề, những xúc cảm... có từ lúc Thượng Đế tạo ra loài người, nhưng lúc nào cũng là mới mẻ.

Sách dày 375 trang, giá 7 Mỹ kim. Nhà xuất bản: Tuần Báo Dân Tộc, 414E William St, Suite #3. San Jose. CA 92112.

Sách mới nhận được.

Trong tháng 7 năm 1985 vừa qua, tòa soạn Văn-Học Nghệ-Thuật đã nhận được các tác phẩm sau đây do tác giả gửi đến biếu tòa soạn. Xin trân trọng giới thiệu cùng quí bạn đọc. Ban biên tập sẽ lần lượt có bài điểm sách hoặc phê bình những tác phẩm quan trọng trong các số báo sau :

1- Ngày đi thương sợi khói bên nhà. Thi phẩm của Lâm Hảo Dũng, do Nhân Văn xuất bản, 67 trang, giá 4 Mỹ kim. Địa chỉ liên lạc: Nhân Văn, PO Box 21638, San Jose, CA 95151.

2- Nửa đường gãy cánh. Truyện dài của Đỗ Quốc Anh Thư, do Nguyễn Dũng xuất bản, 229 trang, giá 7 Mỹ kim. Địa chỉ liên lạc: Nguyễn Dũng, PO Box 18326, San Jose, CA 95158.

3- Tôi làm tôi mất nước. Hồi ký của Lê Văn Phúc, do Văn Hữu xuất bản, 151 trang, giá 6 Mỹ kim. Địa chỉ liên lạc: Xuân Thu, P.O. Box 720062, Houston, Texas, USA 77272.

4- Hội Hữu, số 1. Tạp chí nghiên cứu của Việt học hàn lâm giáo sĩ Việt Nam hải ngoại chủ trương, 120 trang, không đề giá bán.

5- Bình minh câm. Thi phẩm của Nguyễn Đức Bạt Ngàn, do tác giả ấn hành, 82 trang, giá 8 Mỹ kim. Địa chỉ liên lạc: Trần Mỹ Trân, 12241 Dovecourt Ave., Edmonton, Alta T5L 4E1, Canada.

6- Tạp chí Diễn Đàn Người Việt. Số ra mắt tháng 6-1985, nguyệt san thời sự, văn học, nghệ thuật, do Lê Tài Điển làm chủ nhiệm, Lê Đình Điểu làm chủ bút, giá mỗi số 20 quan Pháp. Báo quán đặt ở 72 rue Tolbiac, 75013 Paris, France.

7- Đặc san Mũ Đỏ số 2. Xuất bản ngày 19-6-85. Khổ nhỏ, dày 138 trang, phổ biến nội bộ không ghi giá bán cho bạn đọc ngoài hội mũ đỏ. Địa chỉ liên lạc: Mũ Đỏ, P.O. Box 3162, Santa Clara, CA 95055.

8- Thơ Việt Chí Nhân. Nhà xuất bản Van Moch vừa ấn hành một bộ thơ của Việt Chí Nhân gồm bốn tập: tập 1 chủ đề Xuân Nhớ Mẹ, tập 2: Hướng về Văn Lang. Tập 3: Mẹ Việt Nam. Tập 4: Vời vời. Giá mỗi tập 7 Mỹ kim. Địa chỉ liên lạc: 3636 University Ave., San Diego, CA 92104.

9- Thơ Kiêm Thêm. Do Thuận Hóa xuất bản, dày 114 trang, tựa của nhà thơ Nguyên Sa. Sách in thật công phu và đẹp, bìa Hà Thúc Như Hỷ, phụ bản của Mai Thảo, Ngọc Dũng, Nguyên Khai, Phạm Công Thiện, Don Faber, bản đặc biệt không đề giá bán.

10- Ngọn cỏ bồng. Tác phẩm đầu tay của Nguyễn Bá Trạc, Người Việt xuất bản, dày 282 trang, giá 8 Mỹ kim. Tuyển tập văn thơ ghi lại một cách tài hoa tâm trạng mười năm lưu vong, với một bút pháp độc đáo và phóng khoáng. Địa chỉ liên lạc: Nhà xuất bản Người Việt 9393F Bolsa Ave., Westminster, CA 02683, USA. Phone (714) 531-6605/6606.

11- Truyền Thông. Tạp chí văn nghệ tư tưởng phát hành mỗi hai tháng, do Đằng Sơn và Nguyen Lĩnh chủ trương. Giá mỗi số 3 Mỹ kim. Địa chỉ tòa soạn: 282 N. Frist Street, San Jose, CA 95113, USA.

12- Bảo Nổi. Tập 2 bộ trường thiên tiểu thuyết Mùa Biển Động của Nguyễn Mộng Giác, dày 246 trang, giá 8 Mỹ kim do Người Việt xuất bản. Tác phẩm ghi lại tâm trạng của một thế hệ thanh niên qua biến cố Phật Giáo Miền Trung năm 1966. Tập 3 sẽ xuất bản vào khoảng tháng 2 năm 1986 viết về giai đoạn từ vụ Tết Mậu Thân đến thời kỳ cộng sản chiếm miền Nam. Bạn đọc muốn mua đủ bộ xin liên lạc:

Nhà xuất bản Người Việt
9393F Bolsa Ave., Westmisnter, CA 92683, USA
Phne (714) 531-6605

hoặc Tạp Chí Văn Học Nghệ Thuật
P.O. Box 486, Westminster, CA 92683, USA
Phone (714) 897-3628

Hộp thư tòa soạn.

Bài nhận được trong tháng: Giao Hưởng (thơ NMT) sáu bài tứ tuyệt (thơ HTS). Đố ai nằm ngủ không mơ. Xa rồi vẫn nhớ. Chiếc lồng đèn trung thu (truyện ngắn PVN). Sàigòn đen (truyện ngắn NQH). Jean Charcot tháng 6-85. Còn giữ nụ cười. Khi lòng chai đã luyện (thơ ĐT). Cuộc tình không thể viết (thơ HTD). Mù tăm (thơ PNT), loạt thơ của DT. Phương trời (thơ HLN). Bích chương triển lãm tranh La Toàn Vinh. Thù này chẳng riêng ai (thơ BP). Buồn ơi vẫn buồn (thơ PCN). Điểm hẹn (thơ TY). Hỏi Thu, Thu, Thu Sầu, Thu Điếu (thơ PLAT). Mùa hạ (thơ VP). Chiêm bao, Thái hòa, Dạ thưa, Áo xiêm (thơ TTD). Tình thiên thu (truyện PTTT). Bọt nước, Khoảnh khắc (thơ VLH). Quán xưa, Biển ru (thơ VDL). Tin biển.

Xin quí văn hữu cho phép VHNT được giữ các sáng tác nói trên trong vòng hai kỳ báo. Sau hai kỳ, quí bạn có thể tùy nghi gửi cho các báo khác.

Bạn San Cao Vo, Modesto CA và các bạn hỏi về thể lệ gửi bài đến VHNT. Chúng tôi hoan nghênh tất cả mọi bài vở có giá trị thuộc mọi khuynh hướng văn nghệ. Một khi đã gửi bài nào đến VHNT, xin bạn đừng gửi bài ấy đến báo khác trước khi chúng tôi cho biết không thể đăng được (trong thời hạn hai kỳ báo kể từ số có mục hộp thư tòa soạn này).

Anh Lê Văn Tâm, Hồng Kông. Xin cảm ơn lời khen của anh và các bạn tại trại tị nạn Hồng Kông. Thư anh nói có gửi thêm một truyện ngắn, một tiểu luận và mấy bài thơ. Nhưng cho đến nay (25-7), VHNT chưa nhận được.

Ông Quan Tran, Lafayette. Đã gửi hai số báo cho ông, chắc ông đã nhận được. Về hai thắc mắc của ông, thắc mắc đầu chúng tôi không có tài liệu tham khảo nên không dám trả lời. Thắc mắc thứ hai theo chúng tôi nghĩ chỉ là một cách phủ nhận quá khứ để vững tin hơn ở đường lối sáng tạo mới, chứ không có hàm ý ca tụng ai cả.

Ông Thái Tú Phong, Salinas, CA. Ông khoái bài *Bôi bẩn dân tộc*, vâng, nhiều bạn đọc cũng khoái bài đó của Kiều Phong như ông. Còn loại Cô Tô Mộ Dung ông đề nghị Kiều Phong ra chiêu, thì VHNT còn phải xem lại. Đối tượng khác nhau, ông thấy không? Còn chuyện ông mong thêm vài bài nữa như *bôi bẩn dân tộc* để được *vỗ về mà sướng quá* như lời ông viết thì chắc Kiều Phong sẵn sàng thôi! Xin ông đọc bài của Tưởng Năng Tiến trong số này.

Ông Bùi Ngọc Tuân, Minneapolis. Sáng kiến gửi báo VHNT đến tặng cho các thân nhân của ông thật có ý nghĩa. Món quà ông gửi cho

các thân nhân sẽ giúp cho họ theo dõi được sinh hoạt văn nghệ và các sáng tác tiêu biểu của các cây bút lưu vong khắp nơi trên thế giới. Cảm ơn thiện cảm quí giá của ông !

Ông Phạm Mạnh Tuệ Arizona. Lời ông viết đầu lá thư: "Chúng tôi ngạc nhiên nhưng rất vui mừng được người em bên Cali gửi sang tặng cuốn Văn Học Nghệ Thuật bộ mới số 1". Vâng, chúng tôi cũng vui mừng vì nhờ những "người em" quí hóa như trên mà VHNT đã được gửi đi khắp mọi nơi. Chúng tôi đã gửi ngay số 2 và 3 từ giữa tháng 7. Chắc ông đã nhận được.

Ông H.Đ., Hillboro, Oregon. Rất tiếc VHNT chưa có đủ tài chánh để xuất bản kịch. Chúng tôi vẫn còn giữ bản thảo của ông tại tòa soạn.

ĐÃ CÓ BÁN KHẮP NƠI

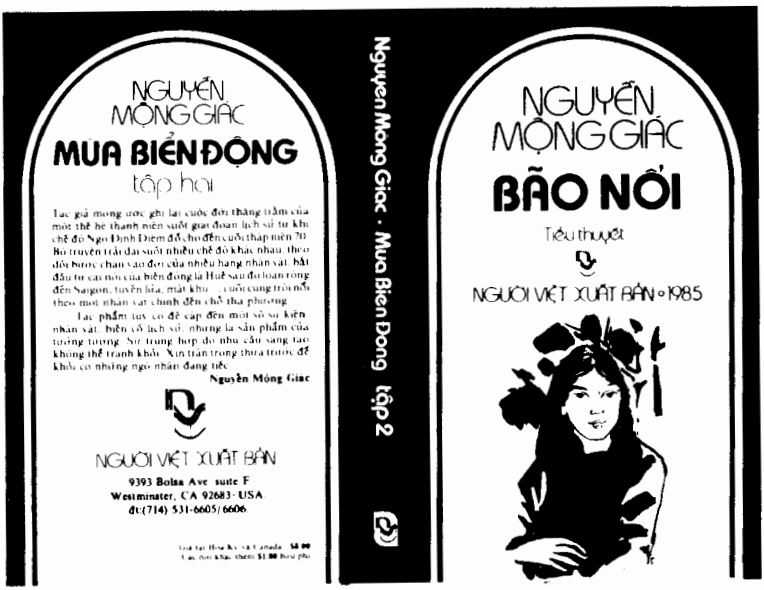

Quý độc giả có thể đặt mua tại tòa soạn V.H.N.T.
P.O. Box 486, Westminster, CA 92684 (USA)

BÁC SĨ

TRẦN NGỌC NINH

Phòng mạch chữa bệnh và giải phẫu
tại Trung Tâm Y Khoa Bristol
2720 South Bristol, Suite 206
Santa Ana, CA 92704

(714) 549-2252

Làm việc theo hẹn
từ thứ hai đến thứ sáu

— *Nguyên Giáo sư Y Khoa đại học Saigon*
— *Thạc sĩ Y Khoa Pháp*
— *Hội viên hội Chỉnh trực và thương khoa Pháp*
— *Hội viên Hội Chỉnh trực và thương khoa quốc tế*
— *Nguyên giảng viên khoa giải phẫu tiểu nhi đại học Pittsburg, PA.*
— *American Board of Orthopedic Surgery*
— *Hội viên hội Giải phẫu Tiểu nhi Anh và Pháp quốc*
— *Hội viên Hội giải phẫu Pháp.*

Y - NHA KHOA

14265 Brookhurst St.
(Giữa Westminster và Hazard)
Garden Grove, CA 92643

(714) 531-3263

Nữ Bác Sĩ Y Khoa
NGUYỄN THỊ NHUẬN

Tốt nghiệp chuyên môn Nhi Khoa tại UCI Medical Center
Bác Sĩ điều trị những bệnh viện lớn
vùng Long Beach và Orange County

CHUYÊN TRỊ BỆNH TRẺ EM
KHÁM BỆNH PHỤ NỮ

Giờ làm việc :
Thứ Hai đến Thứ Bảy : 10AM-6PM
Chủ Nhật : Theo hẹn

Nữ BAc Sĩ Nha Khoa
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

NHA KHOA TỔNG QUÁT
NHA KHOA NHI ĐỒNG
NHA KHOA THẨM MỸ
RĂNG GIẢ CÁC LOẠI

Ứng dụng máy móc kỹ thuật tối tân nhất

NHẬN BẢO HIỂM VÀ MEDI-CAL

Dành mọi điều kiện dễ dàng cho quý vị có bảo hiểm hoặc trả tiền mặt.

THAM KHẢO MIỄN PHÍ

Giờ làm việc:
Thứ Hai đến thứ Sáu : 10AM-7PM
Thứ Bảy : 10AM-5PM

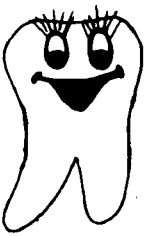

TRUNG TÂM NHA KHOA

NGUYỄN NGỌC THANH

Tiến Sĩ Nha-Y-Khoa tại Hoa Kỳ

(Doctor of Dental Medicine – General Dentistry)

1510 E. 7TH STREET
LONG BEACH, CA 90813
(213) 435-4332

2231 S. BRISTOL ST.
SANTA ANA, CA 92704
(714) 966-0171

15922 S. HAWTHORNE BL
LAWNDALE, CA 90260
(213) 370-5587

Với các máy móc Nha Khoa trang bị tối tân và do **NỮ BÁC SĨ NGUYỄN NGỌC THANH** chăm sóc cho các thân chủ cùng với sự cộng tác của nhiều Bác sĩ có khả năng và kinh nghiệm lâu năm, nên không phải gửi các bệnh nhân đi chữa bệnh ở các nơi khác.

TAM AUTO CENTER

1610 N. Fairview St. Santa Ana, CA 92706
(Góc Westminster và Fairview)

(714) 554-2314

LÀM ĐỒNG - SƠN

SỬA CHỮA VÀ BÁN TẤT CẢ CÁC LOẠI XE

Đặc biệt làm máy xăng, dầu, Tune-up
Làm thắng - Rebuild hộp số - Carburator

Mở cửa từ 7 giờ sáng đến 7 giờ chiều
Chủ nhật từ 7 giờ sáng đến 12 giờ trưa

GRAND OPENING

VĂN DÀN

PUBLISHING & DISTRIBUTING CO.

14 S. ALMADEN AVENUE
SAN JOSE, CA 95113

(408) 297 - 8141

⊛BÁN ĐỦ LOẠI SÁCH, TỰ ĐIỂN, BÁO CHÍ, BĂNG NHẠC

⊛VỚI THƯ MỤC GẦN 1,000 LOẠI SÁCH ĐỂ THIẾT LẬP TỦ SÁCH VIỆT NGỮ CHO GIA ĐÌNH, THƯ VIỆN.

* ***Tự điển đủ loại:***

- Anh Việt - Việt Anh - Pháp Việt - Việt Pháp - Hán Việt - Việt Nam Tự Điển - Anh Miện - Miện Anh - Điện Tử - Toán Học - Danh Từ Chuyên Môn Kỹ Thuật - Danh Ngôn Tự Điển...

* ***SÁCH:***

- Tôn giáo	- Huấn nghệ	- Phong tục	- Gia chánh nấu ăn
- Triết học	- Xử thế, tâm lý, tu thân	- Văn học	- Võ hiệp, trinh thám điệp viên
- Lịch Sử	- Dưỡng sinh, Y-tế gia đình	- Tiểu thuyết	- Truyện dịch
- Văn minh	- Bói toán tử vi	- Thi ca	- Sách thiếu nhi

* ***BẢN NHẠC:***

- Dân Ca Việt Nam.
- ***Các Tác Giả:*** Phạm Duy, Cung Tiến, Trịnh Công Sơn, Lê Uyên Phương, Hoàng thi thơ

⊛**TỦ SÁCH ANH NGỮ:**

Bán các loại sách, báo, tài liệu lịch sử văn hóa, chiến tranh Việt-Nam...

⊛**CHUYỂN NHẬN:**

- Phát hành cho hơn 40 nhà xuất bản sách báo Việt ngữ trên thế giới.
- Xuất bản các sáng tác thơ văn, sách huấn nghệ, khoa học, kỹ thuật...
- Dịch các tác phẩm văn học nghệ thuật Việt ngữ sang Anh Pháp ngữ.
- Phụ soạn hòa âm, phối khí, nhạc đệm cho các băng nhạc, video tapes.

GIÁ ĐẶC BIỆT: Cho các tủ sách gia đình, học giả, văn nghệ sĩ, dịch giả, nhà khảo cứu, sưu tầm.

KINH DOANH GRAPHIC ART (408) 993-0580

DA PHAT HANH

RỪNG LÁ THAY CHƯA?

- **lê thu**
- **jo marcel**
- **thanh thúy**
- **viết dzũng**
- **khánh ly**
- **elvis phương**
- **giao linh**
- **duy quang**
- **jeannie mai**
- **vũ khanh**
- **phạm đình chương**
- **song ngọc**
- **huỳnh anh**
- **lê dinh**
- **viết dzũng**
- **trần quan long**

thực hiện:
việt dzũng & trung nghĩa
mixing:
dave jones, jo marcel
việt dzũng & trung nghĩa
thâu âm tại
sound affairs 24-track
huntington beach, california
ảnh bìa:
trần cao lĩnh
design: trần đình thục

Một băng nhạc quy tụ 10 tiếng hát đắt giá nhất của nghệ thuật hải ngoại với những nhạc phẩm tiêu biểu của 9 nhạc sĩ lừng danh, phổ từ thơ Hoàng Ngọc Ân. Một băng nhạc giá trị nhất trong suốt 10 năm sáng tác tại hải ngoại.

phát hành: trung tâm sách báo, băng nhạc & video

Văn Hữu

2801 milam street
houston, texas 77006
(713) 523-4229 & 523-4449

Đại diện phát hành
TRUNG TÂM
THANH LAN
9291 BOLSA AVE
WESTMINSTER, CA 92683
Tel: (714) 893-0386 & 893-3233

VƯƠNG ĐỨC HẬU, MD, FACOG, INC.
Diplomate American Board of Ob. and Gyn.

Thăm thai và đỡ đẻ — Bệnh đàn bà
và giải phẫu — Bệnh hiếm muộn
Kế hoạch hóa gia đình
Ngăn ngừa và chữa trị ung thư

14536 Brookhurst St. Phòng 101
(góc Brookhurst và Hazard)
Westminster, California 92683
(714) 531-5505

Giờ làm việc: Thứ 2-6: 9:30-6:00. Thứ bảy: 9:30-2:00
Nghỉ thứ tư và Chủ nhật

TUẦN BÁO THỜI SỰ NGHỆ THUẬT
XUẤT BẢN MỖI TH. 7 NAM
CHỦ BIÊN HOÀI DIỆP TỨ

mai

ĐEM NGUỒN VUI SỐNG ĐẾN
KHẮP CÁC GIA ĐÌNH VIỆT NAM

TÒA SOẠN:
10708 Westminster Ave. ☐ Garden Grove, CA 92643
714.638.8798

HOWARD ALLAN LIPTON
Luật Sư

NGUYỄN QUỲNH DUY
Phụ Tá

7215 Westminster Ave
Westminster, Ca 92683

Bus: (714) 891-1792
891-4293
891-9418
Res: (714) 538-4157

VIỆT NAM
AUTO BODY
AND PAINTING
408 N. Sullivan
Santa Ana, CA 92703
B. (714) 558-1980
R. (714) 543-5061

MỘT XƯỞNG ĐỒNG
LỚN VÀ
TỐI TÂN NHẤT
TẠI ORANGE COUNTY
Check và kéo xe miễn phí

TAILORING

Nhà May Áo Dài

Thiết Lập

SAIGON

Một địa chỉ duy nhất. Ngoài ra không còn chi nhánh nào khác.

14362 Brookhurst Street
Garden Grove, California 92643
(714) 839-9523

Đọc và cổ động VĂN HỌC Nghệ thuật

BÁC-SĨ NHA-KHOA

NGUYỄN D. LIÊN HƯƠNG, DDS.

9251 Bolsa Ave.
Westminster, CA. 92683

(714) 895-1264
Giờ làm việc: Thứ Hai - Thứ Bảy 10am. - 7pm.

— Khám răng định kỳ, làm sạch, trám và nhổ răng.
— Giải phẫu răng khôn mọc lệch, giải phẫu nướu răng.
— Nha khoa thẩm mỹ với phương pháp Bonding.
— Nha khoa nhi đồng - Kiên nhẫn với trẻ khó tính nhất.
— Ngăn ngừa và điều trị răng mọc lệch lạc, chỉnh hàm.
— Răng giả các loại, gắn dính và tháo lắp - Bền và đẹp.

KINH NGHIỆM - TẬN TÂM - CHU ĐÁO
ỨNG DỤNG PHƯƠNG TIỆN VÀ KỸ THUẬT NHA KHOA MỚI NHẤT

Bác Sĩ HUỲNH HỮU CỬU
Diplomate, American Board of Ophthalmology
Trị bệnh mắt, Giải phẫu mắt, Làm kiếng, Soft Contact Lens

Nhận Medi-Cal và Bảo hiểm

9559 Bolsa Ave., Suite B, Westminster, CA 92683
(Góc Bushard, trên lầu Bolsa Mini Mall)
(714) 531-9401

Bác Sĩ BÙI ĐỒNG
Nguyên Giảng Huấn Trường Đại Học Y Khoa Saigon
Nguyên Sĩ chuyên môn Bệnh viện Bình Dân, Nhi Đồng và Sùng Chính
Hội viên Hội Hàn Lâm Viện Ngoài Da Hoa Kỳ

CHUYÊN TRỊ
— Bệnh ngoài da và hoa liễu (Skin Diseases & Veneral Diseases)
— Bệnh Dị ứng (Allergy)
— Giải phẫu da (Skin Surgery)

9559 Bolsa Ave, Suite A, Westminster, CA 92683
(714) 531-4616 / 4617

NVPrinting

Since 1976

COMPLETE PRINTING SERVICES

6922 Westminster Avenue
Westminster, California 92683
Tel. (714) 897-3628

Nhà in được mọi giới **chịu** nhất

Chủ đề các số sau.

* SỐ ĐẶC BIỆT VỀ ÂM NHẠC.

Với các bài khảo cứu và nhận định công phu của Phạm Duy, Cung Tiến, Trần Quang Hải, Phạm Văn Kỳ Thanh, cùng với những phỏng vấn, khảo sát về tình hình sinh hoạt của giới ca nhạc hải ngoại.

* SỐ ĐẶC BIỆT VỀ THI CA.

— Nói Chuyện Thơ của thi sĩ Đỗ Quí Toàn.
— Giới thiệu các khuynh hướng chính trong nền thi ca Việt Nam lưu vong.
— Nàng Thơ dưới chế độ cộng sản.
— Những tiếng thơ tiêu biểu của thi ca VN lưu vong.

* SỐ ĐẶC BIỆT VỀ TIẾNG VIỆT, CHỮ VIỆT.

Với các bài của các nhà chuyên khảo ngữ học như Nguyễn Đình Hòa, Nguyễn Ngọc Bích, Phạm Văn Hải...

Văn Học Nghệ Thuật kính mời quí bạn đọc và quí văn hữu đóng góp thêm bài vở cho các số chủ đề trên thêm phong phú. Ngoài ra, ban chủ biên VHNT cũng dự tính dành hai số đặc biệt để tưởng niệm hai nhà văn đã quá cố tại Việt Nam là : Hồ Hữu Tường và Nguyễn Hiến Lê.

*

Chủ nhiệm VÕ PHIẾN
Chủ bút LÊ TẤT ĐIỀU
Thư ký tòa soạn NGUYỄN MỘNG GIÁC
Trị sự và kỹ thuật TRẦN ĐÌNH LONG

P. O. Box 486, Westminster, California 92684 USA.
Telephone : (714) 897-3628

Giá 2 Mỹ kim